

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

**LUẬT XUẤT GIA
TÓM TẮT**
(PABBAJITA VINAYA SANKHEPA)

SOẠN SÁCH

TỶ KHUU HỘ TÔNG
VAÑSARAKKHITA BHIKKHU



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH PL. 2537 - 1993



**CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG
BẬC SƠ TỔ KHAI SÁNG
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM
(1893 - 1981)**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

LUẬT XUẤT-GIA

TÓM TẮT

(PABBAJITA VINAYA SAṄKHEPA)

SOẠN GIẢ:

VAN̄SARAKKHITA BHIKKHU

TỶ KHU HU HỘ-TÔNG



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH PL. 2536 - 1993

Thê thức không phạm tội :

Thọ vật-thực không phải của Tỷ-khuru bình vì nghĩ sẽ đem cho Tỷ-khuru khác làm kappiya cho, rồi mới dùng, thọ cho người khác, thọ yamakālika⁽¹⁾ sattāhakālika⁽²⁾, yāvajīvika⁽³⁾ ngoài vật-thực, dùng theo luật là đức Phật đã cho phép, và Tỷ-khuru bình đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người (anānattika) có 3 chi :

1. Người ngăn cơm và đã ra khỏi chỗ ngồi (pavāritabhāvo);
2. Vật-thực chưa làm kappiya không phải vật dư của Tỷ-khuru bình (amisassa anarittatā).
3. Ăn trong giờ (kāle ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều-học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakāthina sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều-học này "phạm vì làm là ngăn cản, phạm vì không làm là không được làm theo (kiriya-kiriya) trước rồi mới nên ăn.

6.— Ngăn vật-thực lần thứ nhì (dutiya-pavāraṇā).

Tỷ-khuru biết rằng vị khác đã ngăn vật-thực như

(1) 8 thứ nước: nhứt là nước xoài gọi là yamakālika là vật được phép dùng trong 1 ngày 1 đêm.

(2) 5 thứ thuốc: sữa lỏng, sữa đặc, đường, mật ong, dầu gọi là: sattāhakālika là vật được phép để dùng trong 7 ngày.

(3) Ngoài vật-thực và 2 thứ thuốc trên gọi là : yāvajīvika, vật được phép dùng cho đến hết.

thế, tính cáo tội vị ấy, rồi cố ý lấy vật-thực không phải của Tỳ-khuru bình, hoặc không được làm theo luật (vinayakamma), đem nài-nỉ hoặc ép, nếu vị ấy ăn, Tỳ-khuru nài-nỉ hoặc ép ấy phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khuru đem vật không phải của dư, đến nài ép, Tỳ-khuru mà mình cố oán đó, ăn.

CHÚ GIẢI. — Khi Tỳ-khuru nài nỉ hoặc ép dâng vật thực đến Tỳ-khuru khác phạm tác-ác, ăn vào phạm ung-đối-trị.

Thê-thức không phạm tội:

Cho vật-thực dư của Tỳ-khuru bình, hoặc cho vì có lời rằng "ngài dạy học làm thành vật-thực dư của Tỳ-khuru bình rồi sẽ dùng", hoặc đem cho người khác, hoặc như cho yamakâlîka rồi nói "khi có duyên cơ sẽ dùng", và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika), có 5 chi :

1. Tỳ-khuru đã ngăn cơm (pavârittata);
2. Đã biết Tỳ-khuru ấy ngăn cơm (pavârittasaññittâ);
3. Cố ý để cáo tội (asâdanâpekkhatâ);
4. Lấy vật không phải của dư của Tỳ-khuru bình đem cho (abhihatthumpavâranatâ);
5. Tỳ-khuru ấy đã ăn rồi (bhojanapariyosânam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

học "trộm-cấp" (adinnādānasikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều-học này thuộc về thọ khổ (dukkha vedanā).

7.— Ăn vật-thực sái giờ (vikālabhojana).

Tỳ-khuru ăn vật-thực trong khi sái giờ là từ chính xế đến mặt trời mọc, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihāra veļuvana) gần thành Vương-xá (Rājagaha), do phe thập thất sư thọ-thực sái giờ.

CHÚ GIẢI. — Thọ nhứt là yamakālika để dùng làm vật-thực trong khi sái giờ hoặc trong giờ, là từ sớm mai đến đúng Ngọ, hoặc tưởng là sái giờ, phạm tác-ác.

Thê-thức không phạm tội :

Trong giờ biết là trong giờ, ăn không phạm, có duyên cứ ăn yamakālika trong khi sái giờ cũng được, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anānattika, có 3 chi :

1. Trong lúc sái giờ (vikālatā);
2. Vật-thực là yāvakālika ⁽¹⁾ (yāvakālikatā);
3. Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả ba chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomāsikkhāpada).

(1) Vật ăn trong buổi sáng (từ mặt trời mọc đến đúng bóng).

8.— **Vật-thực để dành** (sannidhikâra).^{ka}).

Tỳ-khuru dùng vật-thực đã thọ, rồi để dành cách đêm phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khuru Velatthasisa ẩn tu trong rừng (thầy của đại-đức Ananda) phơi cơm khô để ăn nhiều ngày.

CHÚ GIẢI.— Nếu rửa bát không sạch, lấy tay chùi thấy rõ dấu tay, đem phơi trong chỗ có nắng, hoặc thọ cháo nóng, mồ-hôi bát chảy ra, Tỳ-khuru dùng ăn trong bát như thế, trong buổi mai ngày sau, phạm ung-đối-trị.

Vật nào mà Tỳ-khuru đã cho dứt đến sati không còn tiếc rồi sati cất giữ, Tỳ-khuru được vật ấy dùng cũng nên. Trong vật để cách đêm phạm ung-đối-trị, thọ yamakâlika, sattâhakâlika và yâvajîvika để cách đêm làm vật-thực hoặc ăn như vật-thực hoặc trong vật-thực không phải để cách đêm, tương là vật để cách đêm, hoặc nghi đều phạm tác-ác.

Thê-thức không phạm tội :

Biết là không phải vật để cách đêm, cất yavakâlika, yamakâlika, sattâhakâlika, không cho quá hạn định, rồi dùng theo hạn định, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika), có 3 chi :

1. **Vật-thực dùng buổi sáng** (anisam).

2. Đã thọ vật-thực ấy rồi để cách đêm (sannidhibhāvo);

3. Đã ăn vật ấy vào (tassa ajjhoaranam)

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (ekalomāsikkhāpada).

9.— Vật-thực quý (paṇībhojana).

Tỳ-khuru không bịnh xin cơm chung với 9 vật-thực quý là: mỡ lỏng, sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía (đường), cá, thịt sữa tươi, sữa chua, 1 vật quý nào nơi thiện-tín không phải bà con không phải người có yêu cầu đem ăn, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavāna) gần thành Xá-Vệ (Sāvatthi), do nhóm lục-sur xin 9 vật-thực quý để ăn.

CHÚ GIẢI.— Xin vật quý không chung với cơm phạm tác-ác. Xin cơm với cá, họ cho cơm với thịt không phạm tội. Có bịnh-tướng là không bịnh, nghi, phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết mình có bịnh xin trong khi có bịnh, hết bịnh rồi ăn, hoặc ăn vật dư của Tỳ-khuru bịnh, xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu, xin cho người khác hoặc đổi, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người xin" (anānattika), có 4 chi :

1. Cơm với vật-thực quý (paṇītabhojanatā);

2. Không có bình (agilânatā);
3. Xin được (kataviññattiyâpatilâbho);
4. Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Điều học này "tội sanh do thân, thân-khẩu, thân-ý, thân-khẩu-ý, phạm vi làm (kiriya) không khỏi phạm vi tường (nosaññavimokkha) không cố ý cũng phạm (acittaka) phạm vi Phật cấm (paññattikavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, có 3 tâm, 3 thọ.

10.— Trừ ra tãm và nước trắng (dantapona).

Tỳ-khuru dùng vật-thực mà người không dâng, phạm ung-đối-trị, trừ ra nước trắng và tãm xia răng.

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước-xá trong rừng Tuyết-Son, gần thành Tỳ-Sa-Ly (Vesâli), do Tỳ-khuru ăn-tu nơi mồ mà ăn vật-thực của họ đem cúng mồ rồi bỏ nơi ấy, làm cho người chề trách.

CHÚ GIẢI. — Tỳ-khuru dẫu thọ vật nhỏ nhen bằng cát bụi mà họ không dâng, thì phạm tác-ác, đã ăn vào khỏi cổ, phạm ung-đối-trị, trừ ra nước trắng và tãm. Nước không cần dâng, được phép dùng tùy thích ; tãm không cần dâng, vì không phải là vật ăn vào khỏi cổ, nếu ăn vật qua khỏi cổ mà không hay biết cũng phạm ung-đối-trị, trong vật thọ mà người không dâng phạm ung-đối-trị ; trong vật thọ mà người đã dâng, tường là chưa dâng hoặc nghi phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Biết là vật mà họ đã dâng, ăn vào khỏi cổ không phạm tội ; 4 thứ thuốc : nước tiểu, phân, tro, đất, khi hữu sự, là bị răn mỏ mà không có người hộ, thì mình lấy dùng, Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội, hoặc có người hộ mà khó dạy hoặc không thể làm được. Khi không có tro, Tỳ-khuru được phép đốt củi khô, củi khô không có, bẻ cây tươi đốt làm tro cũng nên.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người thọ" (anânattika), có 4 chi :

1. Vật không có người dâng (apatiggahitakatâ) ;
2. Vật ấy đức Phật không cho phép (ananuññâtâta) ;
3. Vật ấy không phải là abbohârika như khói, lửa (dhumâdi abbohârikâbhâvo) ;
4. Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuţţhâna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomâsikkhâpada).

ĐẠO LŨA-THÊ, PHẦN THỨ NĂM

(Accelakavagga)

1.— Kẻ tu đạo lũa thê (Accelaka) :

Tỳ-khuru tự tay mình cho hoặc dạy kẻ khác cho

vật-thực đến kẻ tu đạo lỏa thể, tu ngoại đạo, phạm ung-đối-trị (mỗi lần cho mỗi tội).

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước-xá Kutâgâra trong rừng Tuyết Sơn, gần thành Tỳ-Xá-Ly (Vesâli), do đại đức Ânanda cho bánh đến phụ nữ tu đạo lỏa thể.

2.— Rủ đi khát-thực (uyyojana).

Tỳ-khuru rủ vị khác, đi khát-thực cùng nhau tính làm quấy, rồi đuổi vị ấy trở về, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra Jetavana) gần thành Xá-vê (Sâvatthi), do Tỳ-khuru Upananda rủ đệ tử người bạn đi khát thực rồi đuổi về.

CHÚ GIẢI.— Đuổi sa-di phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Đuổi có duyên-cớ như: 2 vị ở chung chỗ cùng nhau, vật thực không vừa đủ nuôi mạng sống, hoặc thấy vật tốt cao giá, hoặc thấy phụ-nữ rồi sanh lòng tham, khó chịu, hoặc dạy đem vật chi đến Tỳ-khuru bịnh hoặc không tính làm quấy rồi đưa đi về, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người đuổi" (sânattika). Có 3 chi :

1. Tính làm việc quấy (anâcâramâcaritukamatâ);
2. Đuổi Tỳ-khuru vì sự lợi ích ấy (tadatthamevau-pasam pannassanyojanata);
3. Người bị đuổi đi khỏi chỗ (evâm uyyo-jetassa upacârâtikkamo).

Điều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādānāsikhāpada).

3.— Chỉ có 2 vợ chồng (sabhojana).

Tỳ-khuru vào ngồi trong nhà không có người khác ngồi với, chỉ có 2 vợ chồng chủ nhà, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatti), do Tỳ-khuru Upananda vào ngồi trong buồng của vợ người bạn.

4.— Chỗ khuất mắt (rahopaticchanna).

Tỳ-khuru ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với, một người nữ không có người nam ngồi chung với phạm ung-đổi-trị.

Điều học này gọi là (paṭhama rahonisajja) cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra Jetavana), gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do tỳ-khuru Upananda vào ngồi nơi khuất mắt với vợ người bạn.

CHÚ GIẢI.— Dầu ngồi chung với phụ nữ mới dè trong ngày cũng phạm ung-đổi-trị.

5.— Chỗ khuất tai (rahonisajja).

Tỳ-khuru ngồi hoặc nằm chỗ khuất tai với một người nữ, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này gọi là: "dutiya rahonisajja" cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatthi), do Tỳ-khuru Upananda vào ngồi trong nhà với vợ của người bạn.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) của 2 điều học này như trong điều học "bất-cộng-trụ thứ nhất" (paṭhama pārajikasikkhāpada), ngoài ra nên xem theo 2 điều học "bất định".

6.— Đi nơi khác (cāritta).

Tỳ-khuru được thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, rồi đi nơi khác, trước giờ ăn hoặc ăn rồi đi từ sớm mai đến đứng bóng phải cho Tỳ-khuru trong nơi ấy hay với, mới nên đi, nếu không cho hay mà đi phạm ung-đổi-trị, trừ ra có 1 trong 2 duyên cứ, là: kỳ-lễ dâng y, làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihāra Veļuvana), gần thành Vương-Xá (Rājagaha), do Tỳ-khuru Upananda đã chịu thỉnh ăn mà còn đi đến các nhà thiện-tín khác, làm cho chư sư phải chờ gần đến giờ, nên thọ thực không được vừa lòng.

CHÚ GIẢI.— Dầu Tỳ-khuru đã chịu thỉnh để ăn của thí chủ rồi, hoặc chưa ăn, không từ giả Tỳ-khuru trong bọn rồi đi đến nơi khác từ sớm mai đến đứng bóng, khi đi bước thứ nhất phạm tác-ác, đi đến bước thứ nhì phạm ung-đổi-trị.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết là họ không mời, hoặc có 1 trong 2 duyên cứ,

cõ từ giã Tỳ-khuru trong bọn, không từ giã đi về chùa, đi đến chỗ ở Tỳ-khuru-ni, đi đến nơi ngoại đạo, đi đến nhà ăn, đi vì có tai hại, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 5 chi :

1. Vui thích trong sự thỉnh đi ăn 1 trong 5 thứ vật-thực (aññatarenanimantaṇa sâdiyanam);
2. Không cho Tỳ-khuru trong bọn hay (santambhikkhumanânuccatâ);
3. Đi đến nơi khác, khỏi nhà họ mời (aññassaghâ-rassapavesanam);
4. Chưa quá đứng bóng (majjhantikânatikkamo);
5. Không có duyên cớ hoặc tai hại (samayassavâ-âpadânam vâ abhâvo).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭṭhi-nasikkhâpada). Chỉ khác nhau là điều học này, phạm vì làm là chịu thỉnh đi thọ thực, vì không làm là không từ giã Tỳ-khuru trong bọn (kiriya kiriyâ).

7.— Chi được phép xin vật-dụng theo hạn định (mahânâma) ⁽¹⁾

Nếu thí chủ họ yêu cầu dâng 4 vật dụng có hạn 4 tháng hoặc định vật dụng, Tỳ-khuru không bịnh, nên xin trong hạn kỳ hoặc trong vật đã định thời, xin quá

(1) Mahânâma là đức vua dòng Thích-Ca, con nhà chú của đức Phật, tuổi lớn hơn đức Phật, một tháng, đã đắc quả Tu-đà-hàm.

hạn định ấy, phạm ung-đổi-trị, trừ ra họ đã yêu cầu thêm hoặc họ yêu cầu luôn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Nigrodha gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthū) xứ Sakya do phe lục sư xin thuộc quá hạn.

CHÚ GIẢI.— Xin không quá hạn định tưởng là quá, hoặc nghi rồi xin, phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết là không quá hạn định xin không phạm tội, khi cần dùng cho họ biết thiệt, rồi xin trong hạn định, hoặc xin nơi bà con và người đã yêu cầu vô hạn, hoặc xin cho kẻ khác, hoặc đổi, và Tỷ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người xin" (sānattika), có 4 chi :

1. Họ yêu cầu đến Tăng (saṅghapavāraṇatā);
2. Xin thuộc cho quá số định (tato uttaribhesajjavinnāttā);
3. Không có bệnh (agilānatā);
4. Xin quá hạn kỳ (pariyantātikkaṃ).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học "làm mai dong" (sañcarittasikkhāpada).

8.— Xem động binh (uyyutta).

Tỳ-khuru đi xem động binh ra trận, phạm ung-đổi-trị, trừ ra khi có duyên cơ nên đi, là có bà con mang bệnh trong nơi ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do phe lục sư xem động binh.

CHÚ GIẢI.— Voi vừa cho 12 người cỡi, ngựa vừa cho 3 người cỡi, xe vừa cho 4 người có cầm khí-giới ngồi gọi là động binh. Tỳ-khuru đứng trong nơi nào rồi thấy trong nơi ấy, ngó xem thường thường, phạm ung-đối-trị. Động binh tướng là đội binh thường phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết là không phải động binh rồi đi xem không phạm, ở nơi chùa rồi xem, hoặc gặp giữa đường rồi xem, hoặc có tai hại, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 4 chi :

1. Động binh ra đi (uyyuttasenam);
2. Đi để xem (dassanathāyagamānam);
3. Và xem trong các chỗ khác, ngoài khoảng trống mà đức Phật đã cho phép (aññatradassanam)
4. Không có duyên cớ, hoặc tai hại (āpadāya vā abhāvo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomāsikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja), phạm vì ác tâm, có 3 thọ.

9.— Ngụ trong cơ binh (senavāsa).

Nếu có duyên cớ, có thể đi được, Tỳ-khuru ngụ trong cơ binh ấy lâu lắm là trong 3 ngày, nếu ở quá hạn, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sur đi xem cơ binh..

10.— Đi đến chiến-trường (uyyodhika).

Trong khi ngụ trong cơ binh theo hạn định ấy, Tỳ-khuru đi đến chiến-trường, hoặc nơi động binh, hoặc xem cơ binh, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sur đi đến chiến-trường.

UỐNG RƯỢU, PHẦN THỨ SÁU

(Surâpânavagga)

Có 10 điều học :

1.— Uống rượu (surâpâna)

Tỳ-khuru uống nước có chất say, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại xứ Rha-ddavatikâ, do Tỳ-khuru Sâgata uống rượu.

CHÚ GIẢI. — Nước say làm bằng chất say nhưt là làm bằng bột gọi là rượu (sura), nước mà người ngâm nhưt là ngâm bông cây gọi là "meraya".

Cả 2 thứ nước ấy dầu Tỳ-khuru uống 1 nhỏ cũng phạm ưng-đổi-trị.

Không phải nước say tưởng là nước say, hoặc nghi rồi uống phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Biết là không phải nước say, uống không phạm tội, — uống thuốc không có chất say, mà có màu, mùi và vị như nước say, hoặc canh, thịt, dầu, tầm-ruột rừng và đường mà người để chút ít nước say vào cho bán mùi hôi, và Tỳ-khuru bịnh đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Nước có chất say (majjabhāvoca);
2. Uống nước có chất say ấy (tassapānam);

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ưng-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " thọ lông cừu " (elakalomāsikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja) phạm vì ác tâm (akusalacitta) có 3 thọ.

2.— Dùng tay chọc-léc (aṅgulipatodaka).

Tỳ-khuru dùng tay chọc-léc vị khác, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavāna) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do phe lục sư chọc-léc vị khác.

CHÚ GIẢI. — Chọc-léc sadi phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Không cố ý chọc-léc chơi rồi đụng nhằm, có việc rồi đụng nhằm, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 2 chi :

1. Cố ý chọc-léc chơi (hassâdhippâyatâ) ;
2. Tay mình đụng nhằm Tỳ-khuru khác (upasampannassakâye nakâyâmasanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học " bắt-cộng-trụ thứ nhứt " (paṭhama pārājika sikkhâpada).

3.— Giỡn nước (hassadhamma).

Tỳ-khuru giỡn nước phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe Tỳ-khuru Vagga giỡn nước.

CHÚ GIẢI : Giỡn trong nước sâu từ cườm chân trở xuống phạm tác-ác. Mỗi lần lặn xuống ngược lên phạm ung-đổi-trị, lội phạm ung-đổi-trị, mỗi lần tay bơi, chân quậy. Nếu lội nổi trên nước phạm ung-đổi-trị, mỗi lần tay chân bơi quậy ; xuống chơi trong nước cạn dưới cườm chân, hoặc chơi ghe, hoặc lấy tay, chân, cây... chặn nước, hoặc giỡn nước trong đồ đựng, giỡn bùn, hoặc khoác nước chơi, đều phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Viết chữ giải nghĩa không cố-ý chơi, xuống tám như thường, lợi ngang rạch, sông, hoặc có tai hại, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 2 chi :

1. Nước sâu ngập cườm chân (uparigoppahatā) ;
2. Xuống cố-ý giỡn chơi cho vui (hassādhippāyena-kāṭṭhanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " bắt-cộng-trụ thứ nhất " (paṭhama pārājikasik khāpada).

4.— Không kiên luật (anādariya).

Tỳ-khuru tỏ dạng không kiên-luật hoặc không kiên người giảng luật, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Ghosita, gần thành Kosambi, do Tỳ-khuru Channa không kiên pháp-luật.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nhờ vị khác thức tỉnh, khuyên dạy điu dặt, cấm răn theo điều học của đức Phật đã cấm chế mà không kiên vị ấy, hoặc không kiên luật-pháp, phạm ung-đổi-trị. Nghĩ rằng : " Vị này kiếm điều bắt tội chê trách, nói xấu, lời vị này ta không hành theo rồi không kiên nề, như thế gọi là " không kiên " ; với Tỳ-khuru, phạm ung-đổi-trị, với sadi, phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru có học phạm, đáp : " sự học, đọc pāli và chú-giải của thầy giáo-thọ của tôi như vậy — ", và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 2 chi :

1. Tỳ-khuru thức-tỉnh theo luật mà Phật cấm chế (Upasampannassa paññattena vacanam);

2. Dẽ-duôi không kiêng-nễ (anādariya karanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy, mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi), như trong điều học " trộm cắp " (adinnādāna sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanā).

5.— Nhất Tỳ-khuru khác (bhimsāpana).

Tỳ-khuru nhất hoặc làm cho vị khác kinh sợ, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavāna) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do phe lục sư nhất phe thập-thất sư.

CHÚ GIẢI : Làm cho Tỳ-khuru khác sợ là nói : chỗ này có kẻ cướp độc-ác, hoặc đem vật gì làm cho sợ, nói lời chi cho Tỳ-khuru khác sợ, Tỳ-khuru này dầu sợ hay không, Tỳ-khuru nhất cũng phạm ung-đổi-trị; Tỳ-khuru nhất người chưa tu lên bậc trên phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Không tính làm cho người sợ, nói lời thiệt, như

nói " đường này xa, có bọn cướp ", và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 2 chi :

1. Người ấy là tỳ-khuru (upasampannata) ;
2. Có ý răn làm cho Tỳ-khuru kinh-sợ, trong khi vị này nghe và thấy (bhimsāpetukāmatāya vāyama-nam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi), như điều học trên.

Nhúm lửa lên ngọn (jotisamā dahana).

Tỳ-khuru vô bệnh tự mình hoặc dạy người khác nhóm lửa cho lên ngọn dặng hơi, phạm ung-đối-trị.

Nếu đốt vì hữu sự, như đốt bát, không phạm tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesaka do các Tỳ-khuru nhóm lửa để hơi trong tháng lạnh.

CHÚ GIẢI : Nhóm lửa chưa cháy phạm tác ác, cháy lên ngọn phạm ung-đối-trị.

Tỳ-khuru hữu bệnh, không có lửa chịu không được gọi là : " có bệnh ", Tỳ-khuru có bệnh tưởng là không bệnh, nghi rồi nhóm lửa để hơi, phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Biết là có bệnh rồi nhóm lửa hơi không phạm tội — hơi lửa của người khác nhóm, nhóm lửa vì hữu

sự, hoặc có tai nạn, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika) có 4 chi :

1. Vô bệnh (agilānatā) ;
2. Không có duyên cớ mà đức Phật cho phép (anuññātakaranābhāvo),
3. Cố ý để hư (visibbetukāmatā),
4. Tự mình hoặc dạy kẻ khác nhúm lửa cháy lên ngọn (samādahanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ưng-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "làm mai-dong (sañcaritta sikkhāpada).

7.— Tắm (Nahāna).

Tỳ-khuru ở xứ Trung Ấn-độ, 15 ngày tắm một kỳ được, nếu chưa đủ 15 ngày rồi tắm phạm ưng-đổi-trị, trừ ra có dịp mới tắm được. (Điều học này chỉ cấm ở xứ Trung Ấn-độ, xứ ngoài, như xứ ta nên tắm thường thường, không phạm tội).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihāra veḷuvana) gần thành Vương-Xá (Rājagaha). Do chư tỳ-khuru tắm lâu, làm cho đức vua " Tần-bà-Sa " chờ đợi.

8.— Làm dấu (dubhaṇṇakarana).

Tỳ-khuru được y mới, nếu muốn mặc, cần phải dùng 1 trong 3 màu là : màu xanh chàm, đen xậm, xám tro (bùn), để làm dấu tròn (bandukappa) mới nên

mặc, nếu chưa làm dấu tròn mà dùng, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana), gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do chư Tỳ-khuru không biết nhìn y đã bị bọn cướp đoạt.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru đã mặc y làm dấu mà tưởng là chưa làm, hoặc nghi mà mặc phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Đã làm dấu tròn, biết đã làm rồi mặc, hoặc đã làm mà dấu tròn đã bay tan, hoặc chỗ làm dấu tròn ấy đứt rách mất, hoặc y làm không dặng, và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 3 chi ;

1. Y chưa làm dấu tròn (cīvarassa akatakappalā) ;
2. Không phải Tỳ-khuru có y mất... (nanaṭṭhā-cīvaraditā) ;
3. Đã mặc hoặc đắp y ấy (nivāsanam vā pārupanamvā).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "thọ lòng cừu" (elakalomā sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này "phạm vì làm, là mặc, đắp, vì "không làm" là "không làm dấu" (kiriya kiriyā).

9.— Gởi y. (vikappana).

Tỳ-khuru gởi y cho 1 trong 5 hạng người xuất gia

Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, Thất-xoa-ma-na (sikkhāmānā) sadi, sadini, mà không cho người lãnh gọi xả phép gọi cho, rồi đem y về mặc, đắp, phạm ung-đối-trị.

Điều học này gọi là " paccudhāra " như thế cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatthi), do Tỳ-khuru Upananda gọi y khi lấy y đem về mặc không nhờ người lãnh gọi xả phép gọi.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru đã gọi y rồi đem về mặc mà chưa xả phép gọi ấy phạm ung-đối-trị . Nguyên đặt tên hoặc lia xa y chưa xả phép gọi, phạm tác-ác ; đã xả phép gọi, tưởng là chưa xả, hoặc nghi, rồi mặc, đắp, phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết đã xả phép gọi rồi mặc, đắp, người chịu gọi đã xả phép gọi cho, hoặc dùng y vì thân thiết với người chịu gọi, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika) có 3 chi :

1. Không xả y mà mình đã gọi (Sāmamvikappi-tassa (apaccudhāro) ;

2. Y ấy đủ thước tác (bề ngang, bề dài) nên gọi (vikappanūpaga cīvaraṭṭā) ;

3. Đã mặc, đắp (paribhogo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều

học " lễ dâng y lần thứ nhất " paṭhamakāṭhina sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm, là gởi mà không làm vì không xả gởi (kiriya-kiriya).

10.— Giấu vật dụng (ananidhāna).

Tỳ-khuru giấu 1 trong 5 món : bát, ca-sa, tọa-cụ, ống-kim, dây nịt lưng của vị khác, để giấu chơi, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư giấu các vật dụng (bát, ca-sa...) của phe thập-thất-sư.

CHÚ GIẢI: Người lãnh đem giấu phạm tác-ác, Tỳ-khuru giấu, hoặc dạy người đem giấu, phạm ung-đổi-trị, giấu của người chưa tu lên bậc trên phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Vật dụng của người khác cất không kỹ lưỡng giùm cất cho, hoặc lượm cố ý để thức tỉnh, rồi mới cho lại, Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người khác " (sānattika) có hai chi :

1. Nhứt là giấu bát của Tỳ-khuru (paṭṭādinam apanidhānam) ;

2. Cố ý làm cho chủ khó lòng, hoặc giấu chơi (hassādhippāyatā).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " trộm cắp " (adinnādānāsikkhāpada)

GIẾT CÔN-TRÙNG PHẦN THỨ BẢY

(sappānakavagga)

Có 10 điều học :

1.— Giết súc sanh (sañcicapāna).

Tỳ-khuru cố ý giết súc sanh phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do Tỳ-khuru Udāyi bản thác điều thứ (qua).

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru cố ý giết súc sanh dù nhỏ bằng trứng chí, trứng rệp cũng phạm ưng-đối-trị.

Thú lớn thì nghiệp ác lớn, nghi con thú còn sống, hoặc không phải thú còn sống mà tưởng là còn sống, rồi giết, phạm tác-ác.

Thế thức không phạm tội :

Biết rằng không phải thú, không cố ý, quên, không biết, và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

2.— Giết côn-trùng (sappānaka).

Tỳ-khuru biết trong nước có côn-trùng sống rồi dùng nước ấy để: uống, tắm, hoặc rửa tay chơn, hoặc rửa đồ đựng, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư dùng nước có côn-trùng sống.

3.— Nhắc vụ cũ lại (ukkotana).

Tỳ-khuru biết : Tăng đã giải sự tranh biện theo 1 trong 7 pháp diệt-tránh nào đúng theo pháp rồi mà còn nhắc việc ấy lại nữa, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sur nhắc lại việc cũ mà Tăng đã xử xong đúng theo phép.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru nào biết: Tăng đã diệt tranh rồi mà còn đến nói với Tỳ-khuru ấy rằng : " Tăng xử việc ấy không đúng đâu, phải xử lại nữa" nói như thế phạm ung-đối-trị.

Tăng sự dùng theo pháp-nghi, tương là không dùng theo pháp, phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Tương là Tăng-sự không đúng theo pháp, biết Tăng-sự không đúng, và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Tranh-biện mà Tăng đã diệt theo pháp (yathâdhammaṃ nihatabhâvo) ;
2. Đã biết (jânanatâ) ;
3. Nhắc lại (ukkotanam) ;

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

"trộm cắp" (adinnādāna sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkha vedanā).

4.— Giấu tội nặng (duṭṭhullāpaticchādāna).

Tỳ-khuru biết Tỳ-khuru khác phạm tội nặng, là tội "Tăng-Tàn", rồi giùm giấu tội ấy, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvattī), do Tỳ-khuru Upananda nhờ Tỳ-khuru khác giấu tội "Tăng-Tàn" "làm mai-dong" mà ngài đã phạm.

CHÚ GIẢI: Trong tội nặng, nghi, tưởng là không phạm tội nặng, phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Tính sợ có sự cãi lẽ đến Tăng, hoặc nghi rằng : người ấy hung ác sẽ có hại đến sinh mạng hoặc đến phạm-hạnh, rồi nín thinh, chưa gặp Tỳ-khuru đáng nói, nên chưa nói, hoặc không muốn giấu, rồi nín thinh, không nói vì nghi, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika) có 2 chi :

1. Biết là Tỳ-khuru phạm tội nặng (upasampannassa duṭṭhullāpattijānanam).

2. Định không nói với người khác vì muốn giấu tội nặng ấy (dhūranikkhapo).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) tội sanh vì thân khẩu-ý, phạm vì làm (kiriya) khỏi phạm vì tưởng (saññāvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka) phạm

tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp, khẩu-nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanâ).

5.— Người chưa đủ 20 tuổi (onavisativassa).

Tỳ-khuru biết là người chưa đủ 20 tuổi rồi làm thầy thế-độ cho tu lên bực trên (upasampadâ) phạm ung-đối-trị .

Người ấy vẫn còn là sadi, chưa được lên bực Tỳ-khuru đầu.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veļuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do chư Tỳ-khuru truyền Tỳ-khuru giới cho những người trẻ tuổi.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru làm " Hòa-thượng " tế độ phạm ung-đối-trị, ngoài ra các Tỳ-khuru khác chứng minh đều phạm tác-ác. Về phần người tu lên bực trên ấy, dầu "Hòa-thượng " biết, hay không làm phép cho lên bực trên, cũng không được lên. Người ấy, khi đã tu được 10 hạ rồi, được làm Hòa-thượng cho kẻ khác tu lên bực trên, trừ Hòa-thượng ấy ra, nếu các Tỳ-khuru chứng minh đủ số, người mới tu ấy được gọi là lên bực trên đúng đắn. Dầu người chưa được lên bực trên kia, chưa biết mình đến đâu thì đường trời và Niết-Bàn cũng không hư hại đến đó. Nếu biết thì nên làm lễ tu lên bực trên lại.

6.— Trốn quan-thuế (theyyasattha).

Tỳ-khuru biết bọn buôn tính trốn thuế nhà nước, trốn quan-thuế, rồi còn rủ đi chung đường cùng nhau, dầu đi khỏi một khoảng xóm cũng phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do một vị Tỳ-khuru đi chung cùng với bọn buôn lậu bị bắt rồi được thả ra.

CHÚ GIẢI: Đi đường rừng không có xóm, qua khỏi nửa do tuần cũng phạm ung-đối-trị.

Người không rủ, Tỳ-khuru rủ, hoặc bọn buôn mà Tỳ-khuru nghi, hoặc không phải bọn buôn, Tỳ-khuru nghi là bọn buôn, đều phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru tưởng là không phải là bọn buôn lậu, không rủ mà đi chung đường cùng nhau hoặc người rủ mà Tỳ-khuru không rủ, hoặc rủ nhau đi vì có tai hại, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác " (anânattika), có 4 chi :

1. Bọn buôn lậu (theyyasatthabhâro) ;
2. Đã biết (jânanam) ;
3. Cả 2 bên đồng rủ nhau đi (samvidhânam) ;
4. Đi khỏi xóm hoặc quá nửa do tuần (avisânketenagamanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Tội phát sanh do thân-ý, thân-khẩu-ý, phạm vì làm (kiriya), khỏi phạm vì tưởng (saññavimokkha) phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì Phật cấm (paññattivajja), thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, 3 tâm, 3 thọ.

7.— Rủ phụ-nữ đi chung (saṃvidhāna).

Tỳ-khuru rủ phụ-nữ đi chung đường cùng nhau, dầu chỉ đi qua khỏi xóm cũng phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvattthi), do một vị Tỳ-khuru rủ 1 người phụ-nữ đi chung đường.

CHÚ GIẢI: Trong tinh-nữ, ngã-qui nữ, bộ nắp và thú cái có thân hình như người, Tỳ-khuru phạm tác ác. Tỳ-khuru rủ, phụ nữ không rủ, hoặc không phải phụ nữ, tưởng là phụ-nữ, hoặc nghi, đều phạm tác ác.

Thê-thức không phạm tội :

Biết là không phải phụ-nữ, không phạm tội, ngoài ra như điều học trên, trừ ra có sự nguy hiểm.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika) có 3 chi :

1. Cả hai bên đồng rủ nhau đi chung đường (dvināṃpisaṃ vidahitvā maggapati pannatā);

2. Không sai ý muốn (avisāṅketatā);

3. Đã đi qua khỏi xóm hoặc đi khỏi nửa do tuần (gāmantārogamaṇaṃ vā adhayañjanātikkaṃovā);

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Tội phát sanh do thân-khẩu, thân-ý, thân-khẩu-ý, phạm vì làm (kiriya), không khỏi phạm vì tưởng (nosaññāvimokha) vô ý cũng phạm tội (acittaka), phạm vì Phật cấm (paññattivajja), thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, có 3 tâm, 3 thọ.

8.— Tỳ-khuru tà-kiến (ariṭṭha).

Tỳ-khuru chấp tà-kiến, hiểu thấy sai làm pháp-luật mà đức Phật đã giảng giải, các Tỳ-khuru khác ngăn cản cũng chẳng nghe, nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn đến 3 lần (samanubhâsanakamma) mà còn, chưa dứt bỏ tà-kiến, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khuru Ariṭṭha tà-kiến.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru tà-kiến là nói "tiếp xúc phụ nữ không có tội, ví như đụng nhằm vật lót, trái, mêm dậu, không thấy tội, trong sự dâm dục như thế, vị khác nghe biết nên giảng tội ngũ-trần, răn cấm Tỳ-khuru ấy đến 2, 3 lần mà không nghe, Tỳ-khuru tà-kiến ấy phạm tác-ác. Vị khác thấy mà không khuyên răn cũng phạm tác-ác. Nếu Tỳ-khuru tà-kiến không chịu bỏ kiến-thức xấu xa nên dẫn đến cho Tăng khuyên răn. Nếu đã khuyên mà không nghe, Tăng nên tụng samanubhâsana đến 2 lần mà Tỳ-khuru ấy cũng chưa bỏ tánh cũ thì phạm tác-ác, khi tụng dứt lần thứ 3 rồi, phạm ung-đối-trị.

9.— Thân cận cùng Tỳ-khuru si-mê (ukkhita-sambhoga).

Tỳ-khuru biết vị ấy chưa bỏ kiến thức làm-lạc như thế rồi thân cận cùng vị ấy, là ăn chung hoặc hành Tăng sự chung (saṅghakamma), ngủ trong nơi dưng che cùng nhau phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-

xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục-sur làm Tăng sự chung với Tỳ-khuru Aritṭha.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nào đã phạm tội, Tăng không cho ở chung cùng Tăng, vì không thấy tội, hoặc không chịu sám-hối, hoặc không bỏ tà-kiến mà vị nào được biết như thế rồi cho vật thực, hoặc ăn chung cùng nhau, hoặc học hay dạy pháp, hoặc cho tỳ-khuru ấy làm Tăng sự chung cùng nhau... phạm ung-đối-trị — nghi trong tỳ-khuru mà Tăng đã cáo tội ấy phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Tường là Tỳ-khuru mà Tăng không cáo tội, biết là Tỳ-khuru đã bỏ tà-kiến, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika) có 3 chi :

1. Tăng không hành theo pháp (akatānudhammatā);
2. Biết rõ (jānanam);
3. Có làm việc nhứt là thân cận cùng Tỳ-khuru ấy (sambhogādikaranam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samutṭhāna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādanā sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja) có 4 tâm, 3 thọ.

10.— Đồ dành sadi (kanthaka).

Tỳ-khuru biết sadi mà Tỳ-khuru đã hủy bỏ rồi vì tội thấy quấy ngoài pháp-luật mà đức Phật đã giải,

dễ dành sadi ấy về cho hầu hạ mình, hoặc ăn chung ngủ chung trong chỗ che lợp, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatti), do phe lục sư dễ dành sadi Kanthaka tà-kiến cho hầu hạ mình.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nghe thấy biết sadi tà-kiến như thế rồi khuyên răn đến 2, 3 lần mà không nghe nên tụng lời hủy-thương ⁽¹⁾ (nāsana) đến sadi ấy rằng; "Ajjatagge te āvuso samanuddesa nacevasobhagavā satthā apadisitabbo yampicaññe samanuddesālabhanti bhikkhūhisaddhīm dirattatirattam sahasseyyam sāpīte natthi caraparevinassāti".

Nghĩa là: Này sadi! Kể từ ngày nay người chẳng nên ý lại nói đức Thế-Tôn là tôn sư của người nữa. Các sadi khác được phép ngủ chung với Tỳ-khuru đến 2, 3 đêm là hạn định, dầu như thế người cũng không được phép ngủ chung, người lánh xa ra đi, người là người xấu xa, hãy hư hại đi", như thế Tỳ-khuru nào đã biết sadi mà Tăng đã phá hoại như vậy rồi lại dễ-dành cho vật dụng hoặc dạy đạo, cho hầu hạ mình, vui thích thân cận hoặc ở chung cùng sadi, phạm ung-đổi-trị.

(1) Không cho ở chung, ăn chung....

NÓI THEO PHÁP, PHẦN THỨ TÁM

(Dhammika vagga)

Có 10 điều học :

L— Nói theo pháp (sahadhammika).

Tỳ-khuru làm quấy, khi vị khác thức tỉnh mà còn cãi lẽ rằng: "tôi chưa học hỏi điều học ấy, chờ tôi học hỏi các ngài bác học, luật-sư đã", nói lời như thế, phạm ung-đối-trị.

Lẽ thường, Tỳ-khuru học hỏi, nếu chưa được biết rõ điều nào cần phải học tập cho thấu đáo điều ấy nơi bực minh sư, cầu ngài giảng giải cho thấy rõ rệt.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Ghositārāma gần thành Kosambi, do Tỳ-khuru Channa làm quấy;

CHÚ GIẢI : Cãi lẽ với người chưa tu lên bực trên phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Tỳ-khuru nói "tôi biết tôi sẽ học hỏi", và Tỳ-khuru diên, điều này không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 2 chi :

1. Tỳ-khuru đã có vị khác khuyên răn theo điều luật, cấm chế (upasampaññassa paññattena vacanam).
2. Cãi lẽ như thế (asikkhitukāmatāya evam vacanam).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhānavidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādānāsikkhāpada). Chỉ khác

nhau là điều học này thuộc về thọ khổ duk-khavedanā).

2.— Nói cho người dãi dãi (vilekhana).

Khi Tỷ-khuru đương học luật, vị khác cố ý nói xấu điều học làm cho Tỷ-khuru ấy dãi dãi, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư nói cho chư Tỷ-khuru dãi dãi.

CHÚ GIẢI : Nói xấu rằng "học tập điều học có ích chi, người nào học như thế chỉ làm khó khăn, nóng nảy, bực bội trong tâm thôi" nói như thế phạm ung-đối-trị.

Nói cho sadi phạm tác ác, nói xấu kinh và luận trong Tỷ-khuru và sadi phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Không cố ý nói xấu, nói rằng: "hãy học kinh hoặc luận, hoặc kệ ngôn dị, sau sẽ học luật", và Tỷ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 2 chi :

1. Cố ý nói xấu (garahitukāmatāca).
2. Nói xấu điều học trong Tỷ-khuru (upasampannassa santike sikkhāpadavivaṇṇanaṃca).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādānāsikkhāpada). Chi khác

nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanā).

3.— Làm như không biết (mohana).

Tỳ-khuru phạm tội, cố ý nói "tôi chỉ mới biết đây rằng: điều ấy có trong giới bốn (paṭimokkha) Nếu vị khác nói :Tỳ-khuru ấy đã từng biết trước rồi mà nói như thế ấy là cố ý làm như không biết. Tăng nên tuyên-bố bài moharo panakamma⁽¹⁾ đến Tỳ-khuru ấy khi Tăng đã tụng rồi mà vẫn còn "làm như không biết" nữa, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư làm như tuồng không biết.

4.— Đánh tỳ-khuru khác (pahārādāna).

Tỳ-khuru giận vị khác rồi đánh vị ấy như bóp-tai, đá, cú... phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư đánh phe thập-thất-sư.

CHÚ GIẢI : Dầu vị ấy bị đánh như thế mà rui có chết cũng phạm ưng-đổi-trị, vì chỉ cố ý đánh cho đau khổ thôi. Đánh sadi phạm tác-ác.

:Thẻ thức không phạm tội :

Nếu có người muốn làm hại đánh mình, mình có

(1) Moharo panakamma là lời Tăng khuyên rằng: này ông! việc không phải là lợi của ông đâu, ông chỉ được đều quấy vì khi Tỳ-khuru tụng giới bốn, ông không ghi nhớ cho đúng đắn.

thể cự lại để cho khỏi bị hại, và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác: (anânattika), có 3 chi :

1. Giận hờn (kupitatā);
2. Không cố ý, muốn cho mình khỏi bị hại (naimokkâdhippayatā);
3. Đánh người tu lên bực trên (upasampannassa-pahâradânam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "bất-cộng-trụ thứ nhứt" (paṭhamapārājikasik khâpada). Chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

5.— **Dá tay muốn đánh** (talasattika).

Tỳ-khuru giận hờn vị khác rồi đưa tay lên muốn đánh, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục-sur dá tay muốn đánh phe thập-thất-sur.

CHÚ GIẢI : Nếu Tỳ-khuru dá muốn đánh rồi quên đánh nhằm phạm tác-ác, vì không cố ý đánh. Nếu trúng nhằm mình bị bệnh thể nào cũng phạm tác ác. Ngoài ra cũng như trong điều học trên.

6.— **Cáo vô cố** (amūlaka).

Tỳ-khuru vô cố, là không được thấy, không được nghe, không nghi mà cáo vị khác vì tội "Tăng Tàn" phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana), gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư, vô cứ cáo các Tỳ-khuru trong phe.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru tự mình cáo vô cứ hoặc dạy kẻ khác cáo phạm 1 trong 13 tội "Tăng-Tàn"; nếu bị cáo được biết rằng mình bị cáo thì Tỳ-khuru tiền cáo phạm ung-đối-trị, cáo sadi phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Tưởng là : Tỳ-khuru phạm, rồi cáo theo ý tưởng, và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người khác" (sānattika), có 4 chi :

1. Bị cáo là người tu lên bậc trên (upasampannatā);
2. Cáo tội "Tăng-tàn" không có cứ "saṅghādisesassa amūlakata);
3. Tự mình cáo hoặc dạy kẻ khác cáo (anuddham-sanatā);
4. Trong khi bị cáo biết rằng mình bị cáo (tamkhanamvijānanam);

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādānāsikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanā).

7.— Cố ý làm cho Tỳ-khuru nghi ngờ (sañ-cicca).

Tỳ-khuru cố ý làm cho sự nghi ngờ lo buồn phát

sanh đến các vị khác, dầu là trong một chốc lát cũng phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư cố ý làm cho phe thập-thất-sư nghi ngờ.

CHÚ GIẢI: Làm cho phát sanh sự nghi là nói "có lẽ ngài chưa đúng 20 tuổi chẳng? Tu không lên bực trên được" có lẽ ngài ăn vật thực sái giờ; có lẽ ngài uống nước có chất say; có lẽ ngài ngồi trong chỗ kín với phụ-nữ, làm cho người lo buồn, như thế phạm ung-đổi-trị; làm cho sadi nghi phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Không cố ý làm cho Tỷ-khuru buồn lo, là nói vì muốn cho sự lợi-ích đến Tỷ-khuru ấy, và tỷ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi:

1. Người đã tu lên bực trên (upasampannâtâ);
2. Cố ý làm cho tỷ-khuru ấy lo buồn (adhâsukâmatâ);
3. Làm cho sự lo buồn phát sanh như đã giải (kukkucca uppâdanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như điều học trên.

8.— Rình nghe lén (upassuti).

Khi các Tỷ-khuru đương tranh-biện nhau, Tỷ-khuru đi rình nghe lén, tính rằng "Các Tỷ-khuru này nói lời chi, ta nghe lời ấy rồi cố ý để cáo", phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư cãi lẽ với Tỷ-khuru khác trong sạch, rồi đi rình nghe lén.

CHÚ GIẢI: Tỷ-khuru khi đến nơi nghe các Tỷ-khuru khác đương tranh-biện rồi ra dấu "tăng hấn" hoặc nói "tôi ở đây", nếu không làm như thế, nín thính để nghe cũng phạm ung-đổi-trị, rình nghe sadi phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Đi rình nghe, tính rằng được nghe các ngài nói, ta trở về, ta lánh đi, ta chịu nhin, và Tỷ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika), có 3 chi :

1. Người đã tu lên bậc trên (upasampannatā);
2. Cố ý cáo (codanā dhippāyo);
3. Rình nghe lén được (savanam).

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "trốn quan-thuế" (theyyasatthasikkhāpada), phạm vì làm là mình nghe lén (siyā kiriya) phạm vì không làm là không tăng hấn cho người biết (siyā akiriya) khỏi phạm vì tương (saññāvimokkha) phạm vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja)

thân-nghiệp, khẩu-nghiệp (kāyâkamma vacīkamma) phạm ác tâm (akusalacitta), thuộc về thọ khổ (dukkha vedanā).

9.— Phi báng Tăng làm việc phải (kamma-pa-tibâhana).

Tỳ-khuru nhận chịu cho Tăng, làm việc phải, đến sau trở lại nói xấu Tăng làm việc ấy, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế lại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư nói xấu, Tăng làm việc phải.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru nghi trong Tăng-sự đúng theo pháp, hoặc trong Tăng-sự đúng theo pháp mà nói là không đúng, phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru tương trong Tăng-sự không đúng theo pháp, rồi nói xấu, và Tỷ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Tăng-sự đúng theo phép (dhammakammata);
2. Tương là Tăng-sự đúng theo phép (dhammakam mantisaññā);
3. Đã nhận chịu rồi nói xấu (chandam datvâ-khiyanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều

học "trộm cắp" (adinnâdânâ sikkhâpada). Chỉ khác là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkha vedanâ).

10.— Chưa ưng chịu mà bỏ ra đi (pakkamana).

Khi Tăng đương hội họp để diệt tránh hoặc làm "Tăng-sự". Tăng chưa làm xong việc ấy, Tỳ-khuru ở trong hội, chưa ưng chịu mà bỏ ra đi, phạm ưng-đổi-trị.

(Điều học này gọi là "Chandamadatvâ gamana" như thế cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tăng hội-hợp làm Tăng-sự có Tỳ-khuru chưa ưng chịu, rồi bỏ ra đi.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru bỏ ra đi, bước chưa khỏi hắc "Tăng" (hatthapâsa saṅgham) phạm tác-ác, ra khỏi hắc Tăng phạm ưng-đổi-trị —, nghi trong Tăng-sự đúng theo phép, hoặc trong Tăng-sự không đúng theo phép, tưởng là không đúng đều phạm tác ác.

Thế thức không phạm tội :

Biết là Tăng-sự không đúng theo phép, bỏ ra đi không phạm tội, biết rằng sẽ có tiếng chẳng lành đến Tăng, hoặc Tăng làm không đúng theo phép rồi bỏ ra đi, hoặc có bệnh, hoặc đi tiểu, đại tiện, hoặc đi ra tính sẽ trở lại, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 6 chi :

1. Trong khi phân xử (vinicchayaka thâyavag-gamânatâ);
2. Tăng sự đúng theo pháp (dhammakammatâ);
3. Biết rằng Tăng-sự đúng theo pháp (dhamma-kammasaññitâ);
4. Ở trong giới hạn Tăng (samânasīmâyathitatâ),
5. Mình có sự đồng đẳng với Tăng (samâna-saṃvâsakatâ);
6. Cố ý làm cho hư Tăng-sự, rồi bỏ ra đi khỏi Tăng-hội (kopitukâma tâyahatthapâsavijahanam).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm ưng-đổi-trị.

Chỗ sanh tội samanubhâsana, tội sanh do thân, khẩu, ý, phạm vì làm là bỏ ra đi và không làm là không hữu sự (kiriya kiriyâ), khỏi phạm vì tường (saññâvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanâ).

11.— Phi-báng các tỳ-khuru (khiyyadhamma).

Tỳ-khuru đồng ý với Tăng đã thurong y đến 1 Tỳ-khuru nào đến sau trở lại nói xấu rằng "các Tỳ-khuru ấy đem lợi của Tăng đến Tỳ-khuru vì ý riêng" như thế phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veļuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do phe lục sư nói xấu vị A-la-Hán Dabbamalla.

12.— Đoạt về cho người khác (parinâmana).

Tỳ-khuru biết rằng lợi mà thí chủ đã sẵn lòng dâng

đến Tăng rồi dành lợi đến Tăng ấy về cho người khác phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư đoạt của Tăng về cho Tỷ-khuru khác.

CHÚ GIẢI: Như trong điều học "đoạt về cho mình (parihatta sikkhâpada) trong ung-xả-đổi-trị. Chi khác là trong điều học "đoạt về cho mình" phạm tội ung-xả đổi-trị vì đoạt về cho mình, trong điều học này chỉ phạm ung-đổi-trị vì "đoạt về cho người khác".

TRONG ĐỀN VUA, PHẦN THỨ CHÍN

(Râjavagga)

Có 60 điều học :

1.— Trong cung cấm (antepura).

Đức vua được thọ lễ tôn vương làm chúa trong nước, ngài còn ngự trong cung cấm với hoàng-hậu, Tỷ-khuru chưa được lệnh đòi mà đi vào cung cấm ấy, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana), gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do đức Ananda vào trong cung cấm trong khi đức vua Pasenadikosala cùng hoàng-hậu còn ngự trên long sán.

2.— Lượm vật báu (ratana).

Tỳ-khuru thấy vật dụng của người thế roi hoặc

bỏ quên trong nơi nào, cho là vật làm rớt rời tự mình hoặc bảo kẻ khác lượm lấy, phạm ung-đổi-trị —, trừ ra vật ấy rơi hoặc bỏ quên trong chùa hoặc trong chỗ ở của mình, phải lượm cất cho chủ nếu không lượm cất, phạm tác-ác.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sávatthi), do một Tỷ-khuru đi tắm lượm được túi bạc đựng 500 lượng của người Bà-la-môn. Bà-la-môn đã nhờ Tỷ-khuru cho túi bạc lại, rồi tính cáo gian rằng của tôi có đến 1.000 lượng không phải chỉ 500 lượng đâu bèn bắt Tỷ-khuru ấy rời thả ra.

CHÚ GIẢI: Tự mình lượm lấy hoặc bảo kẻ khác lượm lấy bạc vàng cho mình, phạm ung-đổi-trị : cho Tăng, cho Thập cho vị khác, phạm tác-ác, dầu của cha mẹ rồi lượm cất như người giữ kho phạm ung-đổi-trị. Nếu người thế nói: xin ngài cất giùm vật này, thì nên ngăn "không nên". Nếu họ bắt bình liệng vật ấy rồi bỏ đi, gọi là việc bận của Tỷ-khuru, Tỷ-khuru nên lượm cất.

Thợ mộc, hoặc người của nhà nước làm việc trong chùa họ gói vật chi hoặc gói chỗ ở, xin giùm cất giữ cho, cũng chẳng nên vị mặt, sợ sệt, nên chỉ chỗ cất để cũng được. Dầu phía trong chùa hoặc phía trong chỗ ở hoặc trong nơi nào mà họ nghi, có lẽ Tỷ-khuru hay sadi lượm lấy vật rơi rớt trong chỗ như thế, nên tự mình hoặc bảo kẻ khác lượm lấy rồi làm dấu cất và nên nói: "Vật của người nào người ấy hãy vào lấy đi". Nếu người vào đến, nên hỏi người ấy rằng:

" Vật của người làm mất ấy, như thế nào ": nếu họ nói trúng thì nên cho họ, nói không trúng nên đáp : "Người hãy vào kiểm đi".

Nếu Tỳ-khuru đi khỏi nơi ấy, nên gọi cho vị khác đáng gọi, nếu không có vị như thế, nên gọi cho người cư-sĩ đáng tin-cậy, rồi ra đi được.

Tỳ-khuru không đi khỏi chùa và không thấy chủ lại kiểm, nên lấy vật ấy dùng làm chỗ ở hoặc tháp, hoặc ao sen, là vật bền chắc. Nếu đã quá lâu ngày mà chủ lại đến, nên chỉ rõ vật bền chắc ấy, rồi nói : " Người nên hoan hỉ đi ", nếu chủ không vui lòng, muốn đòi lại, nên cho người khác lấy vật bền chắc ấy làm của họ, rồi huờn vật mà họ làm rơi trong chùa hoặc trong chỗ ở của mình ấy lại cho họ. Nếu không lượm cất phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Vật rơi trong chỗ mà đức Phật cho phép lượm Tỳ-khuru lượm cất vật có thể cất được, lượm vật ấy vì sự cần thiết, hoặc là vật mượn, hoặc lượm lấy cho là vật đã bỏ, và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người " (sân-attika), có 4 chi :

1. Không có cứ mà đức Phật cho phép (anu-ññâtakâranam) ;
2. Vật của người khác (parasantakatâ) ;
3. Không phải lượm lấy vì cho là vật bỏ và mượn (vissâsagânakapâlukulasaññânam abhâvo) ;

4. Tự mình lượm, hoặc bảo kẻ khác lượm
(uggahanam vā uggahāpanam vā).

Điều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " làm mai-dong " (sañcarittasikkhāpada).

3.— Đi vào xóm sái giờ (vikālegāmapavesana).

Tỳ-khuru không cho vị khác trong bọn hay mà đi vào xóm sái giờ phạm ung-đối-trị, trừ ra có việc gấp nhứt là có rấn mổ Tỳ-khuru trong bọn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục-sur đi vào xóm sái giờ để nói chuyện vô ích làm cho thiên-hạ chê trách.

CHÚ GIẢI: Ra đi vào xóm bước đầu, phạm tác ác qua bước thứ nhì phạm ung-đối-trị. Ăn trong nhà thiện-tín hoặc trong nhà ăn rồi muốn đi vào xóm, nếu có Tỳ-khuru ngồi bên trái hoặc bên mặt cũng phải từ giã, bằng không có nên nghĩ rằng : "không có" rồi đi. Khi đi ra đến đường đầu thấy Tỳ-khuru khác cũng phải từ giã bằng lời này : "Tôi xin từ giã đi vào xóm trong lúc sái giờ (vikālegāmapavesanam āpucchāmi), trong lúc sái giờ phạm ung-đối-trị ; trong giờ tưởng là sái giờ phạm tác ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết là buổi sớm, có việc gấp, hoặc có từ giã vị khác rồi đi, không có vị nào khác rồi đi, hoặc đi đến chùa mà phải qua xóm, hoặc đi đến chỗ ngụ của

Tỳ-khuru-ni, đi đến chỗ người tu ngoại đạo hoặc có tai hại, và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này " không " phạm tội vì dạy người khác " ansânattika), có 3 chi :

1. Không từ già tỳ-khuru trong bọn (santambhi-kkhunī anāpucchā) ;
2. Không có cứ mà đức Phật cho phép (anuññā takaranabhāvo) ;
3. Đi vào xóm sái giờ (vikālegāmappanesanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakāṭhina), chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì làm và không làm (kiriya kiriya).

4.— Làm ống đựng kim (sūcighana).

Tỳ-khuru làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng, phạm ưng-đối-trị.

Phải phá bỏ ống đựng kim ấy rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Nigrodha gần thành Kapilavattthu xứ "Thích Ca", do chư sư xin rất nhiều ống đựng kim bằng ngà, thí chủ không rảnh làm việc để nuôi sanh mạng và vợ con làm cho thiên-hạ chê trách.

Thẻ thức không phạm tội :

Làm ống đựng thuốc nhỏ mắt, cán dao, ống lược nước và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người khác " (sânattika), có 3 chi:

1. Ống đựng kim (sūcigharatā) ;

2. Làm, nhứt là bằng xương (atthima yāditā) ;

3. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình làm được (attano atthāya karanam và kârâpetvā và paṭilābho).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học làm mai dong (sañcaritta sikkhâpada).

5.— Làm giường (mañca).

Tỳ-khuru làm giường hoặc bàn nhỏ thấp dài, nên làm chân cao hơn hết là chừng 8 ngón tay⁽¹⁾ của đức Phật (kể từ dạ dưới giường trở xuống, nếu làm quá mực thước, phạm ung-đổi-trị.

Phải cất bỏ cho bằng hạn-định rồi sám-hối mới hết tội. (Điều học này gọi là " chedanaka " như thế cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khuru Upananda làm giường cao quá hạn-định.

CHÚ GIẢI: Thẻ thức không phạm tội :

Bảo họ làm cho vừa hạn-định hoặc cao quá giới-hạn rồi dạy họ cất bỏ cho vừa và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội. Có 2 chi:

1. Giường hoặc bàn nhỏ dài cao quá giới-hạn (pamânâtikkantani ancapithatā) ;

2. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình, làm

(1) Ngón tay Phật bằng 3 ngón tay của người bực trung.

được (attano atthāyakaranamvākārāpetvā vā paṭilābho).

Điều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) ngoài ra, như trong điều học " làm ống đựng kim " (sūcighara sikkhapada).

6.— Làm giường có đồn gòn (tulonaddha).

Tỳ-khuru làm giường hoặc bàn nhỏ thấp dài có đồn gòn hoặc đồn bông phạm ung-đối-trị. Phải phá bỏ rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do phe lạc sư làm giường có đồn bông làm cho thiên-hạ chê trách.

CHÚ GIẢI: Thẻ thức không phạm tội.

Trong các đồ trang-sức, dây nịch lưng, áo bát, vải lược nước, gối có đồn gòn không tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người khác " (sānattika), có 2 chi :

1. Giường hoặc bàn nhỏ thấp dài có đồn gòn (tulonaddhamañcapīṭhatā) ;

2. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình làm được (attano atthāyakaranamvākārāpetvā vā paṭilābho) ;

Điều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna), ngoài ra như trong điều học trên.

7.— Làm Tọa-cụ (nisīdana).

Tỳ-khuru làm tọa-cụ để ngồi, nên làm theo hạn-định là bề dài 2 gang, bề ngang 1 gang rưỡi, bìa

1 gang của đức Phật, nếu làm quá hạn-định phạm ung-đôi-trị. Phải cắt bỏ cho bằng mực thước rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sávatthi), do phe lục sư làm tọa-cụ quá hạn-định.

CHÚ GIẢI: Thẻ thức không phạm tội.

Làm cho vừa theo hạn-định hoặc nhỏ hơn hoặc người khác làm cho, quá hạn-định rồi cắt bỏ ra cho bằng và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội. Có 2 chi:

1. Tọa-cụ quá hạn-định (nisīdanassapamānātikantatā);

2. Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm, làm được (attano atthāya karanam vā karāpetvā paṭilābho).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm ung-đôi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học trên.

8.— Vải rịt ghè (gaṇḍappaticchādi).

Tỳ-khuru làm vải để rịt ghè, nên làm cho đúng theo hạn-định là bề dài 4 gang, bề ngang 2 gang của đức Phật.

Nếu làm cho quá hạn-định phạm ung-đôi-trị.

Phía cắt bỏ cho bằng hạn-định rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sávatthi), do phe lục sư làm vải rịt ghè quá giới.

9.— Làm y tắm mưa (vassikasātikā).

Tỳ-khuru làm y để tắm mưa, nên làm theo

hạn-định là: bề dài 6 gang, bề ngang 2 gang của đức Phật ; nếu làm quá giới, phạm ung-đối-trị.

Phải cất bỏ cho đúng theo luật định, rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do phe lục sư làm y tắm mưa quá giới.

10.— Làm Ca-sa lớn (nanda).

Tỳ-khuru làm ca-sa dài, lớn bằng ca-sa của Phật phạm ung-đối-trị. Ca-sa của đức Phật bề dài 9 gang bề ngang 6 gang của đức Thế-Tôn. Phải làm theo luật định là cất cho vắn, cho nhỏ hơn ca-sa của đức Phật rồi sám-hối mới hết tội.

Điều học này gọi là "Nandatthera" cũng được.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khuru Nanda (em của Phật) có tướng mạo rất đẹp (bề cao thấp hơn đức Phật 4 ngón), mặc ca-sa lớn bằng ca-sa của đức Phật, ở xa đi lại, chư Tỳ-khuru tưởng là đức Thiên-nhơn-sư, bèn sửa-soạn đứng dậy tiếp nghinh, rõ lại không phải là đức Vô-thượng-sĩ, nên chê trách.

4 ĐIỀU HỌC UNG-PHÁT-LỘ

(Paṭidesaniya)⁽¹⁾

1. Tự tay mình thọ lãnh (hatthatopatiggahana).

Tỳ-khuru tự tay mình thọ lãnh vật-thực nơi tay Tỳ-khuru-ni không phải bà con, phạm ung-phát-lộ.

(1) Paṭidesaniya nghĩa là: tội mà tỳ-khuru phải sám-hối bằng cách khác (có giải nơi trường sau).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (sávatthi), do 1 Tỷ-khuru thọ vật-thực nơi tay Tỷ-khuru-ni đi bát dâng cho đến 4 ngày, làm cho Tỷ-khuru-ni ấy phải nhịn đói, mình gầy sức yếu.

2. Đương ăn trong chỗ họ thỉnh mời (kulesu-nimantitá).

Tỷ-khuru đang ăn trong chỗ họ thỉnh mời, nếu có Tỷ-khuru-ni đến dạy thí chủ đem vật này, vật kia đem đến dâng đến tỷ-khuru ấy, vì lòng thương yêu trọng đãi Tỷ-khuru, nên đuổi Tỷ-khuru-ni cho lui ra khỏi, nếu không đuổi, phạm ung-phát-lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sávatthi), do phe lục sư được người thỉnh ăn, có phe sau Tỷ-khuru-ni đến dạy thí chủ dâng vật này, vật nọ đến phe lục sư, lục sư nhờ đó mà ăn no. Các vị khác phải chịu nhịn.

3. Bậc thánh mà Tăng đã chỉ định (Sekkha-sammata).

Bậc thánh-nhơn nào mà Tăng đã ra lệnh định là bậc có đức-tin nhiều mà nghèo, nếu Tỷ-khuru không bệnh, không được thành mà đến thọ vật-thực nơi ấy đem về dùng, phạm ung-phát-lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veluvana) gần thành Vương-Xá (Rájagaha), do chư sư thọ lãnh vật-thực nơi bậc thánh-nhơn mà nghèo làm cho nhà ấy phải chịu đói khát.

4.— **Chỗ ở trong rừng** ⁽¹⁾ **nguy-hiêm** (araññika-senâsana).

Tỳ-khuru ngụ trong rừng là nơi nguy-hiêm có điều lo sợ, nếu không bệnh mà thọ lãnh vật-thực của thí chủ đã cho tin trước rằng : " họ sẽ đến dâng vật-thực trong nơi ấy" và Tỳ-khuru không cho họ hay có sự nguy hiểm trong nơi ấy tự tay mình thọ lãnh đem dùng, phạm ung-phát-lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Nigrodha tịnh-xá, gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) (dòng Thích-Ca), do chư sư ngụ nơi rừng nguy-hiêm, có phe tín-nữ vào trai-tăng bị bọn trai hung-ác đón đường cướp của và hãm dâm :

CHÚ GIẢI : Thế thức không phạm tội :

Tỳ-khuru cho hay sự nguy-hiêm ấy mà tưởng là chưa cho hay, hoặc nghi, hoặc tưởng đã có cho hay rồi, có bệnh, thọ lãnh vật-thực của thí-chủ dâng đến mà mình đã cho hay trước, hoặc dùng vật-thực dư của Tỳ-khuru bệnh, hoặc dùng củ, trái cây mà mình được thọ lãnh ngoài chùa, và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này có 7 chi :

1. Chỗ ngụ trong rừng như đã có nói (yacâvutta araññika senâsanatâ) ;
2. Vật-thực không phải phát sinh trong nơi ấy (yâvakâlikassa attatthajâtakatâ) ;

(1) Chỗ ở trong rừng là ở xa xóm, ít lắm 1.000 thước.

3. Không có bệnh (agilânatâ) ;
4. Vật-thực không phải của dư của Tỷ-khuru bệnh (agilânâvasesakatâ) ;
5. Không cho hay (appatisaṃ veditatâ) ;
6. Thọ lãnh trong chùa (ajjhârāme paṭiggahanam) ;
7. Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều cả 7 chi ấy mới phạm ung-phát-lộ.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học " lễ dâng y lần thứ nhất " (paṭhamakathinasikkhāpada).

Chỉ khác nhau là điều học này " phạm tội vì làm " (kiriya) là thọ lãnh và " vì không làm " là không cho hay trước (akiriya).

Nếu phạm 1 trong 4 tội ung-phát-lộ ấy, nên sám hối như vậy :

Tôi đã phạm phép đáng cho đức Phật chê trách là phép ung-phát-lộ mà người phạm cần phải bày tỏ ngay, tôi xin bày tỏ pháp ấy. Còn lời xin sám-hối và lời thọ tiếp theo như lời sám-hối trong các tội khác.

Gārayham } bhante } dhammamaṭṭhāyāsi
 } āvuso } paṭidesa nīyaṃ taṃ paṭisehi.

Nếu nhiều vị đọc : " Apajjīmahā " thế cho " āpajjīmaṃ " " paṭidesema " thế cho " paṭidesemi " .

75 ĐIỀU HỌC " UNG-HỌC-PHÁP " (1)

(Sekkhiyavatta)

Chia ra làm 4 phần :

I.— **Mặc y cho nghiêm trang**, phần thứ nhất, có 26 điều (sârūpa) ;

II.— **Thọ thực cho tề chỉnh**, phần thứ nhì, có 30 điều (bhojanapaṭisamyutta) ;

III.— **Thuyết-pháp cho đúng phép**, phần thứ ba, có 16 điều (dhammadesanâpaṭisamyutta) ;

VI.— **Lượm-lặt**, phần thứ tư có 3 điều (paki-
nṇaka)

I.— MẶC Y CHO NGHIÊM TRANG.

PHẦN THỨ NHẤT

(Sârūpa)

Có 26 điều học :

1. Tỳ-khưu nên làm như vậy " ta phải mặc, đắp y cho kín mình (parimandalanivâsana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư mặc y phục nội phía trước và phía sau không đồng, làm cho thiên-hạ chê-trách.

(1) Ung-học pháp là điều học mà chư Tỳ-khưu, sãi phải học và hành.

CHÚ GIẢI: Phải mặc y nội phía trên cho kín rún phía dưới từ đầu gối xuống 8 ngón tay như thế gọi là mặc kín mình. Nếu dễ-đuôi, mặc phía trước hoặc phía sau xệ xuống phạm tác-ác.

Nếu phạm 1 trong 75 điều " Ung-học-pháp " gọi là phạm " tác ác " cả, không cố ý, quên không biết có bệnh, có điều rủi ro, và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Không cố ý là : Tính mặc cho kín mình thiệt mà quên, rồi mặc không kín, như thế gọi : không cố ý, không phạm tội : tâm tưởng nơi khác, rồi mặc không kín như thế gọi là quên " quên " không phạm tội.

Không biết mặc cho kín như thế, gọi là không biết, không phạm tội, nhưng lệ thường, Tỳ-khuru phải học hỏi trước, nếu không học hỏi trước, như thế gọi là " dễ-đuôi ", cũng không khỏi phạm tác-ác.

Tỳ-khuru nào, đầu gối lớn, hoặc ống chun dài mặc y phục xuống khỏi 8 ngón tay cho kín cũng nên.

Tỳ-khuru có ghé nơi đầu gối hoặc trong chơn như thế gọi là có bệnh, mặc y cao lên hoặc thấp xuống cũng nên.

Thú dữ rượt hoặc bọn cướp đánh đuổi gọi là : có điều rủi ro, trong khi rủi ro như thế không phạm.

Các nguyên nhân không sanh tội nhưt là : không cố ý như đã nói trên, cũng kể vào trong tất cả điều học " ung-học-pháp " sẽ giải ra phía sau, nơi nào có chi khác nhau sẽ giải thêm trong điều ấy.

Trong tất cả điều học ấy, đều không phạm tội vì bảo kẻ khác làm (anânattika).

Điều học này có 3 chi :

1. Không dè dặt cẩn thận (anâdasiyaṃ) ;
2. Không có nguyên nhân không phạm tội (anâpatti karaṇâbhâvo) ;
3. Mặc không kín mình (aparimandalam nivâsanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tác-ác.

Trong mỗi điều học " ưng-học-pháp " đều có 3 chi giống nhau như trong điều học này. Cho nên trong mấy điều học sau, không cần phải nói đến phần chi phạm tội nữa.

Chỗ sanh tội sẽ giải ra phía sau cuối cùng. Trong mỗi câu đầu của " ưng-học-pháp " không nói tên tội, chỉ có câu: Tỳ-khuru nên làm như vậy ; " đều đủ cả điều học " (sikkhâkaraṇīyâ). Biết rằng phạm tội tác ác, vì tiếng " không cẩn thận " mà làm thì phạm tác ác. Cho nên phía sau không cần phải nói tên tội nữa, cũng nên biết là phạm tội vì không cẩn thận.

2. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên đắp y cho kín mình, mặc y vai trái phía dưới từ đầu gối xuống khỏi 4 ngón tay, phía trên trùm cho kín cánh chỏ tay trái (parimandala pârâpana).

3. Tỳ-khuru nên làm như vậy ; ta nên trùm y cho kín mình khi đi vào khoảng nhà (supaticchanno-antaragharegamana).

4. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên trùm y cho

kín mình khi ngồi trong khoảng nhà (supaticchanno-antaragharenisīdana).

Vào ngụ trong khoảng nhà đầu gối rời ra y, mặc cho kín mình (như trong khi ở trong chùa) trong lúc ban ngày hoặc ban đêm cũng không phạm tội.

Tiếng " vāsūpagatassa " trong kinh chú-giải rằng : " đi vào để ngụ ", nhưng không định ngụ đêm hay là ngụ đờ. Có chỗ lại nói : " vāsūpagato " nghĩa là " đi vào ngụ đêm " .

5. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên thu-thúc cho chánh-dáng là không nên múa tay quạt chơn, khi đi vào khoảng nhà (susamvuto antaraghare gamana).

6 Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên thu-thúc cho chánh-dáng, là không múa tay quạt chân khi ngồi trong khoảng nhà (susamvuto antaraghare nisīdana).

7. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên ngó xuống là xem phía trước, xa 4 hắc khi đi vào khoảng nhà (ngồi đứng trong nơi nào rồi liếc xem để ngừa sự rủi ro tai hại : như voi, ngựa ; xe cũng nên (ukkhittacakkhu-antaragharegamana).

8. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên ngó xuống xa 4 hắc, khi ngồi trong khoảng nhà (ukkhittacakkhu-antaragharenisīdana).

9. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nên đỡ y lên, khi đi vào trong khoảng nhà, đầu trong khi thọ thực cũng không nên đỡ y lên (na ukkhittakāya antaraghare gamana).

10. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nên đỡ y

lên khi ngồi trong khoảng nhà (na ukkhittakâya-antaragharenisīdana). Vào ngụ đêm trong xóm, dờ y lên cũng không phạm tội.

11. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không cười lớn tiếng khi đi vào khoảng nhà, dầu có bệnh cũng không khỏi phạm tội (na ujjhaggikâya antaragharegamana).

12. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nên cười lớn tiếng khi ngồi trong khoảng nhà. Nếu có cơ nên cười, thì mỉm cười không phạm tội (na ujjhaggikâya-antaraghare nisīdana).

13. Tỳ-khuru nên làm như vậy : " ta nên nói nhỏ nhẹ khi đi vào khoảng nhà (appasaddho antaraghare gamana).

14. Tỳ-khuru nên làm như vậy : " ta nên nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong khoảng nhà (appasaddho antaraghare nisīdana). Nói nhỏ nhẹ là như nhà bè dài 12 hắc, đại-đức (sur cả) ngồi đầu, vị thứ nhì ngồi giữa vị thứ ba ngồi sau chót.

Nếu vị cả nói với vị thứ nhì, vị này vừa đủ nghe rõ, còn vị thứ ba chỉ nghe tiếng mà không phân biệt được lời lẽ chi của hai vị ngồi trước, như thế gọi là nói nhỏ nhẹ. Còn nói lớn là tiếng nói nghe đến vị thứ ba phân biệt được sự lý, như thế gọi là: lời nói lớn.

Trong kinh chú-giải nói: phân biệt tiếng nhỏ, tiếng lớn, là tiếng nói thường không nhỏ không lớn nhưng có người có tiếng lớn, có người có tiếng nhỏ. Vậy nên nói tiếng thường làm mẫu.

15. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không uốn mình

khi đi vào khoảng nhà (nakâyappacâlakamañtaraghareñisîdana).

16. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên uốn mình khi ngồi trong khoảng nhà (nakâyappacâlakamañtaraghareñisîdana).

17. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên đánh đồng xa khi đi vào khoảng nhà (nabâhuppacâlakamañtaragharegamana).

18. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên uốn vai khi ngồi trong khoảng nhà (nabâhuppacâlakamañtaraghareñisîdana).

19. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên lắc đầu khi đi trong khoảng nhà (nasisappacâlakamañtaragharegamana).

20. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không lắc đầu khi ngồi trong khoảng nhà (nasisappacâlakamañtaraghareñisîdana). Nên ngồi cho thân thể, tay chân ngay thẳng, trong khi ngồi trong khoảng nhà.

Trong 3 điều học, nói về khi ngồi ấy, nếu vào ngụ đêm trong xóm, dầu uốn mình, lắc đầu cũng không phạm tội.

21. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên chống nạnh khi đi vào trong khoảng nhà (nakhambhakato antaragharegamana).

22. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên chống nạnh khi ngồi trong khoảng nhà, vào ngụ đêm chống nạnh không phạm tội (nakhambhakato antaraghareñisîdana).

23. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên trùm đầu khi đi vào trong khoảng nhà (na ogunthito antara-gharegamana).

24. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên trùm đầu khi ngồi trong khoảng nhà (na ogunthito anta-ragharenisīdana) vào ngụ đêm trùm đầu không phạm tội.

25. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên nhón gót khi đi vào trong khoảng nhà (na ukkutikāya antara-gharegamana).

26. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nên ngồi khoanh tay choàng đầu gối khi ngồi trong khoảng nhà, (napallathikāyantaragharenisīdana) vào ngụ đêm không phạm tội.

Trong cả 26 điều học này, tỳ-khuru vì dẽ-duôi, cố ý làm sai luật cấm, phạm tác-ác.

Không cố ý, quên, không biết, có sự hại, và tỳ-khuru bệnh, tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

II.— THỌ THỰC CHO CHÍNH TÈ

PHẦN THỨ NHÌ

(Bhojanapaṭisamyutta)

Có 30 điều học :

1. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên chú ý thọ lãnh vật thực cho đúng phép, là không làm như thế

lấy đem đi đổ bỏ, vì giận (sakkaccampiṇḍapāta-paṭiggahana).

2. Tỳ-khuru nên làm như vậy : khi thọ thực ta chỉ nên ngó trong bát (pattasaññīpindapātapāṭiggahana).

3. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta chỉ nên thọ lãnh canh vừa với cơm (samasūpakapiṇḍapātapāṭiggahana).

4. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta chỉ nên thọ lãnh vật thực vừa miệng bát (samatittikapīṇḍapāta paṭiggahana) dầu thọ lãnh vật ajāmakālika, sattāhakālika hoặc yāvajīvika đầy tràn bát cũng nên. Nếu thọ lãnh 2 bát nên thọ trước 1 bát rồi để vào nơi khác gởi về chùa, rồi thọ thêm nữa, hoặc mía đã róc, chặt ra từ đoạn, hoặc trái cây mà họ gói lại để lên bát, như thế nói là vun bát cũng không đặng, cho nên thọ lãnh cũng nên.

Trong điều này, dầu tỳ-khuru đau thọ lãnh vật thực, vung tràn bát cũng không khỏi tội.

5. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta nên ăn cho chính tề (sakkaccampiṇḍapātabhuñjana).

6. Tỳ-khuru nên làm như vậy : khi ăn ta chỉ nên ngó trong bát (pattasaññīpīṇḍapātabhuñjana).

7. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta phải ăn vật thực cho đều, là không ăn sâu giữa bát, hoặc đùa vun lên. (sapaḍānapiṇḍapātabhuñjana).

8. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta chỉ dùng canh cho vừa với cơm (samasūpakapiṇḍapātabhuñjana).

9. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nên đùa

com vung lên giữa bát mà ăn (nathūpikato omadditā-piṇḍapātabhuñjana).

10. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nên đùa com khuấy lấp đồ ăn, cố ý muốn được nhiều thêm nữa dầu tỳ-khuru bịnh cũng không khỏi phạm tội. Nếu không cố ý muốn được thêm mà đùa lấp vật-thực không phạm tội (nasūpaṃvābyañjanam vā odanenapaṭicchādāna).

11. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không bịnh không xin vật-thực để ăn; xin nơi bà con hoặc nơi người có yêu cầu, hoặc xin cho người khác không phạm tội (nasūpaṃvābyañjanam vā odanam vā agilāno attano atthāyaviññāpetvābhuñjana).

12. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không liếc xem bát vị khác, cố ý tìm lỗi người; tỳ-khuru bịnh cũng không khỏi phạm tội. Liếc xem cố ý cho thêm, hoặc không cố ý tìm lỗi không phạm tội (na ujjhāna-saññīparesampattaolokana).

13. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không làm vát com cho lớn quá bằng trứng ngỗng, gọi là lớn quá, nhỏ bằng trứng gà gọi là nhỏ quá, nhỏ hơn trứng ngỗng, lớn hơn trứng gà thì vừa (nātimahan takavalakaraṇa).

14. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta làm vát com cho tròn không dài (parimandalaālopakarana).

15. Tỳ-khuru nên làm như vậy : khi vát com chưa đến miệng, ta không há miệng chờ (naanāhateka-vaḷemukhadvāravivarana).

16. Tỳ-khuru nên làm như vậy : trong khi ăn ta

không nhét trộm bàn tay vào miệng (nabhuñjamānosabbamhatthamukhepakkipana).

17. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nói chuyện, khi vật thực còn trong miệng (nasakavalena mukhenabyâharana).

18. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không thả-vật thực vào miệng mà ăn (napiṇḍukkhepakabhujana).

19. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không cắn vát cơm mà ăn (nakavalâvacchedakabhujana).

20. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không ăn độn cơm bên má như khi ăn (nâ avagaṇḍakâra ka bhujana).

21. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không búng rảy tay trong khi ăn (rảy rớt được) nahatthaniddhunakabhujana).

22. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không làm cho cơm đổ; liệng, bỏ rác; có đổ cơm không phạm tội (nasitthâvakâra kabhujana).

23. Tỳ-khuru nên làm như vậy : trong khi ăn, ta không le lưỡi ra khỏi miệng (na jivchânicchâ rakabhujana).

24. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không nên ăn và chấp (nacapucapukâra kabhujana).

25. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không dùng vật-thực nghe tiếng rột-rột (nasurusurukâra kabhujana).

Điều học này, đức Phật cấm chế tại Ghosita tịnh-xá gần thành Kosambi, do 1 vị tỳ-khuru nghe

Tăng thọ sữa húp rột-rột rồi điếu rằng: có lẽ Tăng húp sữa cho nguội chắng ?

26. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không ăn, liếm tay (nahatthanillehakabhujjana).

27. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không ăn, liếm bát và vét bát (napattanillehakabhujjana).

28. Tỳ-khuru nên làm như vậy : ta không liếm môi trong khi ăn (na oṭṭhanillehakabhujjana).

29. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không dùng tay còn dính vật-thực, cầm đồ đựng nước; tính đem rửa tay hoặc cho người khác rửa, cầm không phạm tội (nasāmisena hatthena pāṇīyathālakapaṭiggahana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesakalā gần thành Sūsumāratira, do chư tỳ-khuru tay còn dính cơm mà cầm đồ đựng nước bị thí chủ chê trách.

30. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không đổ nước rửa bát còn hột cơm, trong khoảng nhà (nên lượm cơm cho nát rồi đổ, hoặc đổ trong ống nhỏ, rồi đem đi đổ, hoặc đem đổ nơi khác, đều không phạm tội (nasasittha-kampattadhovanamantaragharechaddana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesakalā gần thành Sūsumāratira, do chư tỳ-khuru đổ nước rửa bát có lộn cơm, làm cho thí chủ chê trách.

Trong cả 30 điều học này, tỳ-khuru nào dễ-duôi, cố ý, phạm tác-ác. Không cố ý không trí nhớ, không biết mình, có sự hại, và tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Tỳ-khuru bị bệnh không phạm tội, trừ ra trong 4 điều học thọ vật-thực đầy tràn miệng bát, móc ăn giữa bát, đùa com lấp vật-thực và liếc xem bát tỳ-khuru khác để tìm lỗi người, dầu tỳ-khuru bệnh cũng không khỏi phạm tội.

III.— THUYẾT-PHÁP CHO ĐÚNG PHÉP

PHẦN THỨ BA

(Dhammadesanâpaṭisamyutta)

Có 16 điều học :

1. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh, có dù trong tay.

CHÚ GIẢI: Nếu người khác họ che cho, hoặc dù để trong mình cho vừa rảnh tay cũng gọi là người không có dù trong tay, nói pháp đến người ấy cũng nên (nachattapâṇissagilânassadhammadesana).

2. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh, có gậy trong tay (như trong điều học trên) nadaṇḍapâṇissagilânassadhammadesana).

3. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh có vật bén (dao gươm) trong tay (như trong điều học trên) na satthapâṇissa agilânassadhammadesana).

4. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh có cung, tên, súng trong tay (nāvudhapâṇissa agilânassadhammadesana).

5. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh có mang dép, guốc (napâdukâru-lhassaagilânassadhammadesana).

6. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh có mang giày da (naupâhanâ-arulhassaagilânassadhammadesana).

7. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh ngồi trên xe, vông... ngồi trên xe với nhau, nói pháp cũng được.

Tỳ-khuru ngồi trên xe cao, người nghe ngồi xe thấp hoặc ngồi trên xe bằng nhau, tỳ-khuru ngồi xe trước, người nghe ngồi xe sau, đều nói pháp được hết: nhưng người ngồi xe sau, đầu cao hơn mà nói pháp đến người ngồi xe trước không nên (nayânagatassa agilânassadhammadesana).

8. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh, ngồi hoặc nằm trên giường (nasayanagatassaagilânassadhammadesana).

Tỳ-khuru nằm nơi cao nói pháp đến người nằm nơi thấp cũng nên, người nằm nói pháp đến người đứng, hoặc ngồi nói đến người đứng, hoặc ngồi với nhau, hoặc đứng nói với người đứng đều được cả.

9. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối (napallatthikâyanisinnassa agilânassadhammadesana).

10. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp

đến người vô bệnh có bịch khăn (naveṭṭhitasīssa agilānassadhammadesana).

11. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không nói pháp đến người vô bệnh đội khăn hoặc nón (na ogunthitasīssa agilānassadhammadesana).

12. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không ngồi sà đất, nói pháp đến người vô bệnh, ngồi trên chiếu đệm (nachamāyaṃnisīditvā āsane nisinnassa agilānassadhammadesana).

13. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không ngồi trên chỗ thấp nói pháp đến người vô bệnh ngồi nơi cao (nanice āsanenisīditvā uce āsanenisinnassa agilānassadhammadesana).

14. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không đứng nói pháp đến người vô bệnh ngồi (naṭhito nisinnassa agilānassadhammadesana).

Trong kinh chú-giải có nói: dầu tỳ-khuru trẻ đến chỗ tỳ-khuru cao hạ, rồi tỳ-khuru trẻ ấy đứng, vị trưởng ngồi hỏi đạo, tỳ-khuru trẻ không nên đáp. Nếu tỳ-khuru trẻ không có thể bảo vị trưởng-lão đứng dậy mới nên hỏi, không dám nói, vì tôn kính vị trưởng-lão, nên nghĩ rằng: ta nói pháp đến tỳ-khuru trẻ đứng gần bên, rồi nói cũng nên.

15. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không đi phía sau nói pháp đến người vô bệnh đi phía trước (napacchato gacchanto purato gacchantassa agilānassa dhammadesana).

Kinh chú giải có nói, nếu người đi trước nói đạo,

không nên đáp, nên nghĩ rằng: ta nói pháp đến người đi phía sau, như thế rồi nói.

16. Tỳ-khuru nên làm như vậy; ta không đi ngoài đường, nói pháp đến người vô bệnh đi trong đường na upathena gacchanto pathena gacchantassa agilânassa dhammadesana).

Nếu mỗi người đi một bên đường, nói pháp cũng nên.

Trong cả 16 điều học, tỳ-khuru dễ-duôi có ý phạm tác-ác, quên, không biết mình, có bệnh, có điều hại, tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

IV.— LUQM-LẬT, PHẦN THỨ TƯ

(Pankiṇṇaka)

Có 3 điều học :

1. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không bệnh, không đứng tiểu hoặc đại tiện. Trong khi mắc đại tiểu tiện gấp rút không phạm tội (naḥito agilâno uccâraṃ vâpassâvaṃvâkaraṇa).

2. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không bệnh, không đại hoặc tiểu tiện, khạc nhổ, hỉ mũi trên chỗ xanh nhứt là cây và cỏ tươi, dầu rễ cây còn sống thấy rõ trên mặt đất hoặc nhánh cây còn sống cũng đều gọi là xanh cả (naharite agilâno uccâraṃ vâ passâvaṃvâ-kheḷamvâkaraṇa).

Lên ngồi trên nhánh cây để đại tiểu tiện rớt xuống chỗ không có vật xanh cũng nên. Đi tiểu chỗ

không có vật xanh, dầu đại tiểu-tiện đến gấp rút cũng gọi như người có bệnh-không tội. Nếu tìm không kịp nơi không có vật xanh, nên kiếm vật chi lót đại tiểu-tiện có chảy nhằm vật xanh cũng vô tội.

3. Tỳ-khuru nên làm như vậy: ta không bệnh, không đại, tiểu-tiện, nhỏ, hỉ mũi trong nước (na udake a-gilāno uccāraṃvāpassārvam vākhelaṃvākarana).

Nước để dùng được, nước không dùng được không phạm tội. Nước ngập không có gò đất, đại, tiểu-tiện trong nước ấy không tội. Đại tiểu-tiện trên khô chảy xuống nước không phạm tội.

Trong cả 3 điều học ấy, tỳ-khuru dễ-duôi, cố ý phạm tác-ác. Không cố ý, không có trí nhớ, không biết mình có bệnh, có sự rủi-ro, và tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Trong cả 75 điều "ưng-học-pháp" (trừ ra điều 25, 29, 30 trong phần thọ-thực tề-chỉnh) đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatti), do phe lục sư làm quấy.

2 điều học "cười lớn", 2 điều học "nói lớn tiếng" 1 điều học "nói chuyện còn vật-thực trong miệng" thành 5 điều học :

1. Ngồi sát đất nói pháp đến người trên chiếu đệm.
2. Ngồi nơi thấp nói pháp đến người ngồi nơi cao.
3. Đứng nói pháp đến người ngồi ;
4. Đi ngoài đường nói pháp đến người đi trong đường;

5. Đi sau nói pháp đến người đi trước (5 điều học này với 5 điều trên) thành 10 điều học. 10 điều học này thuộc về samanubhâsanasamuṭṭhâna là tội sanh do thân-khẩu-ý, phạm tội vì làm (kiriya) khỏi phạm tội vì tưởng (saññâvimokkha), phạm tội vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja); thân-nghiệp (kâyakamma); khẩu-nghiệp (vacikamma), ác tâm (akusalacitta); thọ khổ (dukkhavedana).

Xin đồ ăn, xin cơm thuộc về theyyasatthasamuṭṭhâna, tội sanh do thân-ý, thân-khẩu-ý (kiriya saññâvimokkha, sacittaka, dukkhavedanâ).

Nói pháp đến người vô bệnh, có dù trong tay, có gậy trong tay, có vật bén (dao, gươm) trong tay, có cung tên trong tay, mang guốc, dép, mang giày da, đến người đi trên xe, người nằm, đến người ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối, người bịch khăn, người đội khăn. 11 điều học ấy thuộc về dhammadesana-samuṭṭhâna là tội sanh ra do khẩu ý (kiriya kiriya, saññâvimokkha, sacittaka, lokavajja, vacikamma, akusalacitta, dukkhavedanâ. Còn lại 53 điều học chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học bất-cộng-trụ thứ nhất (paṭhamapârâjika sikkhâpada).

Lại nữa, ung-học-pháp không có nhứt định là chỉ có bấy nhiêu, mà không nhứt định ấy là cách thức tỳ-khuru nên học và hành chẳng phải có bấy nhiêu đâu, đâu là pháp hành mà đức Phật đã chế định trong phần hành (vattakhanidha) cũng gọi là ung-

học-pháp vì là pháp hành mà tỳ-khưu nên học và hành theo.

DUYÊN CỐ TRANH BIỆN ⁽¹⁾

(Adhikarana)

Có 4 :

1. Tranh biện điều phải trái (vivadādhikaraṇa) là nói rằng: cái này là pháp là luật, cái này không phải là pháp, không phải là luật;

2. Bất tội nhau (anevādādhikaraṇa) là buộc tội nhau vì phạm tội này tội kia ;

3. Phạm các tội (apattādhikaraṇa) ;

4. Việc mà Tăng nên làm (kiccādhikaraṇa).

DIỆT-TRANH ⁽²⁾

(Adhikaraṇa samatha)

Có 7 phép :

1. Sự dứt trong 4 điều tranh biện trong nơi giữa Tăng, giữa pháp, giữa luật là dứt điều cãi lẽ do theo pháp, do theo luật, đúng theo lời của đức Phật cấm chế và chuẩn hành ⁽²⁾ (budhappaññatti, budhānu-

(1) Cãi nhau lẽ phải, trái.

(2) Dứt điều tranh biện (giải hòa)

(3) Cấm chế là cấm ngăn, chuẩn hành là cho thi hành.

ññatti) trước mặt người là tiên cáo và bị cáo hoặc tỳ-khuru thú nhận tội (sammukhâvinaya);

2. Sự mà Tăng tụng để tuyên bố chỉ tên A-la-hán là bậc có trí nhớ đều đủ rồi, không kẻ nào buộc tội chi được cả (sativinaya);

3. Sự mà Tăng tụng để tuyên bố chỉ tên tỳ-khuru điên đã hết điên rồi; không cho kẻ nào cáo tội mà tỳ-khuru ấy đã phạm trong khi còn điên (amulha-vinaya);

4. Sự định tội theo lời thú nhận mà người khai thiệt (patiññatakaraṇa);

5. Sự phân đoán, lấy theo lời khai của phần đông người có đạo đức (yebhuyyasikâ);

6. Sự mà luật định đến người phạm tội (tassa-pâpiyasika);

7. Sự giải hòa cho nhau cả hai bên không cần xử đoán việc trước (tinavatthâraka).

NHỮNG ĐIỀU HỌC NGOÀI GIỚI-BỔN

Trọng tội ⁽¹⁾

(Thullaccaya)

Giải về trọng tội có 2 điều :

1. Tỳ-khuru không bỏ;

(1) "Thullaccaya" dịch là : Trọng tội hoặc là tội xấu, nghĩa là : tội trọng, xấu hơn các tội khác (ngoài tội "bất-cộng-trụ" và "Tăng-tàn").

2. Không nên chia tài sản trọng của Tăng; nếu bỏ hoặc chia, phạm "trọng tội", vì Phật có cấm rằng : tài sản trọng có 5 phần :

- Phần thứ nhất: 1. ârâmo: vườn, trái cây, bông cây
— 2. arāmavatthu: đất vườn.
- Phần thứ nhì : 3. vihâro: thớt, nhà;
— 4. vihâravatthu: đất, chùa, thớt.
- Phần thứ ba : 5. mañco: giường;
— 6. pīṭham: bàn nhỏ thấp dài;
— 7. bhisī: nệm;
— 8. bimbohanam: gối.
- Phần thứ tư:⁽¹⁾ 9. lohakimbhī: nôi
— 10. lohabhānakam: cân
— 11. lohavāraiko: thùng lớn;
— 12. lohakajāham: chậu;
— 13. vāsī: dao nhỏ;
— 14. pharasu: búa;
— 15. kuṭṭhārī: riều;
— 16. kuddālo: xuống;
— 17. nikhādanam: vá.
- Phần thứ năm: 18. vali: dây;
— 19. veḷu: tre (dài 8 ngón tay trở lên)
— 20. muñjam: cỏ óng;
— 21. pabbajjam: cỏ năn ni;
— 22. tinam: các thứ cỏ để che lợp
(từ một bó trở lên);

(1) Các vật trong phần (tài sản) thứ tư đều làm bằng loại kim.

- 23. mattika: đất sét;
- 24. dârubhaṇḍam: vật dụng làm bằng cây;
- 25. mattikâbhaṇḍam: vật dụng làm bằng đất.

Tất cả 25 món ấy, món nào thí chủ đã dâng đến "Giáo-hội", hoặc phát sanh trong "Giáo-hội", đều gọi là tài sản trọng của "Tăng-Già" (garubhaṇḍa) nghĩa là: Tăng-Già hoặc nhóm (2,3 tỳ-khuru), hoặc 1 tỳ-khuru nên không bỏ, không nên chia; dầu bỏ dầu chia cũng không gọi là bỏ, là chia; của ấy cũng còn là của "Tăng-Già" như cũ. Tỳ-khuru nào, vì chấp mình làm lớn, bỏ hoặc chia của "Tăng-Già" như thể phạm "trọng tội" (thullaccaya). Nếu có ý bỏ, hoặc chia, cho luật-sur trừng phạt theo giá của vật. Nếu làm cho sanh sự lợi ích đến "Tăng-Già" đem đổi vật bền chắc, theo phép, hoặc vật cao giá hơn, hoặc dùng vật thấp hèn đổi lấy gạo để ăn, hoặc để tu bổ chùa, thất... trong con đời kém cũng nên.

Tất cả tài sản trọng của "Tăng-Già" một món nào chẳng hạn, tỳ-khuru lấy dùng riêng cho mình, nên kiếm vật khác bằng giá, hoặc cao giá hơn đem thế lại mới nên; nồi, bát, tách, bình trà, ô... bằng kim loại; đũa, thuốc nhỏ mắt... ống-khóa, chìa khóa vật bằng loại kim; hoặc bằng cây dương làm, nên chia được, dây và tre... đem làm việc cho "Tăng-Dà", hoặc cho tháp thờ, rồi còn dư, đem dùng làm việc cho tỳ-khuru cũng nên. Đây chỉ giải vấn tắt, nếu muốn học cho rộng, tìm thêm trong phẩm Catutthasâmantapâsâdikâ.

Lại nữa không nên cho ai mở trong chỗ kín, hoặc mở cất gần chỗ kín, cách chừng lồi 2 ngón, nếu thoa thuốc, không cấm.

Điều học này phạm vì cố ý (sacittaka).

Không nên ăn thịt người, không nói đến thịt người, dầu là xương, máu, da, lông cũng không nên.

Điều học này, phạm vì vô ý (acittaka).

Không nên lỏa-thể, không nên mặc y làm bằng lá tranh, bằng vỏ cây, bằng tóc người, bằng lông đuôi của thú, bằng lông cánh chim, da cọp, y làm bằng vỏ cây gai.

Không nên đụng chạm nhằm chỗ kín thú cái.

Không nên gấp làm lễ phát-lồ (Uposatha), hoặc Tự-tứ (pavâranâ) vì cố ý cho tỳ-khuru khác không làm được.

Tỳ-khuru nào phạm các điều trên đây gọi là phạm "trọng tội" (thullaccaya).

TÁC ÁC

(Dukkaṭa)

Tỳ-khuru không nên mặc y phục như kẻ thế;

Không nên mặc y màu xanh, vàng dợt;

Không nên mặc y may đường chỉ xuôi (không có cất may đường ngang; nghĩa là: không có "điều");

Không nên mặc y có bông hoa và thêu thùa;

Không nên chỉ mặc y nội và y vai trái mà đi, vào

xóm, trừ ra có duyên cớ mới được phép để y hai lớp lại (y Tăng-dà-lê);

Không nên mang dép đi vào xóm, nếu không có bệnh;

Không nên mang dép hai lớp, dép rơm, guốc, giày hàm-ếch, giày thêu, giày có nhiều màu⁽¹⁾, da cạp, da beo, da voi, da cá nước;

Không nên thoa phấn xức dầu, soi hình trong kiển và trong nước, nếu vô bệnh;

Không nên đeo vòng, cà rá;

Không nên cho ai hớt tóc, hớt râu và nhổ tóc bạc,

Không nên xem nhan sắc phụ nữ;

Không nên lấy cây mà kỳ mình, trong khi tắm;

Không nên đầu lưng nhau mà kỳ, trong khi tắm;

Không nên máng bát lên nhánh cây;

Không nên chứa đồ ăn còn dư trong bát;

Không nên lấy bát còn ướt đem cất;

Không nên ngồi chung ghế hoặc chung chiếu cùng phụ nữ, hoặc bán nam, bán nữ, hoặc kẻ thấy trai biến ra gái, thấy gái biến ra trai (có cả hai bộ sanh trước-khí);

Không nên ngồi chung giường, chung ghế cùng tỳ-khuru tu lâu hơn ba hạ;

Không nên nằm ngồi chỗ cao và rộng, chỗ có lót nệm gòn, nệm bông và tọa cụ bằng lông trừu tốt.

Không nên dùng gối lớn, dài quá nửa mình;

(1) Và có màu, đỏ, đen sậm, trắng.

Không nên ngồi chỗ có trái lót trước, nếu chưa xem xét;

Không nên nằm chỗ có treo bông hoa;

Không nên ngồi chỗ của vị tỳ-khuru lâu năm, thường hay ngồi;

Không nên lạy mười hạng người:

1. Tỳ-khuru tu sau mình;

2. Sadi và kẻ thế;

3. Tỳ-khuru tu lâu năm hơn mà hành sai theo kinh luật;

4. Phụ-nữ

5. Bán-nam, bán nữ;

6. Tỳ-khuru phạm phép "Tăng-tàn";

7. Tỳ-khuru đáng cho "Giáo-hội" phạt lại như trước, vì đang khi bị phạt mà lại phạm thêm phép "Tăng-tàn";

8. Tỳ-khuru đang sửa mình để cho "Giáo-hội" giao thiệp lại như trước;

9. Tỳ-khuru đang bị hành phạt sửa lỗi để cho "Giáo-hội" giao thiệp lại;

10. Tỳ-khuru đã bị hành phạt rồi, mà Giáo-hội đang chứng cho nhập vô Giáo-hội lại.

Không nên lấy đồ lót trái ngũ của tỳ-khuru nào đem dùng nơi khác;

Không nên bảo tỳ-khuru nào đứng dậy trong khi vị ấy đang ăn;

Không nên đuổi tỳ-khuru nào có bệnh đi khỏi chỗ ở mà phải nên săn sóc;

Không nên cầm vị khác ngũ đậu, nếu vị ấy có bịnh chút ít;

Không nên thọ lãnh thịt và cá tươi;

Không ăn thịt mà mình biết, hoặc nghe, hoặc thấy họ giết để cho mình ăn, nếu có 1 trong 5 hạng người xuất gia thấy giết thì không nên ăn;

Không nên học, hoặc dạy kẻ khác những việc ngoại đạo;

Không nên nói đạo trong chỗ đông người, nếu có mặt vị tỳ-khuru trưởng-lão mà ngài chưa thỉnh nói;

Không nên tụng kinh kéo dài như giọng hát;

Không nên không cho mượn vải lọc nước (nếu có vị khác muốn mượn);

Không nên làm cho tài vật của thí chủ bố thí ít phước (vì sự "tà-mạng");

Không nên đem đồ khát thực cho kẻ thế ăn trước mình (trừ ra chó cha, mẹ, vua, kẻ cướp, người sắp vào tu);

Không nên làm thầy thuốc;

Không nên làm kẻ đi thơ;

Không nên bợ đỡ kẻ thế mong được lợi;

Không nên trồng kiếng;

Không nên đánh đàn, thổi kèn, đánh cò;

Không nên lấy đất cục, đá sỏi thay mà chơi;

Không nên vô cớ mà leo cây;

Không nên đốt rừng;

Không nên dùng bát làm bằng cây, thảo, đồng, nhứt là: bát có màu xanh và đen xạm;

Không nên lấy cây dài quá 8 ngón tay, hoặc cụt hơn 4 ngón tay mà chà răng;

Không nên rù quên người xuất gia làm điều vô đạo;

Không nhuộm y bằng nước nghệ, nước cây đàn, nước cây vàng lò;

Không nên động đến hình tượng phụ nữ, đồ nữ trang, 7 thứ lúa, 10 thứ ngọc thạch, đàn, kèn, trống trái còn trên cây và khí giới, nhưt là: dao, gương, súng;

Không nên cầm lấy những vật dụng đồ mà thí chủ chưa dâng cúng;

Tỳ-khuru đi xa mới đến, trước khi vào chùa phải lột giày, sập dù; và không nên ngồi gần trường-thượng.

Không nên cầm vị mới tu ngồi phải chỗ;

Không nên làm cho nước văng nhằm y các vị ngồi gần;

Không nên ra vô lật dật, khi đi khát thực;

Không nên đứng xa, hoặc gần người dâng cơm lấm;

Không nên lật dật thọ lãnh vật thực;

Không nên dòm, ngó mặt người thí chủ;

Không nên quét, giũ, đập, đồ chỗ có người, hoặc gần các vị khác, hoặc gần nước uống hay phía trên gió;

Không nên dạy ai học, hoặc tụng kinh, thuyết-pháp mà chưa bạch cùng vị trường thượng trong lúc ở chung;

Không nên nhúm lửa, hoặc tắt lửa, đóng hoặc mở cửa sổ mà không bạch cùng vị trưởng-lão, trừ ra ngài có cho phép trước;

Không nên đi đụng nhằm, hoặc phát y trúng nhằm vị trưởng-lão;

Không nên đi vào nhà xí mà còn chấp tôn ti thượng hạ;

Không nên đi vào nhà xí lật đật, nếu cửa đóng thì phải gõ cửa;

Không nên cời y ở ngoài nhà xí;

Không nên đại tiện, rặn nghe lớn tiếng;

Không nên đại tiện, hoặc tiểu tiện phía ngoài lỗ xí

Không nên khạc nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí;

Không nên dùng cây có gai, cây mọt mà chùi;

Không nên rửa nghe lớn tiếng;

Không nên để nước dư trong lon, nếu nhà xí dơ phải quét rửa cho sạch;

Không nên đi ra nhà xí lật đật;

Không nên chưa mặc y mà ra khỏi nhà xí;

Không nên đi xem hát, đờn, kèn;

Không nên mặc y nội, thiếu dây lưng mà đi vào xóm;

Không nên mở cửa mà tay còn cầm bát;

Không nên ngủ chung cùng nhau trên chỗ có trải lót;

Không nên ăn tối, không có món chi trộn chung;

Không nên đi trên chỗ ngồi, chỗ nằm, nhứt là: đi trên giường ghé và chỗ đẹp hoặc có sơn phết, nếu chân chưa rửa, hoặc còn ướt, hoặc còn mang giày;

Không nên dựa vào vách nhà có tô vôi, hoặc sơn phết và nhỏ nước miếng nơi ấy;

Không nên không trải ngọa-cụ, trước khi nằm trên chỗ ngủ sạch sẽ của "Giáo-hội";

Không nên để tóc dài quá hai ngón tay, hoặc lâu hơn hai tháng mới cạo;

Không nên để râu, lông mũi, móng tay, móng chân dài quá;

Không nên đánh bóng móng tay và móng chân;

Không nên ăn vật chi, nếu chưa quán-tưởng;

Không nên ăn thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư-tử, thịt beo, thịt gấu, thịt chó rừng, thịt cạp.

Các tỳ-khuru nào đã phạm nhằm những phép đã kể trên, gọi là phạm "tác-ác" (dukkata).

ÁC KHẨU

(Dubbhâsita)

Tỳ-khuru không nên mắng chửi làm cho người hổ-thẹn.

Không nên nói chơi với vị khác, hoặc trong bọn, hay nói xiên-xéo rằng: "Mày là vua, ngươi là Bà-la-môn, cháu là thú, anh là bậc thông minh, ngươi là kẻ trộm cướp". Kêu danh hiệu giễu chơi như cách ấy, phạm tội ác khẩu (dubbhâsita), (mỗi tiếng mỗi tội).

GIẢI VỀ 10 ĐIỀU LÀM LẠC

Sau khi Phật diệt độ 100 năm. 700 vị đại A-la-hán cu-hội lần thứ nhì, có đại đức Sabbakâmithero làm tọa-chủ để giải quyết 10 làm lạc sau này:

1.— MUỐI ĐỂ TRONG ỐNG BẰNG SỪNG ĐƯỢC PHÉP ĂN (kappati singilonakappo).

Luật dạy rằng: trong các món được phép ăn buổi sáng, nếu tỳ-khuru thọ lãnh rồi, để dành qua ngày khác đem ra ăn lại, phạm ung-đối-trị.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói "Muối để dành trong ống làm bằng sừng, nếu qua ngày khác đem ra ăn với đồ lạt cũng được không phạm.

2.— XẾ BÓNG HAI NGÓN TAY CÒN ĂN ĐƯỢC (kappatidvaṅgulakappo).

Luật dạy rằng: trong các món ăn buổi mai, nếu xế bóng mà tỳ-khuru đem ra ăn, phạm ung-đối-trị.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Nếu chính xế qua 2 ngón tay cũng còn ăn được không phạm.

3.— ĐI VÀO XÓM CÒN ĂN ĐƯỢC (kappati-gâmantarakappo).

Luật dạy rằng: nếu tỳ-khuru ăn rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn ăn nữa, phạm ung-đối-trị.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Ta đi vào trong xóm ăn nữa cũng được, không phạm.

4.— Ở CHUNG CHỖ LÀM PHÉP "SÁM-HÓI"
(1) **RIÊNG CŨNG ĐƯỢC** (kappati âvâsakappo).

Luật dạy rằng: Chỗ ở thuộc về Giáo-hội, tỳ-khuru

không nên làm phép "sám-hối" riêng, nếu làm thì phạm tác-ác.

Phép "sám hối" ấy cũng không kết quả chi.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: làm như thế ấy cũng được, không phạm.

5.— LÀM PHÉP "SÁM HỐI" (2) THEO Ý MÌNH CŨNG ĐƯỢC (kappati anumatikappo).

Luật dạy rằng: Tỳ khuru làm phép sám hối phải hiệp nhau nơi chỗ của "Giáo-hội" hành đạo vào ngôi đầu-mặt nhau, nếu có vị nào đau phải cho hay rồi mới nên hành. Bằng chẳng tuân theo đây gọi là hành theo phe đảng, phạm tác-ác.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Không cần phải hiệp chung nhau như thế. Ai đến trước "Sám hối" lần lần cũng được, không phạm.

6.— LÀM THEO THÓI QUEN CŨNG ĐƯỢC (kappati áciṇṇakappo).

Kinh Luật đã dạy phân minh chỉ cho biết: sao là trật sao là trúng. Những việc hành động theo ý riêng ông thầy của mình, nếu đúng theo Kinh Luật thì nên hành theo, bằng không đúng trò chẳng nên nghe.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" tại nói: Trò làm theo thói quen của ông thầy cũng được, không phạm.

7. SỮA TƯƠI ĐỂ CHUA THIỆT CHUA DỪNG CŨNG ĐƯỢC (kappati amathitakappo).

(1-2) Làm lễ uposatha.

Sữa tươi để lâu một lát chẳng còn chất sữa như hồi mới nặn ra, nhưng chưa đến nổi chua.

Luật dạy rằng: Tỳ-khuru ngăn thực rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn dùng sữa như vậy phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: dùng được, không phạm.

8.— RƯỢU MỚI, CHUA THIỆT MẠNH UỐNG CŨNG ĐƯỢC (kappati jalogimpâtum).

Luật dạy rằng: Rượu mới bỏ men vào, chua thành rượu thiết, nếu tỳ-khuru uống thì phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Rượu ấy tỳ-khuru uống cũng được, không phạm.

9.— TỌA CỤ KHÔNG CÓ BÌA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati adasakaṃ nisīdana).

Luật dạy rằng: Tỳ-khuru làm tọa-cụ, phải làm cho có bìa, bằng không, phạm ưng-đối-trị.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Không cần làm cho có bìa dùng cũng được, không phạm.

10.— CẢM XÚC VÀNG, BẠC CŨNG ĐƯỢC (kappati jātarūparajataṃ).

Luật dạy rằng : Tỳ-khuru không nên thọ lãnh, hoặc cảm xúc đến vàng bạc, nếu thọ lãnh, hoặc cảm cảm xúc, phạm ưng-đối-trị.

Luật cho phép tỳ-khuru cảm xúc bốn món vật-dụng: áo ca sa, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bệnh, nhưng cảm cảm xúc đến vàng bạc.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" lại nói: Tỳ-khuru

thọ lãnh, hoặc cảm xúc vàng bạc cũng được, không phạm.

Các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" khởi nói 10 điều lầm lạc này giờ nào làm Phật-pháp suy đồi giờ nấy, làm cho xúc động đến tất cả chư vị A-la-hán. Các ngài hội hiệp lại để chỉnh đốn Phật-pháp và quyết rằng: 10 điều của các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" nói trên là "tà đạo", trái hẳn với Phật pháp đã có điểm giải phân minh từ lúc ấy rồi.

Những người xuất gia tu Phật, chẳng nên hành theo lời của các tỳ-khuru xứ "Vajjiputtaka" đã nói trên.

MƯỜI BỐN PHÁP HÀNH

(Vatta 14)

1— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU Ở XA MỚI ĐẾN PHẢI HÀNH (âgantukavatta).

Tỳ-khuru ở nơi khác mới đến, muốn vào chùa phải làm như sau đây:

Nếu có mang giày phải cởi ra và xách đi.

Nếu che dù thì sập xuống.

Nếu đội khăn thì lấy xuống và cởi y trùm mình ra (mặt chừa vai mặc) rồi mới đi chậm chậm mà vào, thấy các tỳ-khuru nhóm ở nơi nào phải đi ngay vào nơi ấy, để bát xuống và ngồi chỗ mình nên ngồi, hỏi thăm nước uống, nước tắm. Nếu cần dùng nước uống, nước rửa thì được phép dùng. Phải rửa chơn,

một tay xối, một tay rửa: hỏi giẻ chùi chân mà chùi, lấy giẻ khô chùi trước giẻ ướt chùi sau, rồi đem đi phơi.

Nếu thầy tu lâu năm hơn thì mình phải lạy trước bằng mình cao hạ hơn thì vị kia phải làm lễ mình trước.

Hỏi thăm chỗ ở, chỗ đi khát thực cho gần hay xa, đi sớm hay là đi trưa, chỗ nào không nên đi (là nhà không tin Phật-pháp và quen cho có một vá cơm hoặc một hai vị xin).

Hỏi cho biết có vị nào đặc thánh, mà còn ở thế đã có Giáo-hội nhận.

Hỏi thăm nhà xí; hỏi thăm chỗ mà "Giáo hội" đã dạy phải vào phải ra, cho biết giờ vô, ra đặng ngừa thú dữ, người ác.

Nếu "thất" cất trệt bỏ trống, thì phải gõ cửa chờ một chập đã, rồi xô cửa xem xét khắp nơi, rồi mới nên bước vào, e có sự hại. Nếu "thất" ấy có rác, bụi trên giường, quét được thì phải quét.

Nếu không làm theo đây thì phạm tác-ác.

· 2.— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU Ở CHÙA PHẢI HÀNH (âvâsikavatta).

Tỳ-khuru ở chùa phải lo cho có nước uống, nước tắm, ván lót, giẻ chùi chân sẵn để cho các vị ở phương xa đến dùng. Nếu có tỳ-khuru ở xa mới đến, tu lâu năm hơn, mình phải đi rước y bát, lót chỗ ngồi và chỉ chỗ vừa cho người nghỉ, mình phải lạy trước. Nếu vị ở xa tu ít hạ hơn, thì bảo vị ấy để đồ xuống theo

chỗ, vị ấy phải làm lễ mình trước. Mình phải chỉ chỗ nào nên đi, chỗ nào là nhà của các vị đã đắc thánh quả mà "Giáo-hội" đã nhận, chỉ nhà xí và nơi mà "Giáo-hội" đã dạy đi vô ra có giờ định. Nếu vị ở xa cao hạ hơn dầu mình có bận việc: may y đang khi làm việc gì khác phải dẹp lại đó, dầu đang khi quét hoặc rửa tháp cũng vậy. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình làm việc càng tốt. Đang khi làm thuốc cho tỳ-khuru bệnh nếu bệnh ấy vừa vừa thì để đó mà đi tiếp rước. Nếu bệnh nặng thì cho thuốc trước đã. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình cho thuốc. Nếu dâng nước một lần, vị ở xa uống hết phải đem thêm. Nếu quạt nên quạt dưới chân một lần, giữa mình một lần, trên đầu một lần. Nếu vị ở xa dạy thôi quạt thì quạt trở xuống, nếu bảo quạt nữa thì quạt trở xuống nữa, nếu đến ba lần, thì để quạt xuống.

Những lời trên đây là dạy phận mình phải ở với vị cao hạ hơn. Nếu tu ít năm hơn, nên chỉ nước uống, nước tắm, chỗ nào, bấy nhiêu cũng được.

3.— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU RA ĐI ĐÁNG PHẢI HÀNH (gamikavatta).

Tỳ-khuru có việc đi xa khỏi chùa, phải dẹp cất đồ trong "thất" của mình, dẹp giường, ghế của Giáo-hội và đóng cửa "thất", giao thất cho tỳ-khuru hoặc sadi, hoặc người chức việc trong chùa, hay thí-chủ nào cũng được. Nếu không có ai, thì lấy bốn cục đá làm dấu, để kê chân giường, chông ghế lên, chiếu, gối chông lên ghế; cây ván chát lại cho có chỗ, đóng cửa sổ hết rồi mới nên đi. Nếu thất ấy dột thì lợp dậm

lại, nếu dẫm không được phải lấy đồ (chiếu, gối, mền, giường) để lên trên bốn cục đá xa vách, chỗ không dột. Nếu thất dột cùng hết phải đem các món ấy trong xóm. Nếu không cần đem gối phải kê giường lên trên bốn cục đá để chính giữa thất, gối, chiếu, nệm để lên trên như trước và lấy cỏ, lá cây dấy lên, rồi mới nên ra đi. Đây là nói thất lợp bằng lá.

4.— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU Ở TRONG NHÀ ĂN PHẢI HÀNH (anumodanavatta).

Đức Phật cho phép tỳ-khưu đọc kinh trong nhà ăn. Vị trưởng lão đọc kinh trước, các vị ngồi kế chờ đọc tiếp, rồi đến mấy vị sau đọc tiếp nữa, hoặc vị cả dạy vị nhỏ đọc cũng được, mấy vị ngồi kế đó chờ. Vị cả cùng mấy vị khác đi ra trước cũng được (không cần phải ngồi chờ). Nếu vị cả bảo: thôi chúng ta đi, ngài ở lại, vị nhỏ lại bạch: dạ ngài đi đi. Nếu vị nhỏ không trả lời các vị lớn tính ra chờ nơi ngoài cũng được. Ra ngoài rồi nên bảo các trò mình, chờ vị kia đọc kinh rồi đã, nói như vậy càng tốt. Nếu thí chủ mời một vị nào đọc kinh theo ý họ vị ấy đọc cũng vô lỗi. Nếu thí chủ thỉnh thuyết pháp, thì nên bạch cho vị cả hay trước. Một nữa các vị ngồi chờ ấy, nếu muốn đi đại tiện hay tiểu tiện phải từ giả vị ngồi gần mình, rồi mới nên đi.

5.— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU CHỊU MỜI ĂN PHẢI HÀNH (bhattaggavatta).

Nếu có thí chủ mời trai tăng, tỳ-khưu phải mặt y cho đúng theo phép, mang bát theo, đi thông thả không

nên đi trước vị lớn. Phải mặc y cho kín mình, giữ theo 75 điều Ung-học-pháp, đi đứng cho tề chỉnh, ngồi cho nghiêm trang, không nên ngồi khoanh tay (không nên ngồi gàn đụng vị cả, ngồi chỗ ngang nhau). Nếu chỗ ngồi rộng rãi, phải ngồi chừa cách 1, 2 chỗ ngồi xa hơn vị cả. Nếu chiếu chật hẹp, không dám ngồi gàn vị cả nên cho phép ngồi. Nếu vị cả không nói, nên bạch rằng; chỗ ngồi đây trọng lắm. Nếu đã nói như vậy, mà vị cả không trả lời, sẽ ngồi không lỗi, chỉ một mình vị cả lỗi thôi. Nếu vị nhỏ không bạch mà cứ ngồi thì phạm phép.

Không nên ngồi trên y hai lớp.

Nếu thí chủ dâng nước rửa bát, phải hai tay bợ mà thọ lãnh nước theo phép (nếu tay không dính cơm). Phải rửa bát cho tử tế không nên động khua nghe tiếng. Nếu có ống nhỏ thì đổ vào đó cho êm ái, bằng không thì đổ xuống đất cho dè dặt, sợ e văng nước trúng nhằm y vị khác.

Không nên thọ lãnh cơm, đầy bát, để dành chỗ đựng đồ ăn.

Vị cả phải dạy thí chủ nên đem cơm chia ra cho đủ. Nếu đồ ăn vừa đủ 1, 2 vị thì nên làm thính. Khất thực chỉ phải nhìn xem trong bát (lãnh 2 phần đồ ăn 2 phần cơm). Nếu thí chủ chia vật thực chưa đủ cho các vị, vị cả chưa nên ăn. Đây là nói về nhà ăn chật hẹp.

Nếu nhà ăn rộng rãi vừa cho các vị ngồi ăn, các tỳ-khuru ngồi một bên, thí chủ ngồi một bên, phải ăn thông thả, theo 75 điều "ung-học-pháp". Nếu tay dơ

không nên cầm chén nước mà uống. Nếu các tỳ-khưu ăn chưa xong, vị cả không nên lãnh nước rửa bát. Đến khi đi ra (khỏi nhà ăn) vị nhỏ phải ra trước (vị lớn ra sau) bởi nhà ăn chật hẹp. Khi ra khỏi rồi, phải đứng chờ vị cả, phải theo phép (lớn trước nhỏ sau). Không nên đi gần nhau lắm, đi chừa cách khoảng vừa cho một người qua lọt.

Không nên vừa đi vừa chơi. Phải giữ theo 75 điều " ưng-học-pháp " cho đến khi về tới chùa.

6.— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ KHUƯ ĐI KHẮT THỰC PHẢI HÀNH (piṇḍacārikavatta).

Tỳ-khưu lúc ra đi khất thực phải mặc y cho đúng theo phép như đã nói trên, lấy bát mang vào xóm, đi chậm rãi, trùm mình cho kín, giữ theo 75 điều " ưng-học-pháp ", đi ngay hàng. Khi đến xóm phải nghĩ rằng : " Mình đi vào phía này, ra phía này ".

Không nên đi vô, ra lật đật, không nên đứng xa hoặc gần thí-chủ lắm. Không nên quay mình lật đật, xem chủ nhà họ thí cơm hay không, nếu họ thôi làm việc và đứng dậy, bung thao cơm, hoặc mời thì hiểu rằng, họ chịu dâng, nên đứng chờ ; nếu họ để cơm thì phải dùng tay trái đỡ y, tay mặt bợ bát đưa ra và đỡ nắp bát bằng tay trái và bợ bát luôn. Không nên xem mặt thí-chủ, chỉ phải biết họ chịu dâng cúng không ! Nếu họ cầm thao cơm, hoặc vấ cơm, họ mời mình đứng lại, thì rõ họ chịu dâng. Nếu họ để bát rồi thì dậy bát lại, bỏ y xuống quanh mình đi cho tề chỉnh, giữ theo 75 điều " ưng-học-pháp ".

Vị nào trở về chùa trước phải trái lót nhà ăn, lo

nước rửa chân, giẻ chùi chân, rửa chén dành để đồ ăn, nước uống, nước rửa cho đủ sẵn. Đi khát thực trở về hiệp nhau ăn rồi, đổ bỏ đồ ăn dư nơi trống, hoặc đổ xuống nước nào không có côn-trùng (sợ nó chết). Quét nhà ăn cho sạch, vị nào thấy nước uống nước xài, hoặc nước trong nhà xí không có, nên gánh đồ cho đầy, gánh một mình không nổi, gọi vị khác tiếp với.

7.— NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU ẨN TU TRONG RỪNG PHẢI HÀNH (âraññikavatta).

Tỳ-khưu ẩn tu nơi rừng phải thức cho sớm, sửa soạn mang bát vào xóm, mặc y vai trái, đóng cửa thất rồi ra đi. Gần đến xóm, nếu có mang dép phải lột ra gỏ đất ra cho tử tế, trùm mình cho kín theo phép. Đến khi trở về, nếu ngoài xóm không có nước thì ăn trong xóm. Nếu có nước ngoài xóm, nên ăn ngoài xóm, rồi rửa bát cho sạch, mang bát và đắp y vai trái, mang dép vào mà đi (đây nói trong rừng vắng vẻ không ai thấy, nếu đi vào xóm thì không nên) mặc như vậy trong phải có lót mồ hôi, rồi trở về rừng.

Lại nữa tỳ-khưu ở trong rừng phải xách nước uống, nước xài để dành, nếu không có lu, lấy ống tre mà đựng và phải nhúm lửa để dành (ngừa khi hữu sự), có ống quẹt thì không cần, ở rừng hoặc đi đàng xa cũng phải vậy. Nếu có bạn cùng nhau, không có lửa cũng không cần, chỉ phải có gậy, phải biết xem phương-hướng (ngừa sự lạc đường).

8.—NHỮNG VIỆC CỦA TỖ-KHUU Ở "THẤT" PHẢI HÀNH (senâsanavatta).

Tỳ-khuru ở chùa (ở thất) nếu thất dơ phải quét. Khi quét phải lấy y bát để có nơi và đem tọa-cụ, chiếu nệm, giường ra ngoài cho từ tế. Nếu trong " thất " có rác, văng-nhện phải quét ở trên trước ; vách cửa làm bằng cây có sơn phết nên rửa chùi cho sạch ; đồ rác cho có nơi ; không nên đập quét bay bụi gần " thất " vị khác, gần nước uống, nước xài ; không nên giữ, đập trên gió ; đệm có đóng mốc phải phơi cho hết rồi đem vào để chỗ cũ, giẻ chùi chân cũng phải đem phơi, phải chùi giũ giường, ghế cho sạch ; chiếu, gối, tọa cụ cũng vậy.

Đem y bát cất cho có nơi, gió thổi bụi vào phía nào, đóng cửa phía ấy. Mùa lạnh trưa phải mở cửa, tối phải đóng; mùa nóng khi ngủ mở cửa cho mát. Sân nhà ăn, nhà bếp có rác nhiều phải quét cho sạch. Không có nước uống, nước xài phải gánh cho có, nước rửa nhà xí cũng vậy. Trong thất có tỳ-khuru lớn tuổi, nếu muốn đọc kinh, nói kinh, hoặc làm việc khác (trừ ra mở cửa cái) phải bạch với vị trưởng-lão mới nên làm. Bạch một lần mà vị cả cho phép, không cần bạch nữa cũng được.

9.— CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH Ở NHÀ BẾP (jantagharavatta).

Tỳ-khuru nào nhúm lửa trong nhà bếp, nếu có vị trưởng-lão cấm, không cho chất củi nhiều mà chẳng vâng theo thì phạm tác-ác. Không nên đóng cửa nhà bếp và ngồi chờ, nếu không vâng lời phạm tác-ác. Vị nào đến nhà bếp trước thấy tro nhiều phải hốt đổ. Có rác phải quét cho sạch. Thiếu nước phải đổ

cho đầy, rồi mới nên vào nhà bếp. Không nên ngồi gần dụng cụ trường-lão ; nếu siêng bóp mình cho ngai. Đi ra nên lấy ghế đem ra, đóng cửa trước, sau rồi mới nên đi. Không nên tắm trước vị trường-lão và tắm phía trên gió ; không nên đi trước ngai. Nhà bếp dơ phải quét và tắt lửa rồi mới nên đi ra.

Phật cho phép hơ mình nếu có bệnh.

10. — CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH TRONG NHÀ XÍ (vaccakuṭivatta).

Phật dạy tỳ-khuru, đi đại tiểu-tiện mà không rửa phạm tác-ác. Nếu có nước mà không có chỗ kín, thì múc nước đem đến chỗ kín mà rửa. Không có đồ múc phải lấy bát mà múc. Không có bát mới gọi là không đồ múc. Nếu nơi ấy trống trải lắm thì đi kiếm nơi kín khác. Đi tới trước mà không có nước, gần đến giờ khát thực nên kiếm cây mà chùi, rồi đi khát cũng được. Lại nữa, tỳ-khuru vào nhà xí, không nên câu chấp tôn-ti, thượng hạ, câu chấp, phạm tác-ác. Phật cho phép, ai đến trước vào trước, đến sau vào sau. Đi đến nhà xí phải lên tiếng (tần-hấn hoặc ho). Nếu có ai ở trong phải tần-hấn trả lời. Vào nhà xí phải máng " y huát-đà-la-tăng " ở ngoài. Không nên đi vào lật dật.

Không nên cỡi y trước khi vào ;

Không nên rặn lớn tiếng ;

Không nên đại, tiểu-tiện và xỉa răng ;

Không nên đại-tiện hay tiểu-tiện ngoài lỗ xí ;

Không nên khắc, nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí ;

Không nên dùng cây nhọn, cây mục, cây gai, cây có lỗ mà chùi ;

Không nên bỏ cây chùi vào lỗ xí, chùi đứng dậy mặc y lại và không nên đi ra lật đật ;

Không nên chưa mặc y mà đi ra ;

Không nên để dư nước lại trong ống ; nếu có uống thuốc xổ để dành nước trong ống thì không sao.

Nhà xí dơ phải quét rửa cho sạch, có nước không có đồ múc, hoặc có đồ múc mà không có nước mới gọi là không có chi. Nếu có giỏ đựng cây chùi thì đem đi đổ. Nhà xí, hàng ba, hoặc sân nhà xí dơ, phải quét cho sạch ; phải gánh nước để trong nhà xí.

11.— BỔN PHẬN TRÒ ĐỐI VỚI THẦY "HÒA-THƯỢNG" (upajjhāyavatta).

Tỳ-khuru hoặc Sadi phải giữ cho tròn bổn phận đối với ông thầy " Hòa-thượng ". Sớm mai thức dậy, nếu có mang dép lột ra và mặc y chừa vai trái, lấy tăm xia răng, nước rửa mặt dâng cho thầy, dọn dẹp chỗ ngủ và chỗ ngồi.

Có cháo phải đem cho thầy dùng : phải dâng và dọn dẹp đồ ăn, phải thủ lễ theo phép (không nên khua chén bát) và dâng nước rửa. Thầy muốn đi vào xóm, phải lấy y vai trái y hai lớp và dây lưng đem dâng. Thầy muốn cho trò đi theo, trò phải mặc y theo phép và đi theo sau. Không nên đi theo gần hoặc xa lắm, đi vừa cho thầy kêu nói. Bát của thầy đầy cháo, hoặc cơm, phải đổi bát cho mình.

Thầy đang nói chuyện không nên nói xía vào. Thầy

nói gần phạm lỗi, phải nhắc thầy bằng cách này : "Bạch thầy ! Nói vậy có phạm lỗi chăng ? " Chẳng nên cãi bằng lời vô lễ. Lúc trở về, trò phải về trước, dọn dẹp chỗ ngồi, múc nước rửa chân, kiếm cây kê để rửa chân. Thầy về đến phải ra rước bát, lấy y đem cho thầy đổi và đem ra hong một lát rồi xếp cất ; phải xếp vắn một lớp, lớp sau xếp cho bằng lại (bìa một bên, xếp qua chừa 4 ngón tay, rồi xếp lớp sau cho bằng nhau). Lấy dây lưng xếp để vào giữa y vai trái.

Nếu có cơm mà thầy muốn ăn, phải dâng nước trước rồi mới dâng đồ ăn và ngồi xem chừng, ngừa thiếu thốn ; thầy ăn rồi dọn bát cất cho có nơi không nên động khua ; lấy nước rửa, chùi cho khô, đem phơi một lát ; đừng phơi lâu và đem y, bát cất cho từ tế. Thầy đi ra khỏi rồi dọn dẹp chỗ ăn. Thầy muốn tắm, phải lo cho có sẵn nước. Thầy muốn tắm nước lạnh, phải có nước lạnh ; nước nóng, phải có nước nóng. Thầy muốn vào nhà bếp, đem ghế cho thầy ngồi, lấy y cất cho có nơi và đi theo vào nhà bếp. Phải đấm bóp cho thầy. Lúc thầy trở ra cũng phải làm y theo phép (xem trong việc nhà bếp). Thầy tắm phải xối nước, kỳ cho thầy, tắm rồi lấy y dâng lên, chùi lau cho thầy, dâng y cho thầy, lấy ghế đem cất, xem chừng nước rửa chân, giẻ chùi chân cho có sẵn. Nếu muốn học chữ Phạn , phải bạch cho thầy cho, " thất" của thầy có rác, phải quét cho sạch.

Thầy buồn muốn hoàn tục, phải khuyên thầy đi chỗ này chỗ nọ cho thầy giải buồn, hoặc nói kinh cho thầy nghe. Nếu thầy bất bình phải khuyên lơn thầy,

hoặc kiếm tỳ-khuru khác khuyên dùm cũng được. Thầy làm theo " tà-kiến " phải thức tỉnh thầy hoặc cậy tỳ-khuru khác khuyên giùm. Thầy phạm lỗi nặng (điều Tăng-tàn) bị phạt cấm phòng ; hoặc phạm lỗi nhỏ, phải lo tính dừng để cho Giáo-hội đuổi thầy. Tính cho thầy ở lại, xin Giáo-hội phạt tội nhẹ. Nếu Giáo-hội phạt rồi nên liệu tính cho thầy hành đạo cho mau được tấn hóa, dừng để cho Giáo-hội phạt nữa.

Y dơ thì giặt cho sạch, nhuộm, giũ, chải. Khi nhuộm phải trở qua trở lại cho đều, phơi phải xem chừng, khó đem cất. Muốn đem y bát hoặc vật gì cho một vị nào, hoặc muốn cạo tóc cho ai, đều phải bạch cho thầy hay trước. Không nên thọ lãnh y, bát hoặc vật gì của ai mà mình chưa bạch cùng thầy hay biết. Không nên theo một bên vị nào khác cũng chẳng nên để cho ai theo một bên mình. Không nên đem đồ ăn cho ai. Không nên đi theo vị nào nghịch với thầy mình. Muốn vào xóm phải bạch với thầy, rồi mới nên đi. Không đi lâu. Đi khát-thực, phải bạch với thầy, thầy cho phép mới nên đi. Những việc nói trên đây, thầy cho phép thì việc chi cũng được, bằng không cho, phải nài nỉ đến ba lần, thầy cho thì đi, bằng không thì thôi. Lại nữa nếu thầy dốt nát không thông đạo lý, trò muốn học chữ (Pali) hoặc phép tham thiền mà thầy không biết, chỉ biết ngăn cấm, thầy như vậy, dầu có cấm đến đâu, cãi lời cũng được. Thầy đau, phải nuôi cho trọn đời, không nên bỏ thầy. Nếu có vị khác ở nuôi, phải đi kiếm thuốc cho vị ấy, để chữa bệnh cho thầy.

12.— BỐN PHẬN CỦA THẦY "HÒA THƯỢNG" PHẢI Ở CÙNG TRÒ (saddhim-vihārikavatta).

Bốn phận của thầy phải đối với trò, là: phải dạy cho trò học kinh luật, học phép thiền định. Phải thường thường khuyên lơn nhắc nhở trò. Nếu y, bát hoặc các vật dụng nào mà thầy có dư phải chia cho trò. Phải giúp đỡ cho trò mau được tấn hóa trên đàng đạo đức. Trò có bệnh thầy phải hết lòng chăm nom, y như lúc trò săn sóc cho thầy vậy. Trừ ra khi đi ra khỏi chùa không cần phải cho trò hay.

13.— BỐN PHẬN CỦA TRÒ PHẢI Ở CÙNG VỊ A-XÀ-LÊ LÀ THẦY NƯƠNG DỰA (ācariyavatta).

Trò phải làm cho tròn bốn phận cùng thầy mà mình nương dựa, y theo cách mà mình ở cùng ông thầy Hòa-thượng vậy.

14.— BỐN PHẬN CỦA VỊ A-XÀ-LÊ Ở CÙNG TRÒ (antevāsikavatta).

Ông thầy mà mình nương dựa cũng phải ở cùng trò, như Hòa-thượng đối với trò vậy.

Trong 14 phép hành đã kể trên, nếu vị nào không tuân theo, thì phạm điều tác-ác. (Phạm nhằm một điều là một tội).

UPOSATHA ⁽¹⁾

Đức Phật có dạy "Như Lai chế định phải tụng

giới bốn trong ngày uposatha" (anujânâmi bhikkhave uposatha patimokkham uddissitum).

Ngày lễ uposatha có 3, là: ngày 14⁽²⁾ (câtuddasî uposatha), ngày 15⁽³⁾ (pannarasî uposatha) và ngày Tăng hòa hợp (samaggi uposatha); Tăng chia rẽ nhau và sự cãi lẽ như chư tỳ-khuru trong xứ Kosambi, đến kỳ, không làm lễ uposatha không làm pavâraṇâ rồi trở lại hòa hảo nhau, định giải hòa trùng ngày nào, ngày ấy gọi là hòa-hợp (samaggi uposatha) rồi làm uposatha trong ngày ấy.

Lại nữa nói về người hành lễ uposatha có 3 :

1. Tăng uposatha là từ 4 vị tỳ-khuru trở lên hội họp tụng giới-bốn.

2. Nhóm (gana uposatha) là từ 2, 3 vị tỳ-khuru tỏ cho nhau biết sự trong sạch của mình ;

3. Người (puggala uposatha) là 1 vị tỳ-khuru nguyện sự trong sạch của mình.

Tăng hành lễ uposatha phải tụng tuyên ngôn: Sunātu me bhante sangho... rồi đọc giới-bốn.

2, 3 vị tỳ-khuru hành lễ uposatha là khi đến ngày lễ như có 3 tỳ-khuru hội-hợp nhau, tỳ-khuru thông hiểu nên tụng tuyên ngôn: Sunātu me bhante

âyasmanto ajjuposattho $\left. \begin{array}{l} \text{câtuddaso (1)} \\ \text{pannaraso (2)} \end{array} \right\} \text{yadâyas}$

(1) Uposatha tàu dịch là lễ "phát lồ" nghĩa là khai cái tội để sám hối.

(2) 14 nhằm ngày 29 Việt Nam (trong mỗi tháng thiếu).

(3) 15 nhằm ngày rằm và 30 Việt Nam trong mỗi tháng đủ.

mantānaṃ pattakallaṃ mayamaññaṃ parissuddhi uposathaṃ kareyyāma.

NGHĨA LÀ: Xin các ngài nghe tôi trình. Nay là

ngày $\left. \begin{array}{l} 14 \\ 15 \end{array} \right\}$ là ngày lễ uposatha, nếu sự đã đến kỳ

cho các ngài rồi, chúng ta nên làm parisuddhi uposatha chung cùng nhau, rồi vị cao hạ mặc y chừa vai mặt, ngồi chồm-hồm chấp tay, đọc 3 bận tỏ sự trong sạch của mình đến các vị khác rằng "Parisuddho ahaṃ āvuso parisuddho ti maṃ dhārethi nghĩa là "Này các ngài, tôi là người trong sạch, xin các ngài nhớ rằng ; tôi là người trong sạch.

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận, tỏ sự trong sạch của mình. "Parisuddho ahaṃ bhante parisuddho timaṃ dhāretha " (nghĩa như trên).

Nếu chỉ có 2 vị, thì vị cao hạ đọc 3 bận. "Parisuddhi ahaṃ āvuso parisuddho ti maṃ dhārehi ".

Vì thấp hạ đọc 3 bận: "Parisuddho ahaṃ bhante parisuddhotimaṃ dhāretha ".

Tỏ sự trong sạch của mình (parissuddhi) với tỳ-khuru có 2 cách, là tỏ với tỳ-khuru đã hành lễ pavāraṇā rồi và với tỳ-khuru chưa hành lễ pavāraṇā.

Tỳ-khuru nhập hạ sau (pacchimikāvassā: nhập hạ ngày 16 tháng 7), hoặc nhập hạ trước (purimikāvassā: nhập hạ ngày 16 tháng 6), nhưng dứt hạ, đến ngày pavāraṇā nên đến tỏ sự trong sạch của mình (parissuddhi) với tỳ-khuru đã hành lễ pavāraṇā rồi.

rằng: " Parisuddho aham $\left\{ \begin{array}{l} \text{āvuso} \\ \text{bhante} \end{array} \right\}$ parisuddhoti

mam $\left\{ \begin{array}{l} \text{dhāretha".} \\ \text{dhārehi".} \end{array} \right.$

Trong các ngày khác, ngoài ngày pavāranā, tỳ-khuru trong chùa hành lễ uposatha dứt rồi, chưa đứng dậy hoặc đã đi ra khỏi chùa rồi, có tỳ-khuru ở xa lại, số tỳ-khuru khác bằng nhau hoặc ít hơn số tỳ-khuru trong chùa, tỳ-khuru ở phương xa ấy nên tỏ sự parisuddhi với tỳ-khuru trong chùa đã hành lễ uposatha rồi, như đã có giải, như thế gọi là: parisuddhi uposatha.

Adhiṭṭhāna uposatha là, nếu chỉ có một tỳ-khuru thì nên làm pubba karaṇa (quét tịnh xá, trải đệm, chiếu, đèn, nước) rồi ngồi chờ tỳ-khuru khác phương xa đến, nếu chắc không có vị nào đến, nên adhiṭṭhāna rằng: "ajjame uposatha". Nghĩa là: "Nay là ngày uposatha của tôi".

Trong kinh, "chú giải" dạy adhiṭṭhāna theo ngày

rằng: "ajja me uposatho $\left\{ \begin{array}{l} \text{catuddasati} \\ \text{paññarasoti} \end{array} \right\}$ adhiṭṭhāmi".

Nếu đến ngày uposatha, ngày pavāranā, tỳ-khuru không hành lễ uposatha, không hành lễ pavāranā ra khỏi chùa đi đến nơi không có chùa, không có tỳ-khuru hoặc có tỳ-khuru mà là nơi không đồng đẳng, phạm

tác-ác, trừ ra ở chung với Tăng hoặc có điều nguy hiểm.

Sự phải làm trước khi hội họp (pubbakaraṇa) để hành lễ uposatha, pavāraṇā có 4:

1. Quét tịnh xá;
2. Nếu tối phải đốt đèn ;
3. Dự trữ nước, nước uống, nước rửa;
4. Lót trải chiếu, đệm.

Tỳ-khuru trẻ, không bệnh, nếu vị trưởng lão dạy bảo mà không làm pubhakarana ấy, phạm tác-ác.

Sự phải làm trước khi tụng giới bốn có 5 :

1. Đem lời (chanda) của tỳ-khuru bệnh;
2. Đem parisuddhi pavāraṇa của tỳ-khuru bệnh ;
3. Tò thời tiết, là mùa này, tên này, ngày uposatha trong mùa này đã qua rồi được bao nhiêu đây, ngày uposatha, ngày pavāraṇā còn lại bao nhiêu đây ;
4. Số tỳ-khuru hội họp hành lễ bấy nhiêu đây ;
5. Dạy bảo tỳ-khuru-ni.

Tỳ-khuru ở trong ranh chùa có bệnh hoặc có đại sự đến hội họp tại tịnh xá không được, đến ngày hành lễ uposatha phải cho Chanda, cho parisuddhi đến ngày pavāraṇā phải cho Chanda, cho pavāraṇā đến 1 vị tỳ-khuru. Cách cho Chanda ấy để hành lễ uposatha, pavāraṇā với Tăng—bằng không, Tăng sự không sao được thành tựu. Cho nên, sự cho parisuddhi, cho pavāraṇā, cho Chanda—nhưng hiện thời nếu ranh tịnh xá nhỏ, tỳ-khuru ở trong vòng ranh, không xa khỏi

hắc (hatthapāsa) với nhau sự đem Chanda, đem parisuddhi, đem pavāraṇā, cũng không cần làm—tỳ-khuru-ni hiện nay cũng không có, cho nên dạy bảo (ovāda) tỳ-khuru-ni cũng không cần. Hành lễ uposatha pavāraṇā phải có đủ 4 :

1. Phải là ngày "uposatha", ngày "pavāraṇā" (ngày 14, 15, ngày Tăng hòa hợp, một trong 3 ngày ấy).

2. Tỳ-khuru nên hành lễ saṅgha uposatha, gaṇa uposatha và saṅgha pavāraṇā, gaṇa pavāraṇā được. Các tỳ-khuru ấy không ngồi xa khỏi hắc (hatthapāsa) cùng nhau, khi hành lễ trong ranh tịnh-xá.

3. Không phạm tội giống nhau (sabhāgāpatti) (như Tăng không dùng vật thực sái giờ) ;

4. Vajjanīya puggala ⁽¹⁾ không có trong hắc Tăng Uposatha pavāraṇā đều đủ 4 chi ấy mới nên hành mới nên nói : pattakallaṃ " được.

Hành lễ uposatha có 4 cách:

1. Theo phe mà không đúng theo pháp ;

2. Đồng ý nhau mà không đúng theo phép ;

3. Theo phe mà đúng theo pháp ;

4. Đồng ý nhau và đúng theo pháp.

Trong một chùa, có 4 tỳ-khuru, đem Chanda, đem parisuddhi của 1 tỳ-khuru đi, nhưng 3 tỳ-khuru hành parisuddhi uposatha hoặc còn 3 tỳ-khuru đem Chanda parisuddhi đem Chanda parisuddhi của 1 tỳ-khuru đi, nhưng 2 vị tụng giới bốn như thế gọi là " theo phe mà không đúng theo pháp " (adhammena vaggamaṃ).

Nếu 4 vị hội hợp nhau hành parisuddhi uposatha

hoặc 2 vị hoặc 3 vị đọc giới bốn, như thế gọi là "đồng ý nhau mà không đúng theo pháp (adhammena samaggam).

Nếu 4 tỳ-khuru ở trong chỗ chung cùng nhau, hội họp tụng giới bốn; có 3 vị hành parisuddhi uposatha hoặc có 2 vị tổ parisuddhi với nhau như thế gọi là "đồng ý nhau và đúng theo pháp" (dhamme nasamaggam), 3 cách trên là điều không nên hành, chỉ nên hành theo thứ tư.

Lại nữa, tỳ-khuru tụng giới bốn, cố ý làm cho Tăng không nghe được, phạm tác-ác. Không cố ý không tội. Tỳ-khuru mà vị trưởng-lão chưa tỉnh, tụng giới bốn giữa Tăng, phạm tác-ác.

Nếu không có 1 trong 10 điều nguy hiểm mà tụng giới-bốn tóm tắt phạm tác-ác.

10 điều nguy hiểm, là : khi chư tỳ-khuru hội họp làm lễ uposatha có:

1. Đức vua đến ;

2. Bọn cướp đến ;

- (1) Có 21 hạng người: 1. Người thế ; 2. Tỳ-khuru-ni ; 3. Thất-xoa mana (sikkhamānā) ; 4. Sadi ; 5. Sadi-ni ; 6. Người đã xả giới "hoàn-tục" ; 7. Tỳ-khuru mà "Tăng" đã cấm không cho ở chung vì không thấy tội (antimavatthu) ; 8. Tỳ-khuru mà "Tăng" cấm không cho ở chung, vì không chịu "sám-hối" ; 9. Tỳ-khuru mà "Tăng" cấm không cho ở chung vì không bỏ "kiến-thức xấu xa" ; 10. Bộ nắp ; 11. Người "giả tu" ; 12. Người hành theo ngoại đạo ; 13. Thú ; 14. Phạm antimavatthu ; 15. Người giết mẹ ; 16. Người giết cha ; 17. Người giết A-la-hán ; 18. Người dâm tỳ-khuru-ni ; 19. Người chia rẽ "Tăng" ; 20. Người chích máu Phật ; 21. Người có hai bộ sanh thực khí.

Nếu có một trong 21 hạng người này ở trong hắc "Tăng" hành sự, phạm "ưng-đôi-trị".

3. Lửa cháy đến ;
4. Nước lụt đến ;
5. Nhiều người đến ;
6. Tình, ma phá tỳ-khuru ;
7. Thú dữ đến ;
8. Rắn mổ tỳ-khuru ;
9. Tỳ-khuru bệnh hoặc tịch ;

10. Người đến níu kéo hoặc bắt tỳ-khuru hoàn tục. Nếu có 1 trong 10 điều nguy hiểm ấy nên tụng giới bốn tám tất (là tỳ-khuru tuyên bố tụng hết điều học bất-cộng-trụ...) nếu không có điều nguy hiểm nào, nên tụng cho hết giới bốn—không hành lễ uposatha phạm tác-ác.

Nếu hành lễ uposatha ngoài ngày 15, 14 (ngày rằm và 30 hoặc 29 Việt Nam, nếu tháng thiếu) ngày Tăng hòa-hợp, phạm tác-ác. Đức Phật có dạy, tụng ngày uposatha, vị trưởng-lão phải hội trước — trong kinh chú giải nói, nếu vị trưởng-lão không hội trước phạm tác-ác.

Nếu không đồng ý nhau, không xin phép nhau trước, hỏi luật giữa Tăng, phạm tác ác.

VASSĀ (1)

Đức Phật có dạy "Nhu-Lai cho phép nhập hạ trong mùa mưa" (anujānāmi bhikkhave vassā ne vassam upagantum). Nhập hạ có 2 kỳ :

1. Nhập kỳ trước (purimikāvassupanâyikâ) là nhập ngày 16 tháng 6;
2. Nhập hạ kỳ sau (pacchimikāvassupanâyikâ) là nhập ngày 16 tháng 7.

Đến kỳ nhập hạ nên quét dọn trong ranh chùa, chứa nước uống nước rửa... làm lễ tam bảo xong rồi, nên đọc 3 bản Imasmim vihare imam temasam vassam upemi (ta nhập hạ trong nơi này hết ba tháng).⁽²⁾

Nếu đã định (nhưng quên không đọc câu kinh nhập hạ) ở trong chỗ của Tăng mà mình đã xin rồi cũng gọi là nhập hạ chơn chánh. Đến ngày mà không muốn nhập hạ, cố ý đi đến chỗ này nơi kia, phạm tác-ác.

Nếu nhập hạ không có chỗ ở hoặc chỗ ở không có dưng, che lợp, không có cửa đóng kín, phạm tác-ác.

Nếu đã nhập hạ rồi mà đi khỏi chỗ ở trước mặt trời mọc, phạm tác-ác — trừ ra hữu sự được phép đi 7 ngày thì không phạm tội.

Trong khi nhập hạ, nếu có 7 hạng người: tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, sikkhamânâ, sadi, sadi-ni, mẹ, cha,; hữu sự cho hay hoặc không cho hay, tỳ-khuru được phép đi ra khỏi chỗ nhập hạ trong khoảng 7 ngày. Nếu đi quá ngày thứ 8, mặt trời mọc lên, phạm tác-ác.

Ngoài 7 hạng người kể trên, nếu có cư sĩ hữu sự

(1) Vassâ dịch là "hạ" hoặc "nhập hạ" nghĩa là chư vị tỳ-khuru phải nghỉ trong một nơi, không được đi ra khỏi chỗ ngụ trước mặt trời mọc, trong ba tháng mưa (trừ ra hữu sự).

(2) Không chùa thì đọc avase the chú vihare.

muốn làm phước cho người đến tỉnh, tỳ-khuru cũng được phép đi 7 ngày, bằng họ không tỉnh, không nên đi.

Cách thức đi trong khoảng 7 ngày (sattâhakicca) ấy như vậy:

Tỳ-khuru hoặc sadi trong hạ, trước khi đi ra đường xa phải nguyện "Ta sẽ trở về trong khoảng 7 ngày" như thế rồi đi, không cần phải đọc Pâli cũng được. Nếu muốn đọc Pâli cho chắc chắn, càng thêm tốt, song nên đối trước 1 tỳ-khuru hoặc 2, 3 vị hoặc giữa Tăng mà đọc, hay là đọc trước "Kim-thân", hoặc "Xá-ly" Phật cũng được. Phải đọc như vậy :

"Sace me antarâyo natthi, sattâhabbhantare aham puna nivattisâmi".

"Dutiyampi....."

"Tatiyampi....."

Nghĩa là: "Nếu không có sự rủi ro đến tôi, tôi sẽ trở về trong khoảng 7 ngày".

"Lần thứ nhì....."

"Lần thứ ba....."

Sattâhakicca ấy có 2 cách là :

1. Nhập hạ được 1, 2 ngày, hoặc trong ngày mới nhập hạ ấy, đã nhập từ buổi chiều cho đến rạng đông, trước khi mặt trời mọc, nếu có việc thì được phép đi trong khoảng 7 ngày, khi đi rồi đã làm xong việc của mình hết 6 ngày, cần phải trở về cho kịp trước khi mặt trời mọc ngày thứ 7. Phải tính ngày, đi ra là 1 ngày, rồi trở về chỗ nhập hạ cho kịp trong

buổi tối trước mặt trời mọc, nghĩa là mặc trời mọc lên thì kể là ngày thứ 7. Nếu mới nhập hạ trong buổi chiều rồi, nguyện đi liền thì không nên, phải chờ đến gần sáng mới đi được như thế gọi là: "Việc phải làm trong khoảng 7 ngày thứ nhứt" (paṭhamasat-tāha).

2. Còn 7 ngày nữa ra hạ, là ngày mùng 9 tháng 9⁽¹⁾ hoặc mùng 9 tháng 10⁽²⁾, nếu có việc thì được phép đi trong 7 ngày; nhưng phải nguyện trở lại cho kịp trong khoảng 7 ngày. Đi rồi mà có thể làm xong công việc trong khoảng 7 ngày, sẽ làm pavāraṇā chung với chư tỳ-khuru nơi chùa khác gần đó cũng được, không cần phải trở về, cũng không dứt hạ. Nhưng trước, không nên nguyện rằng: "Ta sẽ không trở về" như thế dứt hạ, từ khi đi ra khỏi chùa đến bước thứ hai, như thế gọi là: "Việc phải làm trong khoảng 7 ngày cuối cùng".

Kinh chú giải có nói rõ rằng: "Navamito patthāya gantum vaṭṭati, āgacchatu vā, m'āgacchatu vā, anāpatti na dukkaṭāraho vā hoti".

Nghĩa là: "Nếu chỉ còn 7 ngày nữa sẽ ra hạ, tỳ-khuru có việc nguyện đi trong khoảng 7 ngày, nếu không có thể được không trở về cũng không sao, không phạm tội tác-ác.

Nguyên nhân dứt hạ, nhưng không phạm tội có 4

1. "Tăng" chia rẽ nhau;

(1) Nói về tỳ-khuru nhập hạ trước.

(2) Nói về tỳ-khuru nhập hạ sau.

2. Chư tỳ-khuru muốn chia rẽ "Tăng".

3. Có sự rui ro đến sanh mạng;

4. Có sự rui ro đến phạm hạnh.

Lại nữa, nếu nhập hạ có thú dữ, khó đi khát-thực, kẻ cướp hoặc ma quỷ phá hại, hoặc chỗ ở bị lửa cháy nước lụt, hoặc khó nuôi sanh mạng, thiếu thuốc ngừa bệnh, thiếu người hộ độ, được phép đi ra khỏi nơi ấy, không phạm giới, nhưng dứt hạ. Nếu có phụ-nữ trêu ghẹo, có người xin gả con, có thể làm cho hư phạm-hạnh, bỏ đi khỏi chỗ ấy, không phạm tội.

Lại nữa, nếu thấy hoặc nghe tin có tỳ-khuru chia rẽ Tăng, cố ý chia rẽ Tăng, mình tính đi đến có thể giải hòa được, bỏ đi như thế cũng vô tội, nhưng dứt hạ.

Nếu có thí chủ thỉnh nhập hạ 3 tháng, mình đã nhận chịu rồi mà lại bỏ đi, phạm tác-ác, hoặc có tỳ-khuru rủ nhập hạ cùng nhau để học pàli trong một chỗ, đã ưng thuận rồi bỏ đi, phạm tác-ác.

Lại nữa câu "Imasmim vihāre imam temāsam va-ssam upemi" để đọc nhập hạ ấy, không phải là Phật ngôn, chỉ là lời chú giải của các A-la-hán. Cho nên, tỳ-khuru nếu tâm đã quyết định nhập hạ rồi, không cần phải đọc câu pàli ấy cũng được. Phải nên phân ranh chỗ nhập hạ và nên biết mặt trời: mặt trời đỏ đã mọc rồi phải ra khỏi chùa, nếu vào chùa phải vào cho kịp trước khi có ánh sáng đỏ mặt trời.

PAVĀRAṆĀ ⁽¹⁾

Đức Phật có dạy "Nhu-Lai cho phép tỳ-khuru đã nhập hạ mãn mùa mưa rồi phải hành lễ pavāraṇā theo 3 điều":

1. Vì được thấy;
2. Vì được nghe;
3. Vì được nghi.

Pavāraṇā là sự tỏ cho nhau, thức tỉnh cho nhau, cho khỏi phạm tội để làm gương cho nhau và cho kẻ hậu-lai noi theo.

Chư tỳ-khuru nên hành lễ pavāraṇā như vậy: cho tỳ-khuru thông hiểu tuyên-bố cho Tăng biết rằng: "Sunātu me bhante saṅgho ajja pavāraṇā

paṇṇarasī	}	yadi saṅghassa pattakallam saṅgho
catuddasī		

pavāreyya (Bạch đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi

trình, ngày nay là ngày pavāraṇā	}	nếu lễ

pavāraṇā đến kỳ cho chư Tăng, chư Tăng nên hành lễ pavāraṇā; rồi vị trưởng-lão, nên mặc ý chừa vai một bên ngồi chồm-hồm chấp tay đọc: Saṅghaṃ āvuso pavāremi diṭṭheṇa vā sutena vā parisāṅkāya vā

(1) Pavāraṇā dịch là "tự tứ" là sau khi đã nhập hạ 3 tháng (từ ngày 16 tháng 6 đến rằm tháng 9) chư vị tỳ-khuru nhóm lại mà tỏ tội lỗi cùng nhau.

vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upadāya pas-
santo paṭikarissāmi.

Dutiyampi.....

Tatīyampi.....

Này ngài! tôi xin pavāraṇā với Tăng nếu có thấy
nghe hoặc nghi, xin các ngài đem lòng tiếp độ, thức
tỉnh tôi, khi được biết tôi sẽ hành theo — lần thứ
nhì — lần thứ ba.

— Rồi vị thấp hạ đọc: Saṅghaṃ bhante pavāre-
mi..... paṭikarissāmi.

Dutiyampi.....

Tatīyampi.....

Như thế gọi là lễ Pavāraṇā.

Ngày Pavāraṇa có 3 (ngày rằm, 30 hoặc 29 nếu
tháng thiếu và ngày chừ Tăng hòa hợp nhau
(samaggi).

Nếu nhập hạ kỳ trước phải hành lễ Pavāraṇā
trong ngày rằm tháng 9 —, nhập hạ kỳ sau phải hành
lễ Pavāraṇā trong ngày rằm tháng 10, như đã có giải
trong lễ Uposatha.

Lại nữa Pavāraṇā nói về người hành có 3:

1. Tăng Pavāraṇā;

2. Gana Pavāraṇā;

3. Puggalapavāraṇā;

Tỳ-khuru từ 5 vị trở lên gọi là: saṅghapavāraṇā,
nên hành như đã có giải trước, — tỳ-khuru 2, 3, 4 vị
gọi là: gana Pavāraṇā —, nếu 3, 4 vị, nên cho vị thông
hiểu tụng tuyên ngôn: "Sunātu me āyasmanto-

ajja Pavâraṇā { paṇṇarasī
 catuddasī yadāyasmantānaṃ pa-
 ttakallam mayam aññamaññaṃ pavāreyyāma, rồi vị
 cao hạ nên mặc y chừa vai một bên ngồi chồm hồm
 chấp tay trước mặt các vị khác đọc. "Ahaṃ āvuso
 (āyasmanto) pavāremi..... paṭikarissāmi.

Dutuyampi.....

Tatiyampi.....

rồi vị thấp hạ đọc: "Ahaṃ bhante āyasmanto pavā-
 remi..... paṭikarissāmi.

Dutiyampi.....

Tatiyampi.....

Nếu chỉ có 2 vị, không nên đọc tụng tuyên ngôn,
 hội hợp nhau rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai một
 bên, ngồi chồm hồm, chấp tay trước mặt vị thấp hạ
 đọc "Ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi vadantumam
 āyasmā..... paṭikarissāmi.

Dutiyampi.....

Tatiyampi.....

Vị thấp hạ đọc "Ahaṃ bhante.... như thế gọi là:
 gana uposatha.

Nếu có 1 vị, khi đến ngày pavâraṇā nên hành
 pubbakaraṇakicca trước (quét dọn, tịnh xá....) rồi
 ngồi chờ các tỳ-khuru khác. Nếu không có vị nào đến
 nên adhiṭṭhāna rằng: "Ajja me pavâraṇā"

Trong kinh chú giải dạy rằng: phải để thêm ngày

như vậy "Ajja me pavâraṇā { catuddasī }
 { paṇṇarasī } adhiṭṭhāmi".

Như thế gọi là puggala pavâraṇā.

Trong kỳ lễ pavâraṇā có nhiều vị, không nên đọc pavâraṇā chung cùng nhau, phải đọc mỗi vị 3 bận — trừ ra có duyên cớ như: thí chủ đương bố thí, tỳ-khuru đương nghe pháp, đêm gần tàn, hành pavâraṇā, mỗi vị 3 bận không kịp, hoặc 10 điều nguy hiểm, không thể hành pavâraṇā mỗi vị đọc 3 không bận kịp, thì đọc mỗi vị 2 bận, nếu đọc mỗi vị 2 bận không kịp thì đọc mỗi vị 1 bận, nếu đọc mỗi vị 1 bận không kịp thì đọc chung nhau với những vị đã nhập hạ chung một kỳ), nhưng phải tụng tuyên-ngôn trước như vậy. "Sunātu me bhante saṅghoayaṃ brahmacariyantarāyo sace saṅgho tevâcikaṃ pavâressati appavârīto vā saṅgho bhavissati-yadi sanghassa pattakallam saṅgho (devâcikaṃ) ekavâcikaṃ (samânavassikaṃ) pavârey-ya, đọc xong rồi, nên pavâraṇā như trước.

Nghĩa là : " Bạch đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ấy là điều nguy hiểm đến phạm hạnh, nếu Tăng pavâraṇā 3 bận chắc không kịp, điều nguy hiểm đến phạm hạnh ấy ắt sẽ phát sanh lên không sai. Nếu Tăng sự vừa đến Tăng rồi, Tăng nên pavâraṇā (2 bận), (1 bận) cho tỳ-khuru nhập hạ chung một kỳ nhau đều pavâraṇā chung cùng nhau (samânavassikâ pavâraṇā).

VẬT DÙNG THEO THỜI

(Kâlîka)

Vật dùng theo thời có 4 :

1. Vật để dùng trong buổi sáng (yâvakâlîka) ;
2. Vật để dùng trong một ngày một đêm (yâmakâlîka) ;
3. Vật để dùng trong 7 ngày (sattâhakâlîka) ;
4. Vật để dùng cho đến hết (yâvajîvika).

I.— YÂVAJÎVĪKA

Giải về yâvajîvika trước cho dễ bề phân biệt.

Đức Phật cho phép dùng năm thứ thuộc :

1. rễ cây, — 2. nước cốt cây, — 3. lá cây, — 4. trái cây, — 5. nước nhựa cây, trái và múi luôn cả và bông, vỏ cây, các món ấy đều là vật để dùng cho đến hết. Đã thọ các vật ấy, khi có bệnh đem ra dùng, được phép cất giữ cho đến hết. Không bệnh mà dùng phạm tác ác (tanipaṭiggahetvā yâvajîvam pariharitum satipaccaye paribhuññitum asatipaccaye paribhuññatassa âpatti dukkaṭassa).

II.— YÂVAKÂLIKA

5 món ăn : cơm, bánh sôt, bánh nguội, cá, thịt, gọi là bhojana (vật thực).

Ngoài bhojana, yâmakâlîka, sattâhakâlîka và yâvajîvika ra, các món ăn khác gọi là vật nhai ăn (khâda nîya) ; các thứ bánh làm bằng gạo, nếp, đậu, mè không cần phải kể, dầu là rễ cây, khoai, củ, cộng, đọt,

lá, vỏ, bông, trái... cũng đều gọi là khādanīya cả.

Tóm lại, vật để làm thuốc gọi là yāvajīvika, vật ăn không gọi là yāvajīvika được.

Vỏ mía còn vị ngọt gọi là món ăn, ngoài ra các thứ vỏ cây khác đều thuộc về yāvajīvika cả.

Các thứ lá, như : lá khoai, lá đậu, lá cải, lá xoài không gọi là thuốc được. Các thứ bông cũng vậy.

Các thứ trái, như : mít, sa-kê, thốt-nốt, dứa, xoài và những trái khác để dùng làm món ăn không gọi là yāvajīvika được ; các thứ hạt cũng vậy.

Bột làm bằng 7 thứ mè, đậu, mè, mít, sa-kê, đều là : vật thực. Các thứ nước nhựa, chỉ nước mía là vật sattāhakālika, ngoài ra đều là món thuốc, được phép để dùng cho đến hết.

5 thứ bhojana và các món khādaniya là vật chỉ được phép để dùng, từ khi mặt trời mọc cho đến đúng Ngọ ; dùng ngoài giờ ấy phạm ung-xả-đối-trị. Thọ lãnh để dành qua ngày sau cũng phạm ung-xả-đối-trị.

III.— YĀMAKĀLIKA

8 thứ nước :

1. Nước làm bằng xoài sống hoặc chín (ambapānam) ;
2. Nước làm bằng trái diêm phù (jambupānam) ;
3. Nước làm bằng chuối có hạt (pocapānam) ;
4. Nước làm bằng chuối không hạt (mocapānam) ;
5. Nước làm bằng trái cà-na (madhupānam) ;

6. Nước làm bằng trái thị hoặc trái nho (muddi-kâpânam) ;
7. Nước làm bằng rễ cây hoặc ngó sen (sâluka-pânam) ;
8. Nước làm bằng trái nhãn, chôm-chôm (phârûsa-kapânam).

8 thứ nước làm bằng trái cây ấy gọi là vật chỉ được phép để dùng trong một ngày một đêm.

Giải về cách làm nước bằng trái xoài : nên để xoài vào trong nước rồi dâm, xong đem ra phơi nắng cho chín, lược lấy nước, thêm mật ong hoặc đường vào rồi dùng. Nếu tự mình làm thì chỉ được dùng trong buổi sáng. Người chưa tu lên bậc trên làm, được phép để đến một ngày một đêm, nếu đem dùng chung với cơm cũng được nhưng không nên để quá ngo.

Các thứ nước trái cây khác cũng làm như thế. Không nên nấu (phơi nắng cho chín thì được). Đức Phật có dạy : Như-Lai cho phép dùng vị của các thứ trái cây trừ ra 7 thứ mẽ. Như-Lai cho phép dùng vị của các thứ lá cây, trừ ra lá để ăn đã lược chín. Như-Lai cho phép dùng vị của các thứ bông cây, trừ bông cà-na. Như-Lai cho phép dùng vị của nước mía rỗng (anu... sabbam phalarasam thapetvâ dhannahalasaram — anu... sabbam pattarasam thapetvâ dâkarsam — anu... sabbam puppharasam thapetvâ madhuka puppharasam — anu... ucchurasam).

Các thứ lá cây đều thuộc về vật để dùng cho đến hết. Nếu làm cho chín, chung lộn với vật nào chỉ được phép để dùng theo vật ấy (vật ăn buổi sáng, vật

dùng, một ngày một đêm, hoặc vật dùng trong 7 ngày). Nấu với nước lã thì thuộc về vị thuốc. Các thứ lá sống hoặc luộc chín là vật ăn chung trong bữa cơm. Lá vò với nước mát, hoặc phơi nắng cho chín để làm thuốc cũng nên. Các thứ bông, trừ ra bông cà-na, đều làm thuốc được cả.

Các món yamakâlîka, nếu thọ rồi để dùng quá 1 ngày 1 đêm, đến mặt trời mọc, phạm tác-ác.

IV.— SATTÂHAKÂLIKA

Sữa lỏng (sappi) sữa đặc (navanitam) dầu (telam) mật ong (madhu) nước mía (phânitam) đều là vật để dùng đến 7 ngày. Đến ngày thứ 8 mặt trời mọc-lên phạm ung-xả-đối-trị, ăn vào phạm thêm tội tác-ác.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu, các thứ thịt của loài thú mà đức Phật không cấm ⁽¹⁾, sữa của loài thú ấy gọi là sữa ; về phần mỡ cũng vậy.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu... gọi là sữa tươi (khīram). Sữa ấy để lâu, đến chua gọi là sữa chua (dadhi). Sữa chua họ thối lại gọi là dầu (takkam).

Dầu ấy họ thối lại nữa gọi là bơ đặc (navanitam) ⁽²⁾. Bơ đặc ấy họ thối lại nữa gọi là bơ lỏng (sappi)

Sữa tươi, sữa chua, dầu thuộc về yâvakalika, là

(1) 10 thứ thịt cấm : thịt người, voi, ngựa, sư-tử, cạp, beo, gấu, chó, rắn, chó sói.

(2) Cũng gọi là sữa đặc, sữa lỏng.

vật dùng trong buổi sáng. Sữa đặc, bơ lỏng là món để dùng đến 7 ngày (sattâhakâlîka).

Dầu, mật ong, nước mía, sữa đặc, sữa lỏng mà tỳ-khuru đã thọ trong buổi sáng dùng làm vật ăn được, nhưng quá ngọt rồi, không nên. Nếu để dùng ngoài buổi ăn sáng, được cất đến 7 ngày, quá 7 ngày phạm ung-xả-đối-trị, kể theo mỗi vật và đồ đựng.

Dầu mè, dầu đu-đu, dầu cà-na là vật ăn buổi sáng. Các thứ dầu khác như dầu hạt cải đều thuộc về yâvajîvika.

Thọ lãnh dầu mè, buổi sáng, ăn chung trong buổi cơm, cũng được, nhưng quá ngọt rồi, không nên : dùng ngoài bữa ăn, được cất đến 7 ngày, để làm thuốc, được phép dùng cho đến hết. Dầu có lộn chút ít nước, hoặc hâm nóng, chỉ nên dùng trong buổi sáng. Thọ dầu chung với vật thực cũng vậy, dùng về ngoài da, được phép thoa cho đến hết.

Thọ hạt mè, hạt đu-đu, làm dầu trong ngày, để được đến 7 ngày. Nếu qua ngày thứ hai mới thắng dầu, được dùng đến 6 ngày ; thắng trong ngày thứ ba, thứ tư, hoặc thứ sáu, nên để đến 5, 4 hoặc 2 ngày. Làm trong ngày thứ 7 chỉ được dùng trong ngày ấy thôi.

Thọ hạt mè, hạt đu-đu để quá 7 ngày phạm tác-ác.

Thọ dầu dừa, dầu hạt cải và các thứ dầu khác, thứ dầu không có kể trong pâlî, để quá 7 ngày phạm tác-ác, khác nhau với dầu có nói trong pâlî.

Thọ mỡ trong buổi sáng thắng trong buổi sáng dùng ngoài bữa ăn, được phép để đến 7 ngày. Thọ sái

giờ thắg lược sái giờ, đem dùng phạm 3 tội ác. Thọ trong giờ, thắg lược sái giờ, đem dùng phạm 3 tội tác-ác. Thọ trong giờ, thắg trong giờ, lược ngoài giờ, đem dùng phạm 1 tội ác. Thọ trong giờ, thắg trong giờ, lược trong giờ, không phạm tội.

Thọ trong giờ đem dùng với cơm cũng nên (không được để quá ngọ). Thọ sái giờ chỉ nên dùng ngoài bữa cơm và được phép để đến 7 ngày. Quá 7 ngày phạm ung-xả-đôi-trị.

Thọ nước mía (sông hoặc chín) không lộn với xát (cái) được phép dùng như mật ong.

Thọ đường thẻ, đường tán, đường phèn làm bằng nước mía, mà họ dâng trong buổi sáng đem dùng với cơm cũng nên. Tự mình làm chỉ dùng được ngoài buổi ăn sáng. Các thứ đường ấy là vật sattâhakâlîka dầu có bịnh hoặc không cũng dùng được đến 7 ngày.

Đức Phật có cho phép :

1. Đối với người bịnh ;

2. Đối với người ;

3. Đối với thì giờ ;

4. Đối với dịp ;

5. Đối với xứ ;

6. Đối với mớ ;

7. Đối với vị thuốc.

Đối với người có bịnh, như : Ngài chỉ cho phép tỳ-khuru bị ma nhập được ăn thịt tươi, máu tươi (trừ ra thịt người) ăn trong buổi sáng hoặc buổi chiều cũng được.

Cho phép đối với người, như : người ăn hay ợ com trở ra khỏi cổ, rồi nuốt vào không phạm tội.

Cho phép đối với thì giờ, như : tỳ-khuru bị rấn cần được phép dùng 4 thứ thuốc : nước tiểu, phân, tro, đất, nếu không có ai dâng tự mình lấy dùng cũng nên.

Cho phép đối với dịp, như cho phép tỳ-khuru dùng vật thực nhiều vị trong khi có dịp, ngoài ra không nên dùng.

Cho phép đối với xứ, như cho tỳ-khuru ngoài xứ trung Ấn-độ, từ 5 vị trở lên được phép truyền tỳ-khuru-giới.

Cho phép tỳ-khuru thọ mỡ trắng, lược trong giờ, chỉ nên dùng mỡ lỏng. Cho phép cần dùng mỡ lỏng làm bằng các thứ mỡ của loài thú.

Cho phép đối với thuốc, như : sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía, mà tỳ-khuru đã thọ rồi được phép dùng tùy thích trong buổi sáng ngày ấy. Quá ngộ, nếu có bệnh nên dùng đến 7 ngày, nhưng các thứ đường cứng (đường thẻ, đường sắc, đường om, đường tán, đường phèn) nếu có bệnh thì được phép nhai không bệnh chỉ nên dùng chung với nước.

Cả 5 thứ thuốc ấy, dùng đến 7 ngày, còn dư nên cho đến người khác hoặc để thoa bóp cũng được.

Giải về : Yāvakālika, yāmakalika ; sattāhakālika và yāvajīvika, để lộn chung cùng nhau rằng :

" *Yâvakâlikena bhikkhave yâmakâlikam Tadahu patiggahitam... sattâhâkâli kantenakappati* ".

Nghĩa là : " *Này các tỳ-khuru ! yâmakâlika, sattâhakâlika, yâvajîvika, 1 trong 3 vật ấy mà tỳ-khuru thọ lãn chung với yâvakâlika, chỉ nên dùng trong buổi sáng ấy, quá Ngọ rồi thôi* ". Thọ 1 trong 2 vật sattâhakâlika và yâvajîvika, chung với yâmakâlika, chỉ nên dùng trong một ngày, một đêm thôi. Thọ "yâvajîvika" chung với sattâhakâlika", chỉ nên để đến 7 ngày; qua ngày thứ 8 phải cho đến người khác. Ấy là nói về vật có lộn chung cùng nhau.

Nếu thọ một trong 8 thứ nước "yâmakâlika" chung lộn với dứa, lấy dứa ra, 8 thứ nước "yâmakâlika" dùng ngoài giờ được. Thọ sữa cục với cơm nguội, lấy sữa ra cất dùng đến 7 ngày cũng nên; mật ong, đường cũng vậy.

Vật yâmakâlika, sattâhakâlika và yâvajîvika trộn lộn với vật thực, nếu có thể lấy ra, làm cho thiệt sạch để dùng theo thời đều được cả. Không sạch không nên cất giữ.

Tỳ-khuru không nên nấu nướng vật thực, mà được phép hâm nóng, những vật đã chín sẵn. Thí chủ họ dâng cháo nóng, có bỏ hành tỏi, gừng... tỳ-khuru không nên đem khuấy cho chín, tính làm cho nguội được; dầu cơm còn nguội không nên tính dậy cho chín, dậy cho nóng được; nếu vật đã chín sẵn, đem hâm lại không sao.

GIẢI VỀ CÁCH THỨC ADHITTHĀNA ⁽¹⁾

Y nên additthāna có 7 thứ:

1. Tam y (ticivara);
2. Y tắm mưa (vāsikasātikā);
3. Y lót ngồi (nisīdanam);
4. Y lót nằm (paccattharaṇam);
5. Y rịt ghê (kandupaticchādi);
6. Y lau mặt (mukhamunchana colam);

7. Các thứ y phụ tùng nhỏ như vải lược nước, áo bát, dây (parikkharacolam). Cả 7 thứ y đều là vật nên adhiṭṭhāna theo tên.

Đức Phật dạy phải adhiṭṭhāna tam y, không cho gọi adhiṭṭhāna y tắm mưa đến 4 tháng, hết 4 tháng mưa rồi phải gọi; adhiṭṭhāna y lót ngồi, không cho gọi; adhiṭṭhāna vải rịt ghê, cho đến khi hết ghê rồi gờ; adhiṭṭhāna y lau mặt không cho gọi; adhiṭṭhāna các thứ y phụ tùng, không cho gọi.

Tam y là: y hai lớp để đắp trùm (saṅghāti), y vai trái (uttarasanga), y nội để mặc (antaravāsaka). Ba y ấy phải cắt, may, làm cho đúng phép rồi nhuộm cho có màu, làm dầu (bindukappa) rồi mới nên nguyện đặt tên (adhiṭṭhāna), không cắt, không nên mặc, vì đức Phật có dạy "mābhikkhave acchinnakāni cīvarāni dhā-retabbāni". Chẳng nên mặc y casa không cắt; tỳ-khuru nào dùng casa không cắt phạm tác-ác.

(1) Tam y đã adhiṭṭhāna rồi đi vào xóm khỏi đem theo do 5 điều: 1. Tỳ-khuru có bệnh; 2. trong 4 tháng mưa; 3. Đi qua sông; 4. Chỗ ở, cửa có khóa kín; 5. Có thọ lễ dâng y.

Tam y ấy, dầu cắt cho lớn, rộng đến đâu cũng phải nhỏ hơn y của đức Phật mới nên; nhỏ hơn hết là: y 2 lớp và y vai trái, bề dài 4 hắc 1 bàn tay; bề ngang 2 hắc 1 bàn tay; y nội bề dài bốn hắc 1 bàn tay, bề ngang dầu 2 hắc cũng được. Lớn hoặc nhỏ hơn kiểu ấy không nên nguyện đặt tên là casa.

Khi đã cắt may, nhuộm xong, nên :

1. Làm dấu y, nên dùng 1 trong ba màu (đen, xanh, xám tro, hoặc bùn) vẽ vòng tròn bằng mắt ngỗng, đọc "imam bindukappam karomi" rồi adhiṭṭhāna;

2. Adhiṭṭhāna có 2 cách: adhiṭṭhāna bằng thân và bằng khẩu.

Nếu được y hai lớp cũ, nên đọc xả adhiṭṭhāna rằng "imam saṅghātim paccuddharāmi: tôi xả y hai lớp này"; lấy tay cầm y hai lớp, hoặc để trên mình, đọc trong tâm rằng "imam saṅghātim adhiṭṭhāna" (tôi adhiṭṭhāna y hai lớp này) như thế gọi là adhiṭṭhāna bằng thân.

Adhiṭṭhāna bằng khẩu thì đọc "imam saṅghātim adhiṭṭhāmi". Adhiṭṭhāna bằng khẩu có 2 cách:

1. trong hắc — 2. ngoài hắc.

Nếu y ở trong hắc, đọc "imam saṅghātim adhiṭṭhāmi". Y ở ngoài hắc để trong phòng, trong chùa, phải nhớ đến chỗ để y, rồi đọc "etaṃ saṅghātim adhiṭṭhāmi".

Các y khác cũng phải làm như thế, chỉ nên đổi tên thôi.

Đọc xả y ở trong hắc :

imam⁽¹⁾ { uttarâsaṅgaṃ paccuddharâmi.
etam⁽²⁾ { antaravâsakaṃ paccuddharâmi.

Đọc adhiṭṭhâna:

imam⁽¹⁾ { uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhâmi.
etam⁽²⁾ { antaravâsakaṃ adhiṭṭhâmi.
vassika sâtikaṃ adhiṭṭhâmi.
paccattharanaṃ adhiṭṭhâmi.
kandupatticchâdi adhiṭṭhâmi.
mukhamuñchanacolam adhiṭṭhâmi
parikkhâracolaṃ adhiṭṭhâmi.

Nếu adhiṭṭhâna tam y làm y phụ từng, đọc:

imam⁽¹⁾ { cīvaraṃ parikkhâracolaṃ.
etam⁽²⁾ { adhiṭṭhâmi.

Nếu adhiṭṭhâna nhiều y chung cùng nhau đọc:

imâni⁽¹⁾ { cīvarâni parikkhâracolaṃ
etâni⁽²⁾ { adhiṭṭhâmi.

Nếu adhiṭṭhâna patta thì đọc: imam pattam adhiṭṭhâmi.

GIẢI VỀ CÁCH GÓI Y DU

(Vikappa)

Đức Phật dạy "anujânâmi bhikkhave atirekacīva-

(1) Y ở trong hắc (hatthapâsa) đọc: "imam".

(2) Y ở ngoài hắc (hatthapâsa) đọc: "etam".

raṃ vikappetaṃ. Anu...âyâmenaatthaṅgulaṃsu ga-
taṃ gulena caturaṅgulavitthataṃ pacchimaṃ cīvaram
vikappetaṃ — Nay các tỳ-khuru ! Như-Lai dạy phải
gọi y dư — Như-Lai dạy phải gọi y pacchima-cīvara là
y nhỏ hơn hết bề dài 8 ngón tay, bề ngang 4 ngón tay
(ngón tay của đức Phật).

Y tám mùa, vải rịt ghê, khi đã hết kỳ adhiṭṭhāna
rồi nên gọi bằng 2 cách : gọi trước mặt : gọi khuất
mặt :

1. Gọi y trước mặt 2 cách:

a) Trong hắc, đọc :

imaṃ { cīvaram tuyhaṃ vikappemi.
imāni { cīvarāni tuyhaṃ vikappemi.

b) Ngoài hắc, đọc :

etaṃ { cīvaram tuyhaṃ vikappemi.
etāni { cīvarāni tuyhaṃ vikappemi.

Đọc gọi trước mặt 1 vị tỳ-khuru, rồi cất y cũng
được.

Nếu đem ra mặc, xả hoặc adhiṭṭhāna không nên.
Khi người chịu gọi đọc:

imaṃ { cīvaram mayhaṃ santakam.
imāni { cīvarāni mayhaṃ santakāni.

paribhuñjavāvisajjehivā yathāpaccayaṃvākarohi:
ngoài lấy dùng, hoặc xả, hoặc làm theo việc cần dùng
của tôi.

Đọc xả như thế rồi đem dùng mặc, đắp cũng nên.

(1) Nhiều y để trong hắc (hatthapāsa) đọc : "imāni".

(2) Nhiều y để ngoài hắc (hatthapāsa) đọc : "etāni".

2. Gõ y để khuấy mặt;

Gần, đọc :

imam { cīvaram tuyham vikappanattāyadammi.

imāni { cīvarāni tuyham vikappanattāyadammi.

tôi gõ y này đến ngài.

Xa, đọc :

etam { cīvaram tuyham vikappanattāyadammi.

etāni { cīvarāni tuyham vikappanattāyadammi.

Đọc gõ trước mặt 1 vị tỳ-khuru; tỳ-khuru chịu lãnh gõ nên hỏi chủ y rằng: "Người xuất gia nào thân thiết hay gần gũi với ngài? Chủ gõ y, tùy-thích nói: Ngài Tissa hoặc sadi "Tissa" là người thân thiết với tôi". Vị chịu lãnh gõ nói: "Aham tissabhikkhadammi" hoặc "Aham tissassasāmaṇerassa dammi" theo tên mà tỳ-khuru xin gõ ấy. Như thế gọi là khuấy mặt; rồi cất giữ, như thế ấy cũng được. Khi tỳ-khuru giùm chịu lãnh gõ ấy đọc: "Tissabhikkhuno santakam paribhujjavāvisajjevivā yathāpacayam vā karohi" như đã có giải trong cách gõ trước mặt, điều thứ 2 ấy rồi, mới gọi là xả, khi đã xả rồi, đem y ra mặc đều được cả.

VẤN — Gõ trước mặt và khuấy mặt, khác nhau như thế nào?

ĐÁP — Trong cách gõ trước mặt ấy, tự mình gõ nhờ người khác gõ xả. Trong cách gõ khuấy mặt nhờ người khác gõ cho, nhờ người khác xả cho, khác nhau như thế ấy. Nếu đã gõ đến người nào, người ấy không thông hiểu cách xả, nên đem y ấy

gởi cho tỳ-khuru thông hiểu, rồi nhờ vị ấy xả, mới nên. Người chủ đem y ấy adhiṭṭhāna theo tên rồi dùng, dầu quá 10 ngày, cũng không phạm tội; ấy là adhiṭṭhāna và vikappa y dư trước 10 ngày, nếu để quá 10 ngày, phạm ưng-xả đối-trị theo điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (paṭhamakāṭhina sikkhāpada).

GIẢI VỀ CÁCH ĐÚT ADHIṬṬHĀNA

Y đã adhiṭṭhāna theo tên, như đã có giải, dứt adhiṭṭhāna do 9 điều :

1. Cho đến người khác (aññassadānena);
2. Bị bọn cướp đoạt (acchinditvāgahanena);
3. Bạn thiết lấy (vissāsagāhena);
4. Trở làm người thấp hèn (phạm bất-cộng-trụ theo ngoại đạo) (hināyāvattanena);
5. Xả giới (sikkhāpaccakkhānena);
6. Chết (kālakiriyāya);
7. Đổi tướng mạo (trai biến ra gái, gái biến ra trai) (lingaparivaṭṭanena);
8. Xả bỏ adhiṭṭhāna (paccuddharanena);
9. Lũng lỗ.

Y lũng lỗ bằng lưng móng tay út, lũng dứt hết chỉ mới dứt adhiṭṭhāna.

Y hai lớp, y vai trái rách bề dài từ bìa vào một gang, rách bề ngang từ bìa vào 8 ngón tay mới dứt

adhiṭṭhāna. Y nội rách bề dài từ bìa vào một gang, bề ngang từ bìa vào 4 ngón tay mới dứt adhiṭṭhāna.

Y đã dứt adhiṭṭhāna như thế, phải may vá lại rồi adhiṭṭhāna thêm, đem mặc mới nên. Nên vá y trong 10 ngày kể từ ngày rách, để quá 10 ngày, phạm ung-xả-đổi-trị, như y dư.

TRÍCH DỊCH Ở TẠNG LUẬT

Bhāsitamitam tena bhagavatā jānatā passatā ahetā sammāsambuddhena:

Đức Thế-Tôn đã hiểu, thấy, Ngài là bậc Chánh-đẳng Chánh-Giác có giảng thuyết rằng :

Sampannasīlā bhikkhave viharatha sampannappāṭimokkhā: Này các Thầy Tỳ-khuru! Các thầy hãy là người có Giới đầy đủ, có **pāṭimokkha** ⁽¹⁾ đầy đủ rồi ở yên đi.

Pāṭimokkha saṃvaravuto viharatha ācārago-cāra sampanno :

Hãy là người thu-thúc bằng sự kèm-chế trong **pāṭimokkha**, có đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp. **Anumattesu vajjesu bhayadassāvī samādāya sikkhāttha sikkhāpadesūti :**

Hãy là người thường thấy sự lo sợ tội lỗi dù là

(1) Tàu âm là: Ba-La-Đề-Mộc-Xoa: Pháp điển mà người đã thọ trì đứng-đầu rồi, hằng làm cho người được thoát khỏi các thống khổ trong 4 ác đạo.

nhỏ nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học; (*sikkhāpada*).

Tasmātihamhehi sikkhitabbam: Vì thế, chúng ta là hàng xuất gia trong Phật-Giáo nên học hành rằng:

Sampamasīlā viharissāma sampannāppātimokkhā: Chúng ta sẽ là người có Giới đầy đủ, có *paṭimokkha* đầy đủ rồi ở yên.

Pātimokkhasamvarasamvutā vihāriissāma ācāra gocārasampanno: Chúng ta sẽ là người thu-thúc, kèm chế trong *paṭimokkha*, có đầy đủ hạnh kiểm và nơi vắng lai thích hợp rồi ở yên.

Anumattesu vajjesu bhayadassāvī samādāya sikkhissāma sikkhāpadesūti :

Chúng ta sẽ là người thấy sự lo sợ, tự nhiên, trong tội nhỏ-nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học.

Evañhino sikkhitabbam: Chúng ta phải học hành như vậy.

Patimokkham visodhento appeva jīvitam jahhe: Bậc Xuất-gia tín-thực ⁽¹⁾ khi đã trau giồi

Pātimokkha thu thúc Giới, dám hy-sinh sanh mệnh mình.

Paññattam lokaññathenana bhinde sīlasamvaram: Không phá thu thúc Giới mà đáng cứu thế chế ngự để lại đâu.

Kikīva aṇḍam camarīva vāladhim:

Chim Cà-Cường liềm mình cố giữ trứng nó, thú Camari ⁽²⁾ liềm thân ráng giữ lông nó, thế nào.

Piyamvā puttam nayanamvā ekakam:

Người cố chăm sóc con một.

Tatheva sīlam anurakkhamānakā :

Người chột mắt cố duy trì mắt sáng thế nào, ta hãy thọ trì giới ta cho được, nhất là như chim Cà-Cường vậy.

Supesalā homa sadā sagāravo: Cho được là người có giới, là nơi thương yêu, có lễ phép đúng đắn và tôn kính mãi mãi.

Satthā sāvakkānam sikkhapādam paññapeti dasa atthavase paṭicca:

Đức Thầy chế ngự điều học đến các hàng Thỉnh-Văn vì 10 điều lợi ích là :

- 1) **Saṅghasutṭhutaṅgāya:** Cho có điều tuyệt-hảo đến Tăng;
- 2) **Saṅghaphāsuttāya:** Cho có sự an lạc đến Tăng.
- 3) **Dummaṅkūnam puggalānam niggahāya:** Để khiến trách kẻ bướng bỉnh, phá giới.
- 4) **Pesalānam bhikkhūnam phāsuvīhārāya:** Cho có sự ở yên đến chư tỳ-khuru có Giới là nơi thương mến.
- 5) **Diṭṭha dhammikānam āsavānam samvarāya:** Để ngăn ngừa các lậu phiền não trong hiện tại;

(1) Tín thực: tin chắc chắn.

(2) Bò có lông đuôi dài, ở Tây Tạng.

- 6) **Samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya:** Để đẩy lui những lậu phiền não trong đời vị lai;
- 7) **Appasannānaṃ pasādāya:** Để kích thích những người bất mãn, được tín ngưỡng.
- 8) **Pasannānaṃ bhiyyo bhāvāya:** Khiến kẻ thích càng tin chắc;
- 9) **Saddhammatthitiyā:** Cho Chánh Pháp được thêm kiên cố.
- 10) **Vinayā nuggahāya:** Để hỗ trợ Tạng-Luật.

Vinayamhi mahatthesu

Pesalānaṃ sukhāvaho

Niggahānañca papicche

Lajjīnaṃ paggaheśuca

Sāsamādhārane ceva

Sabbaññuji nugocare

Anaññavisaye kheme

Suppaññatte asaṃsaye :

Khi Tạng Luật có đại lợi đem sự vui đến Tăng có giới đáng kính mến, khiến trách nhóm tỳ-khuru ham muốn xấu xa, nâng cao nhóm tỳ-khuru có sự hỗ trợ, có khí chất duy trì giáo Pháp là nơi vãng-lai của đảng Chánh-biến-Tri không thuộc quyền-hạn của kẻ khác; là nơi yên tâm; nghĩa là đức Thế Tôn đã chế ngự chân chánh không còn ngờ được.

Khandhake vinaye ceva parivāre ca mātike yathattakāri kusalo paṭipajjati yoniso: Bạc Trí-tuệ hay làm điều lợi ích thích hợp hằng thực hành

theo phương pháp trong thiên luật ⁽¹⁾ trong Parivāra và Mātika.

Pamutthamhi ca suttante

Adhidhame ca tāvade

Vinaye avinatthamhi

Puna titthati sāsanaṃ:

Dù là Tạng-Kinh và Tạng-Luận đã phá hủy, mà Tạng-Luật chưa tiêu hoại, thì Phật giáo vẫn tồn tại.

PHÁP LÀM CHO TRỞ NÊN "SA-MÔN"

Đức Chánh-biến-Tri có giảng thuyết về danh hiệu và cái Pháp của "Sa-Môn" rằng: "**Samanā Samanāti vo bhikkhave jano jano sanjānāti**": Nay các tỳ-khuru, đại chúng hằng rõ danh hiệu của các người rằng là "Sa-Môn". Về phần các người cũng vậy, khi có ai hỏi rằng: "ông là chi?". Các người cũng nhận rằng: "Chúng tôi là "Sa-Môn"".

Như vậy: Nếu các người có danh hiệu như thế và nhận mình đúng như vậy rồi biết rằng:

"Ye dhammā Samaṇakaraṇā brahmana karaṇā":

Các Pháp nào làm cho thành Sa-môn và Bà-la-môn, chúng ta sẽ thọ thì những Pháp đó...

Hành động như thế, mới vừa với sự nhận thức chơn chánh của chúng ta, theo lời họ đã gọi thật".

(1) Thiên luật : một phần trong luật

Lại nữa, chúng ta đã thọ dụng Y Bát, thực phẩm, chỗ ngụ, thuốc men của những thí chủ nào thì cái nghiệp lành của họ sẽ sanh phước lớn, có nhiều quả báo chẳng sai, vì họ nương nhờ nơi chúng ta.

Hơn nữa, sự xuất gia của chúng ta, chẳng phải là vô hiệu quả dầu là Pháp để tu hành được nhiều phước báu thật.

Này các tỳ-khuru ! Các người cần biết mình như vậy, chẳng nên quên. Ngài bèn giảng tiếp 2 Pháp trọng yếu nhất là: "hỗ thẹn (hiri) và "ghê sợ" (**ottappa**) tội lỗi rồi giải rằng:

"Parisuddhi kāyaSamācāra, parisuddhi vacīsamācāra, parisuddhi manosamācāra, parisuddha-ājīva, indriyasamvara bhojanamattaññū-jāgariyānuyoga, satisampajañña": Sự nương ngụ trong nơi thanh vắng, cách trau dồi cái tâm cho xa khỏi pháp cái (**nīvaraṇadhamma**) rồi tập trung tinh thần cho trí-tuệ thấy rõ "Tứ-Diệu-Đế". Tất cả Pháp đó là Pháp của "sa-môn".

1. Hỗ-thẹn (hiri) chỉ về sự xấu hổ đối với các ác Pháp.

2. Ghê sợ (**ottappa**) là nói về sự ghê sợ các tội lỗi; Cả hai pháp trên đây là quan trọng đặc biệt của "Sa-môn", bằng không cũng chẳng gọi là Sa-môn được. Có 2 Pháp đó rồi, các đức tánh khác mới có thể phát sanh lên được.

3. Thân trong sạch đầy đủ (**Parisuddhi kayīsamācāra**) chỉ về 3 nghiệp lành của thân;

4. Khẩu trong sạch đầy đủ (**Parisuddhi-vacī-samācāra**) chỉ về 4 nghiệp lành của miệng.

5. Tâm trong sạch đầy đủ (**Parisuddhimano samācāra**) chỉ về 3 nghiệp lành của ý.

6. Sự nuôi mạng trong sạch (**Parisuddha-ājīva**) Tức là sự nuôi sống cho thanh cao (xem trong Chánh mạng thanh tịnh giới) ;

7. Lục-căn thu-thúc (**indriyasamācāra**) (xem trong Lục-căn thanh-tịnh giới).

8. Biết tiết chế trong thực phẩm (**bhojanama-taññū**) chỉ về biết tiết độ trong sự thọ thực (xem trong phép quán-tướng thọ vật-dụng thanh tịnh giới).

9. Tinh thức thường thường (**Jāgariyānuyoga**) là dạy phải thức nhiều ngủ ít.

10. Trí nhớ biết mình (**satisampajañña**).

11. Sự nương ngụ trong nơi thanh vắng; Nghĩa là sự trú ẩn trong rừng hoặc dưới bóng cây hay là nơi tịnh thất vắng vẻ.

12. Sự trau dồi cái tâm cho xa khỏi Pháp cái ; rồi chú tâm Tham Thiên.

13. Làm cho trí-tuệ thấy rõ Pháp "Tứ-Diệu-Đế" là làm cho phát sanh sự thấy biết rõ rệt cái khổ nhân sanh khổ, sự diệt khổ, đạo diệt khổ (xem trong Tứ-Diệu-Đế).

Tất cả pháp đó là Pháp của Sa-môn cần phải có, bằng không ắt sẽ sa trong 4 ác đạo chẳng sai.

Đức Thế-Tôn giảng thuyết về hàng Sa Môn và cái Pháp của hàng Sa-môn như thế.

PHƯƠNG TIỆN CHO PHÁT SANH PHÁP CỦA BẠC XUẤT GIA HOẶC SA-MÔN

Người đã tự nguyện xuất gia hoặc Sa-môn phải chú tâm rằng : " Ta là bậc xuất gia hoặc Sa-môn rồi, cần gìn giữ đức tính cho thanh cao vừa theo cái tướng mạo của người xuất gia hoặc Sa-môn mới đặng, hay quán tưởng theo Phật ngôn rằng : Bây giờ đây ta có tướng mạo khác hơn kẻ thế, nhưt là cách thức hành động của Sa-môn thế nào, ta cần phải làm theo, không nên sai suyển. Bậc xuất gia ví như người thương mãi, buôn bán muốn được lợi, nếu hành đúng cách mới được lời nhiều, bằng làm sai ắt phải lỗ vốn. Vì thế, đức Phật có giải về pháp đề đề nén cái tâm của người xuất gia như vậy.

**Kusoyathā duggahito hatthamevā nukantati
sāmannam dupparamattham nirāyāyūpakadha-
ti yamkiñci sithilam kammaṃ saṃkilitthañca ya-
mvattam saṅkassaram brahmacariyam nataṃ
hoti mahapphalam kayirā ce kayirāthenam da-
lhamenam parakkame sithilo hi paribbajo bhi-
yyo akirate rajam :**

Lẽ thường, có tranh mà người không khéo nắm, kéo ngược trở lại ắt phải đứt tay, thế nào, sự xuất

gia của hành-giả, tu không chơn chánh, sái Pháp-Luật, hằng lôi kéo họ sa trong địa ngục, cũng như thế ấy.

TỘI CỦA BẠC XUẤT GIA TU HÀNH KHÔNG CHƠN CHÁNH

Người mặc Y vàng, song không thu thúc Pháp của Sa-môn cũng không khỏi sa địa ngục, như Phật ngôn rằng: **Kāvāvakanthā bahavo pāpadhammā asañnatā pāpā papehi kammehi nirayaṃ te upapajjare:**

Phần đông người có áo Cà-sa dính cổ, tức là mặc y vàng, song là kẻ có Pháp xấu xa, không thu thúc theo Pháp của Sa-môn, thường phải bị đọa trong cảnh địa ngục, do các nghiệp xấu của họ đã tạo. Lại nữa, người xuất gia đã phá giới, rồi thọ thực của thí-chủ dâng cúng bằng đức tin, không nên dẫu, rán dùng cục sắt đương nóng còn hơn, hiệp theo Phật ngôn rằng:

Seyyo ayogulo bhutto tatto aggisikhū pamo yañce bhunṇeyya dussīlo raṭṭha piṇḍam asaññato: Người xuất gia phá giới, là người không thu thúc mà cũng dùng vất cơm của kẻ thế chẳng dễ dẫu rán ăn cục sắt nóng như ngọn lửa còn hơn.

Đức Phật đã giảng thuyết chỉ rõ tội khổ của bậc xuất gia và Sa-môn không trú trong Pháp của họ, như những qui tắc đã giải.

10 PHÁP MÀ BẠC XUẤT GIA CẦN PHẢI QUẢN TƯỚNG THƯỜNG THƯỜNG

- 1). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Bây giờ đây ta có từng mạo khác hơn kẻ thế, nghĩa vụ nào của Sa-môn ta phải làm cho tròn.
- 2). Bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Sự nuôi sanh mạng của ta nương nơi kẻ khác, ta cần phải làm cho người cấp dưỡng dễ-dàng".
- 3). Bậc xuất-gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Sự làm cho thân khẩu thêm chơn chánh, vẫn còn nữa chẳng phải chỉ có bấy nhiêu.
- 4). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Tâm ta không tự chê bai ta vì giới không đầy đủ chẳng?".
- 5). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Hàng trí-tuệ đã xem xét rồi, họ không khiển trách ta vì giới không đầy đủ chẳng?".
- 6). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ta phải chia lìa sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, không sao tránh khỏi được.
- 7). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ta có cái nghiệp là của ta; ta làm lành thì được vui, gây dữ thì chịu khổ.

- 8). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ngày và đêm hằng qua mau lẹ, bây giờ đây, ta được làm cái chi chẳng?".
- 9). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường rằng: "Ta có ưa thích trong nơi thanh vắng chẳng?".
- 10). Bậc xuất gia nên quán tưởng thường - thường rằng: "Ta đã có các đức cao quý chẳng? khi có bậc Phạm-Hạnh đến hỏi ta trong giờ cuối cùng, ta sẽ không hổ thẹn chẳng?".

Mười Pháp mà các bậc xuất gia nên quán tưởng thường-thường đó gọi là: "Thập Pháp" (**Dasa dh-amma**), song dịch như trên đó, mới thật đúng lý. Người tu học cần phải hiểu rằng: "Thập-Pháp" là Pháp dành cho hàng xuất gia, tuy nhiên, như đã có giải: Điều nào thuộc về bậc xuất gia, điều ấy người Cư-Sĩ hành theo cũng được.

Trong 10 Pháp đó nên hiểu như vậy :

Điều thứ 1.— Dạy phải quán tưởng về tướng
mạo.

Điều thứ 2.— Dạy quán tưởng về chánh mạng.

Điều thứ 3.— Dạy phải quán tưởng về hành
động.

Điều thứ 4. và thứ 5. — Dạy phải quán tưởng về
qui tắc.

Điều thứ 6 và 7 .— Dạy phải quán tưởng về luật
tự nhiên.

Điều thứ 8.— Dạy phải quán tưởng về thời gian.

Điều thứ 9.— Dạy phải quán tưởng về chỗ ngụ.

Điều thứ 10.— Dạy phải quán tưởng về đức hạnh
cao quý.

Về phước báu trong sự quán-tưởng có chia ra làm
2 là :

Phần riêng và chung.

Xin giải về phần riêng mỗi điều trước :

1). Giải về phương tiện phát sanh sự hổ thẹn (*hiri*)
và ghê sợ (*ottappa*) tội lỗi, để thực hành cho vừa với
bốn phận người xuất gia, nghĩa là điều nào không
đúng qui tắc của bậc xuất gia thì phải chừa bỏ, như
là: phải hành những Pháp chơn chánh, như là tri giới,
cho thân khẩu trong sạch, tu định cho tâm yên lặng,
hành Tuệ cho thấy rõ chánh tà.

Phải cần kíp làm cho tròn nghĩa vụ.

2). Khi đã quán tưởng như vậy thì sẽ được 2 điều
lợi-ích :

a) Được làm tròn phận sự đối với người cấp
dưỡng.

b) Sẽ có sự hành-động cho họ dễ nuôi, nghĩa là làm
cho mình thành người biết đủ (**sandosa**), thọ 4 vật
dụng tùy có tùy được. Họ cho vật chi thì vừa lòng với
vật ấy không được chọn tốt, xấu, ngon, dở.

3). Bậc xuất gia chưa chứng đạo quả, là đức hạnh
cuối cùng trong Phật-Giáo gọi là còn phận sự phải
hành, nghĩa là phải tu tập cho thanh cao hơn nữa, cần
phải học những điều chưa biết, thực hành những

điều đã biết. Khi đã trì giới được trong sạch thì cần tu Thiền thêm lên, cho trí-tuệ phát-sanh để đắc đạo quả Niết-Bàn là mục đích tối cao của Phật-Giáo. Nếu bậc xuất gia được biết mình như vậy, thì hằng có sự lợi-ích, để tự hóa trở thành nên bậc cao nhân. Nếu lầm tưởng rằng: Mình là đủ, không cần tu tập nữa, vừa lòng với bấy nhiêu thì không cần mẫn hành bậc cao mà mình chưa đắc. Như thế, bậc xuất gia vẫn còn mắc trong vòng phàm tục và phải bị luật vô-thường chi phối, sa vào 4 ác đạo chẳng sai. Nếu hành-giả hằng quán-tưởng biết mình như thế, ắt sẽ tinh-tấn tu hành thêm lên.

4 và 5) — Bậc xuất gia quán-tưởng hiểu rõ trong điều thứ tư và thứ năm như vậy rồi, sẽ thấy mình chưa toàn thiện thì phát tâm cố-gắng tu trì, không để mình tự chê-trách mình được. Nhưng lẽ thường phàm như hiếm có người được biết chân-chánh như thế. Vì vậy, có lúc làm sai mà họ cho là phải, có khi hành Chánh mà họ cho là Tà.

Cho nên có Phật ngôn rằng :

"Tội mình khó biết, lỗi người dễ xem"! Nhân đó, đức Phật dạy phải luôn-luôn quán-tưởng những điều trên đây, cho phát sanh trí nhớ.

6). Đã thường-thường quán tưởng điều này, thì sẽ thấy rõ sự chia lìa do 2 lẽ là:

a) Các sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, nó sẽ lìa ta khi ta còn sanh tiền cũng có.

b) Trong giờ mạng chung, ta phải bỏ nó cũng có, đó là lẽ tự nhiên không sao tránh được.

Khi thấy rõ 2 Pháp trên rồi, mình được 3 điều lợi-ích:

- a) Dứt tâm bất bình nóng giận, khi gặp sự vật đáng ghét bỏ.
- b) Ngăn tâm không cho buồn rầu thương tiếc, lúc ly biệt sự vật thương yêu.
- c) Kiểm chế tâm ham muốn ngoài sự vật của mình để tránh tà mạng gây ra các nghiệp ác.

Đó là 3 điều lợi-ích mà bậc xuất gia nhờ sự quán-tưởng thường-thường mới thấy rõ được.

7). Trong điều này nên hiểu câu "Ta có cái nghiệp là của ta", rằng: Mọi người trong mỗi kiếp đều có tạo nghiệp, không dữ thì lành, chẳng tốt thì xấu, không có một ai tránh khỏi, cho nên gọi là "Ta có cái nghiệp là của ta". Lại nữa, nếu làm lành thì được vui, làm dữ thì chịu khổ. Cớ ấy, sự quán tưởng trong điều thứ 7 mới có lợi-ích, không cho làm ác, chỉ tạo việc lành, vì đã hiểu rõ quả báo của nghiệp.

8). Đức Phật có khuyên các Tỷ-Khuru cần phải biết thời gian qua rồi chẳng khi nào trở lại. Nên hiểu rõ chơn-chánh rằng: nó chỉ thoáng qua mau lẹ, nếu không thì hằng để cho ngày giờ trải qua vô ích, sẽ có điều hối hận ăn-năn. Có Phật ngôn rằng: *"Những người còn trai tráng, có tánh thông minh mà lười biếng, không chuyên cần làm các công việc thì khó gặp đường xuất thế bằng "Trí-Tuệ".* Lời Phật dạy đây để tỉnh thức họ cho tinh-tấn trong niên cấp còn khỏe mạnh, cho sự tu hành mau được tấn-hóa trong hai phương diện: Đời và Đạo, Sự quán-tưởng thường-

thường trong điều này, hằng đem lại hạnh-phúc yên vui cho mình chẳng sai.

9). Khi đã quán-tưởng thường-thường thì có sự tĩnh tâm vừa lòng trong nơi thanh vắng, lìa xa bè đảng, bậu bạn, ưa thích trong nơi yên lặng để Tham-Thiền cho tâm an-trụ, rồi suy xét điều chi cũng được chân-chánh rõ-rệt, không có trở-ngại và tu bậc thượng được dễ-dàng.

10). Giải rằng : " Các đức tính cao-quý chỉ về tâm Thiền-định hoặc giải thoát ". Nếu đã quán-tưởng thường-thường như thế thì được tĩnh tâm, không hề vừa lòng với các hạnh-phúc nhỏ-nhen bực hạ, Tinh-tấn trong đức tánh cao-thượng theo thứ tự.

Về phước báu trong cách quán-tưởng 10 điều đó, hằng đem lại sự yên lặng cho tâm, để tiến bộ trong Chánh Pháp, Tu Giới, Định, Tuệ cho càng tăng-trưởng thanh cao. Nói tóm lại, sẽ được mãn nguyện trong hai đường : Đời và Đạo xuất thế, chứng quả Niết-Bàn là mục đích cứu cánh của Phật-Giáo.

PHẬT-NGÔN

1. TỖ-KHUU CÓ 5 CHI ⁽¹⁾ HẰNG SA ĐỊA-NGỤC.

- 1). Tỳ-khuru tư vị vì thương.
- 2). Tỳ-khuru tư vị vì ghét.
- 3). Tỳ-khuru tư vị vì dốt-nát.

(1) Chi : Cái duyên ở một thể chia ra

- 4). Tỳ-khưu tư vị vi sự
- 5). Tỳ-khưu dùng của Tăng như của mình.

* * *

2. TỖ-KHUU CÓ ĐỦ 4 CHI MỚI ĐÁNG GỌI LÀ TỖ-KHUU.

- 1). Phải hằng niệm tưởng đức của Phật.
- 2). Phải hằng có tâm Bác-ái (*mettā*).
- 3). Phải hằng Tham-Thiền đối-tượng tử-thi (*asubha*).
- 4). Phải hằng niệm tưởng sự chết (*maranasati*).

* * *

3. SA-MÔN CÓ ĐỦ 4 CHI MỚI ĐÁNG GỌI LÀ SA-MÔN.

- 1). Phải có tâm nhẫn-nại.
- 2). Phải thận trọng trong việc phước đức.
- 3). Phải dứt bỏ lợi danh và Phiền-Não.
- 4). Không bận lòng về thế sự.

* * *

4. NGƯỜI SỚM TỚI ĐI VÀO ĐỊA-NGỤC CÓ 3 HẠNG :

- 1). Người không phải hành đạo cao thượng, mà tự xưng là hành đạo cao-thượng.
- 2). Người cáo gian bậc Phạm-Hạnh.
- 3). Người nói ngũ dục không có tội, rồi thọ dụng ngũ-dục.

* * *

5. LỜI NÓI CAO-THƯỢNG CÓ 4 :

- 1). Không thấy nói không thấy.

- 2). Không nghe nói không nghe.
- 3). Nói không trùng nói rằng nói không trùng.
- 4). Không biết rõ-rệt nói rằng không biết rõ-rệt.

* * *

6. TỶ-KHUU CÓ GIỚI ĐÁNG TÔN-KÍNH CÓ 4 CHI :

- 1). Không tư vị vì thương.
- 2). Không tư vị vì ghét.
- 3). Không tư vị vì Si-Mê.
- 4). Không tư vị vì sợ.

* * *

7. ĐỆ TỬ ĐỐI VỚI THẦY CÓ 5 PHÁP :

- 1). Phải hết lòng thương yêu thầy.
- 2). Phải hết lòng tin tín thực thầy.
- 3). Phải hết lòng hổ thẹn tội-lỗi.
- 4). Phải hết lòng tôn trọng thầy.
- 5). Phải hết lòng nhớ tưởng thầy.

* * *

8. THẦY ĐÁNG CHO ĐỆ-TỬ NUƠNG TỰA CÓ 7 PHÁP :

- 1). Phải có tâm Bác-ái bình-đẳng.
- 2). Phải có Giới tinh nghiêm.
- 3). Đáng cho trò tôn kính.
- 4). Phải nhẫn-nại, khi trò bất-bình, biết tùy cơ cảm hóa trò.
- 5). Phải biết đạo lý cao-siêu và biết giảng giải theo sức trò.

- 6). Phải ngăn trở không cho làm điều vô ích tội lỗi.
- 7). Phải tìm phương pháp để chỉ dẫn trở cho mau tiến hóa.

* * *

9. BẬC MINH TUỆ CÓ 4 CHI (PANDITĀ) (LÀ BẬC ĐÁNG NUƠNG TỰA).

- 1). Biết ơn người đã làm đến mình (Kataññū).
- 2). Biết làm cho mình được trong sạch (Attasuddhi).
- 3). Biết làm cho người được trong sạch (Parasuddhi).
- 4). Tế độ người nên tế độ (Sangaho).

* * *

10. BẬC TỊNH-GIÀ (THIỆN-TRÍ-THỨC) CÓ 7 CHI :

- | | |
|------------------|--------------------------|
| 1). Biết nhân. | 2). Biết quả |
| 3). Biết mình | 4). Biết tiết độ. |
| 5). Biết thì giờ | 6). Biết nơi hội họp, và |
| | 7). Biết người. |

Ba bậc trên đây (VIII, IX, X) là hạng người đáng nương tựa, thân cận thì sẽ được hưởng thụ 4 quả báu :

- 1). Hằng làm cho Giới được Tăng tiến cao-thượng
- 2). Hằng làm cho Định được tăng-tiến cao-thượng
- 3). Hằng làm cho Tuệ được tăng-tiến cao-thượng
- 4). Hằng làm cho sự giải thoát được tăng-tiến cao-thượng.

TỶ-KHUU CÓ 7 PHÁP ĐÁNG CHỌ HÀNG PHẠM HẠNH THƯƠNG MẾN :

- 1). Không mong được lợi
- 2). Không mong được danh giá.
- 3). Không ngã chấp.
- 4). Hồ thẹn tội lỗi.
- 5). Ghê sợ tội lỗi.
- 6). Không ganh ty.
- 7). Không bòn xén.
(đáng thân cận)

TỶ-KHUU CÓ 7 PHÁP KHÔNG ĐÁNG CHO HÀNG PHẠM-HẠNH THƯƠNG MẾN :

- 1). Mong được lợi.
- 2). Mong được danh giá.
- 3). Ngã chấp.
- 4). Không thẹn tội lỗi.
- 5). Không ghê sợ tội lỗi.
- 6). Ganh ty.
- 7). Bòn rít.
(Không nên gần gũi)

6 ĐẶC TÍNH CỦA KẸ SI MÊ :

- 1). Mong được người ca tụng.
- 2). Mong được đứng đầu trong hàng tỳ-khuru.
- 3). Mong được làm cả trong chùa.
- 4). Mong được thiện tín cúng dường.
- 5). Mong được người ưa thích, việc của kẻ khác làm mà nói là của mình.
- 6). Mong được kẻ khác dưới quyền mình trong tất cả mọi việc.

Những kẻ có đặc tính như thế là người hèn hạ không nên thân cận.

6 HẠNG XUẤT GIA LÀ :

- 1). Xuất gia của người dốt nát.
- 2). Xuất gia của người hay giận.
- 3). Xuất gia của người chơi giỡn.
- 4). Xuất gia của người thu góp của cải.
- 5). Xuất gia của người để nuôi sống.
- 6). Xuất gia của người muốn được thoát khổ.

(Chỉ có hạng người xuất gia thứ 6 mới được gọi là chơn chánh).

LUẬT XUẤT-GIA

(TỨ THANH TỊNH GIỚI)



TỨ THANH TỊNH GIỚI

(Catupārisuddhisīla) là :

1.— Biệt biệt giải thoát thu thúc giới

pāṭimokkhasaṃvarasīla

2.— Lục căn thu thúc giới

indriyasaṃvarasīla

3.— Chánh mạng thu thúc giới

ājīvapārisuddhisīla

4.— Quán tưởng thọ vật dụng giới

paccayaśāññissitasīla



BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THỨC GIỚI

Pāṭimokkhasaṃvarasīla

Trong 4 giới trong sách xin giải về : "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" là sự thu thúc theo điều học trong giới bốn trước.

Giới mà đức Thế-Tôn đã tự thuyết rằng :

"Tỳ-khuru trong giáo pháp này, đã thu thúc theo giới bốn, đều đủ cả **ācāra** và **gocāra**, là người đã thọ trì những điều học, hay có lòng lo sợ tội lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít. Như thế gọi là "biệt-biệt giải-thoát thu thúc giới".

Tiếng **pāṭimokkha** ⁽¹⁾ nghĩa là: "Pháp mà người đã thọ-trì đúng đắn rồi, nó hằng làm cho người đó được thoát khỏi các sự thống khổ, nhứt là khỏi khổ trong bốn đường dữ (cầm thú, a-tu-la, ngã-qui, địa ngục).

Tất cả điều học mà đức Thế-Tôn đã chế-định, hiệp lại gọi **pāṭimokkha** ấy, có thể làm cho người thọ-trì theo, được nhiều điều lợi ích cao thượng, như đã có giải.

Câu nói "thu-thúc theo **pāṭimokkha** ấy, là nói, được thu-thúc điều học mà đức Thế-Tôn đã truyền răn để lại.

Giải về tiếng **ācāra** và **gocāra**. Phạm cách người mong được điều hữu ích, phải cố gắng hành theo, gọi là **ācāra**, trái lại gọi là : **anācāra**.

Trước hết, xin giải về tiếng **anācāra**, vì hai pháp ấy có sự tương phản cùng nhau: **Anācāra** về đàng dữ; **ācāra** về đàng lành.

(1) Tàu âm là ba-la-đề-mộc-sa.

Tiếng *anācāra* là nói về sự hành ác, do nghiệp thân, nghiệp khẩu, hoặc luôn cả nghiệp thân và khẩu, tức là nói về sự phá giới.

Còn sự nuôi mạng không chơn chánh, là nói về tỳ-khuru nuôi mạng nhờ :

1. — Giả làm cách tề chỉnh,
2. — Giả làm cách vui vẻ
3. — Nói ướm
4. — Giả bộ dọa hăm
5. — Được nơi đây đem cho nơi kia, được nơi kia đem cho nơi đây,
6. — Cho tre
7. — Cho lá cây
8. — Cho bông hoa
9. — Cho trái cây
10. — Cho cây xia răng
11. — Cho nước rửa mặt
12. — Cho vật để tắm
13. — Cho vật thoa dôi
14. — Cho đất (của táng)
15. — Tôn kính kẻ thế
16. — Thật ít, dối nhiều

17. — Giữ gìn con cho người
18. — Làm tay sai cho người
19. — Làm thầy thuốc cho người
20. — Làm kẻ đem tin cho người
21. — Chịu cho người sai khiến
22. — Đem cơm cho người rồi đi khát thực sau mà ăn
23. — Cho đi cho lại
24. — Xem thiên-văn địa-lý
25. — Xem ngày, tháng, sao, hạn cho người
26. — Xem tài tướng và xem thai đàn bà (để trai hay gái).

Nếu tỳ-khuru có lòng ham muốn mong được lợi để nuôi mạng theo 26 điều "tà mạng" trên đây, chẳng được gọi là tỳ-khuru (trừ ra không có lòng ham muốn thì không kể).

Anācāra chia ra có hai nghiệp :

1. — **Kāyika**: hành tà do nghiệp thân.
2. — **Vācāsika**: hành tà do nghiệp khẩu.

Giải: Tỳ-khuru khi vào giữa giáo hội không lòng cung kính, đứng, ngồi, dụng chạm, lấn lướt vị cao hạ hơn mình; đứng hoặc ngồi trước vị cao hạ; đứng hoặc ngồi cao hơn vị cao hạ; nói múa tay trước mặt

vị cao hạ; vị cao hạ đi chơn mà mình mang giày, hoặc vị cao hạ ở thấp mà mình ở cao; đứng hoặc ngồi không ngay thẳng; không cho phép vị thấp hạ ngồi; để cùi trong nhà khói mà không cho vị cao hạ hay; đi tắm không nhường cho vị cao hạ; lúc tắm và khi tắm xong đi lên, đi vào xóm hoặc ra xóm cũng như thế; hoặc đi đến nhà nào, vào buồng của người đã khép cửa; có phụ nữ ngồi đâu lại đi vào nơi ấy; vò đầu kẻ trai hoặc gái, các sự hành động như thế đều gọi là **anācāra**; hành tà do nghiệp thân.

Có vị tỳ khuru khi vào giữa giáo-hội nói những lời vô lễ, không bạch trước với vị cao-hạ, mà thuyết pháp, hỏi hoặc giảng giới bản (**pāṭimokkha**) đứng nói múa tay; nếu đi vào xóm thấy phụ-nữ, trẻ, hoặc già, kêu nói : cô này, có cháo không? có cơm không? có bánh không? có gì... ta ăn uống?... có chi dùng? Các cô này! Có chi dâng cho ta...

Những lời nói ấy đều gọi là **anācāra** hành tà do nghiệp khẩu.

Còn về **ācāra** tức là thu thúc theo giới luật, trái hẳn với **anācāra** như đã giải trên, và cũng chia ra có hai nghiệp: nghiệp thân và nghiệp khẩu, giống nhau.

Người học Phật nên lấy đó làm nơi xu-hướng.

Tóm lại, tiếng **ācāra** để nói về phẩm cách vị tỳ-khuru có lòng tôn kính và nghiêm trì giới luật, có

sự hổ thẹn và gớm ghê những điều tội lỗi, ăn, mặc, theo điều "Ung-học pháp" **sekhiyavatta**, đi tới, thối lui, xem trước nhắm sau, ngồi, đứng phải phép đáng cho người kính trọng, mắt ngó xuống, oai nghi chơn chánh lục căn thanh tịnh, có sự tiết độ, có trí nhớ, có sự biết mình **satisampajañña**, ít tham muốn, có độ lượng, không hay trà trộn cùng kẻ thế, hoặc thiên-vị theo đảng phái, biết đền ơn trả thảo, tôn kính người đáng tôn kính...

Những sự hành động ấy đều gọi là **ācāra**, hành đúng luật do nghiệp thân và nghiệp khẩu.

Gocāra và agocāra

Cảnh vật ⁽¹⁾ mà lục căn thường xu hướng theo gọi là **gocāra**.

Giải: Lục dục nếu nói cho tốt lý thì có cả "dữ và lành". Dữ là tư cách làm cho phát sanh tội, nhứt là phạm giới.

Lành là tư cách làm cho phát sanh phước, nhứt là gìn giữ giới luật cho được trong sạch.

• Giải về tiếng **agocāra** Đức Phật có tự thuyết rằng "Tỳ-khuru thường hay thân cận phụ-nữ, bán nam, bán nữ, tỳ-khuru ni, hàng rượu hoặc lưu luyến theo vua chúa, quan lại, người cao-sang, phú hộ, kẻ

(1) Lục dục (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp).

dữ, người không tín-nguỡng tam bảo, hạng khinh rẽ Phật Pháp, hay gây gỗ cùng tín đồ và tăng chúng. Xu hướng theo những điều ấy gọi là **agocāra**, trái lại là **gocāra**.

Gocāra chia ra có 3 điều :

1.— **Upanissayagocāra**: Nơi nương nhờ có thể làm cho đức hạnh phát sanh, như thân cận cùng bậc "thiện-trí-thức".

2.— **Ārakkhagocāra**: Cái có thể giữ gìn lục căn được thanh tịnh, như "trí nhớ".

3.— **Upanibandhagocāra**: Phương pháp trau-giồi có thể buộc chặt cái tâm, như phép "Tứ-niệm-xứ".

Giải: Những bậc "thiện trí thức" có đủ 10 lời nói trong sách ⁽¹⁾ hoặc cao-minh hằng tế-độ người nương theo Phật Pháp, cho được nghe chơn lý chưa

(1) 10 lời nói trong sách (Kathā vatthu) là :

- 1— **Appicchakathā**: lời nói làm cho phát sanh sự ham muốn ít.
- 2— **Santutthikathā**: lời nói làm cho phát sanh sự biết đủ (tri-túc).
- 3— **Pavivekakathā**: lời nói làm cho phát sanh sự yên lặng.
- 4— **Asamsaggakathā**: lời nói không cho sự quyến luyến.
- 5— **Viriyaambhakathā**: lời nói làm cho phát sanh sự tinh tấn.
- 6— **Sīlakathā**: lời nói làm cho giới được trong sạch.
- 7— **Samādhikathā**: lời nói làm cho phát sanh thiền định.
- 8— **Paññākathā**: lời nói làm cho phát sanh trí tuệ.
- 9— **Vimuttikathā**: lời nói làm cho phát sanh sự giải thoát.
- 10— **Vimuttiñānādassanakathā**: lời nói làm cho phát sanh trí tuệ thấy rõ sự giải thoát.

từng nghe, nghe được rồi càng thêm ngưỡng mộ, làm cho người hết sự hoài nghi, phát sanh chánh kiến.

Những bậc có đủ các pháp: Tín, giới, văn ⁽¹⁾, thí, tuệ, mà người nào đã nương theo rồi hằng được hưởng điều hạnh-phúc, như thế gọi là **upanissayagocāra**.

Giải về tiếng **āraṅkhaṅgocāra** Đức Phật có tự thuyết rằng: Tỳ-khưu khi đi vào xóm hoặc đi ngoài lộ, mắt thường ngó xuống, xa lối một sải, đi đứng cẩn thận, nghiêm-trang không xem xe cộ, ngựa voi v.v... nhưt là không để ý đến kẻ bộ hành (traoi, gái), không ngó phía trên, nhìn phía dưới... như thế gọi là **āraṅkhaṅgocāra**.

Còn về **upanibandhagocāra**, đức Thế-tôn chỉ ngay về "pháp tứ-niệm-xứ" ⁽²⁾ dạy người tu Phật phải dùng pháp ấy để buộc chặt cái tâm như sau này:

**Yathāthambhe nibandheyya vacchaṃ
damannaro idha bandheyyevaṃ sakkhaṃ cittaṃ
satiyārammaṇe dāhaṃ.**

Nghĩa là: Trong vũ-trụ này, những người, khi tập luyện bồ con, cần phải buộc chặt nó đứng yên nơi cây trụ, ví như hành giả, khi tu tâm cũng phải dùng pháp "Tứ-niệm-xứ" để buộc chặt cái tâm, mới

(1) Văn: là nghe

(2) Xin xem cuốn Tứ-niệm-xứ.

có thể giữ gìn tâm được yên tịnh. Đó gọi là **upanibandhagocāra**.

Đức Như-Lai kể **ācāra** và **gocāra** vào trong giới bốn, vì là: Giới của tỳ-khưu và được trong sạch là nhờ đã có hành thêm **ācāra** và **gocāra**. Như đó đức Phật mới đề pháp **ācāra** chung với giới bốn.

GIẢI VỀ TIẾNG "LO SỢ TỘI LỖI NHỎ NHEN CHÚT ÍT"

Trong điều Ưng-học-pháp **seṅkhiyavatta** và **khandhakavatta** v.v... điều học nào thuộc về "vô ý" mà phạm thì cũng bị tội cho nên gọi là tội "nhỏ nhen chút ít".

Đối với bậc trí tuệ, dầu là tội nhỏ nhen chút ít, các ngài cũng chẳng dám để đuôi phạm đến. Sự lo sợ của các ngài làm cho các ngài thấy những tội ấy lớn bằng núi Tu-Di, cao đến 84.000 do tuần. Bằng không, với tội nhẹ hơn hết, như tội ác khẩu, các ngài cũng rất lo sợ, xem như đại tội "Bất cộng trụ. Chẳng phải chỉ có thể thôi, cho đến những nghiệp nhỏ nhen mà đức Phật nói: "Không phải là tội, không phải là sự dễ đuôi", các ngài cũng chẳng dám phạm. Phạm cách của bậc trí-tuệ lo sợ tội lỗi nhỏ nhen chút ít là như thế ấy.

Thọ trì một việc nào là việc phụ thuộc của những

điều học. "9 điều ⁽¹⁾ của đức Phật đã chế định" và gìn-giữ hành theo cho đều đủ, như thế gọi là thọ-trì theo tất cả điều học.

Tất cả pháp đã giải đều gọi là " Biệt-Biệt Giải-Thoát Giới " (*pāṭimokkha saṃvarasīla*).

KẾT-LUẬN TRONG " BIỆT-BIỆT GIẢI THOÁT THU THỨC GIỚI "

Thật vậy " Biệt-Biệt Giải thoát Giới " mà được trong sạch là nhờ có đức tin. Điều học mà đức Phật đã chế-dịnh ấy, vượt khỏi tuệ-lực của chư

(1) 9 điều chế định là:

1— *Mūlapaññatti*: điều chế đầu tiên trong mọi điều học.

2— *Anupaññatti*: điều chế nối tiếp trong điều học đã có cấm nhiều lần.

3— *Anuppaññapannatti*: điều chế để ngừa sự xảy đến (nói về 8 trọng pháp của tỳ-khưu ni).

4— *Sabbatthapaññatti*: điều chế đối với tất cả tỳ-khưu trong xứ.

5— *Padesapaññatti*: điều chế chỉ đối với tỳ-khưu trong xứ trung Ấn-độ.

6— *Sādhāranappaññatti*: điều chế chung cho tỳ-khưu và tỳ-khưu ni.

7— *Asādhāranappaññatti*: điều chế riêng cho tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu ni.

8— *Ekatopaññatti*: điều chế chỉ đối với tỳ-khưu hoặc tỳ-khưu ni.

9— *Ubhatopaññatti*: điều chế đối với cả hai bên.

Thinh-văn, nên chính mình đức Phật mới có thể chế-định được. Nhân đó, các tỳ-khuru phải thọ trì điều học, chẳng nên tiếc sự sống mà phạm giới, phải hành theo bài kệ sau này :

**Pāṭimokkham visodhento appevajīvitam jahe
paññattam Iokanāthena na bhinde
sīlasamvaram.**

Nghĩa là : Người có đức tin, khi đã thọ trì giới bổn, nên liêu thác, chẳng nên phạm giới của đức Phật đã chế-định.

Giải rằng : " Chim te-hoạch liêu chết rán gìn-giữ trứng của nó thế nào, thú cāramī liêu chết rán gìn-giữ lông nó thế nào, người bá hộ có một trai, rất triu mến, rán gìn-giữ đứa con đó thế nào, kẻ hư một mắt rán gìn-giữ mắt lành kia thế nào, thì các người phải rán thọ trì giới của mình như thế ấy. Hãy lấy nó làm nơi chí-thiết, làm cho giới được trong sạch hoàn-toàn cũng như mấy điều kể trên vậy.

LỤC CĂN THỦ THỨC GIỚI

(Indriyasamvarasīla)

Đức Thế-Tôn đã tự thuyết rằng : " Tỳ-khuru đã thọ trì giới bổn rồi, nếu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi hửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, tâm

biết các pháp mà chẳng cảm xúc, tinh tấn gìn giữ lục căn, không cho ác pháp (tham, sân, si) đè nén được, như thế gọi là "Lục Căn Thu Thúc Giới".

GIẢI VỀ TIẾNG " CHẴNG CẢM XÚC "

Chẳng cảm xúc là chẳng vì sự tiếp xúc mà cảm động, phân biệt rằng đây là phụ-nữ, đây là nam nhơn, đây đẹp, đây không đẹp, đây ngon, đây không ngon v.v... chỉ phải trong phạm vi thấy nghe mà thôi.

GIẢI VỀ TIẾNG " TINH TẤN GÌN GIỮ LỤC CĂN "

Phải tinh-tấn cẩn-thận, chăm chỉ không cho lục trần thâm nhập lục căn, ngăn ngừa không cho cảnh nghịch làm cho phát sanh sự thương ghét vào nhiều loạn tâm linh. Nếu có cảnh nghịch tiếp xúc, phải dùng trí nhớ cản ngăn, nghĩa là : đừng hững hờ để cho tâm duyên theo hoàn cảnh. Phải tinh tấn hành theo pháp *ācāra* và *gocāra* cho đều đủ (như đã giải trong đề " Biệt-biệt giải thoát thu thúc giới).

Sự tinh-tấn như thế chỉ để ngăn ngừa lục căn không cho ác pháp (tham, sân, si) vào làm hại thiện pháp trong tâm. Bởi vì ác pháp vào được rồi, thì nó làm tiêu hoại các điều lành trong tâm, ví như đạo tặc vào nhà vậy.

THU THỨC VÀ KHÔNG THU THỨC

Trong Lục căn thu-thức giới có những điều để phân biệt pháp thu thức với pháp không thu thức ; khi những điều ấy chưa phát sanh thì không thể gọi là " thu thức hoặc không thu thức được ".

Thế nào gọi là pháp thu thức (**Samvaradhàrma**) thế nào gọi là pháp không thu thức (**asamvaradhàrma**)?

5 pháp để phân biệt thu thức là :

- 1.—**Sīlasamvara** : pháp thu thức tức là " giới "
- 2.—**Satisamvara** : pháp thu thức tức là " trí nhớ "
- 3.—**Nāṇasamvara** : pháp thu thức tức là " Trí tuệ "
- 4.—**Khantisamvara** : pháp thu thức tức là " nhẫn nhục "
- 5.—**Viriyasamvara** : pháp thu thức tức là " tinh tấn "

5 pháp để phân biệt không thu thức là :

- 1.—**Dussīlya** : phá giới
- 2.—**Mutthasacca** : hay quên
- 3.—**Aññāna** : không trí tuệ
- 4.—**Akkhanti** : không nhẫn nhục
- 5.—**Kosajja** : lười biếng

Giải : Khi một trong sáu trần tiếp xúc với một căn nào mà có một trong 5 pháp thu thúc phát sanh thì phải biết rằng " căn " ấy tỳ-khuru đã thu thúc trong sạch rồi. Trái lại, nếu có 1 trong 5 pháp không thu thúc phát sanh, thì nên biết rằng " căn " ấy, tỳ-khuru không thu thúc. Sự thu thúc và không thu thúc chẳng phải chỉ phát sanh trong 1 căn thôi đâu (chúng nó có thể phát sanh trong tất cả lục căn).

Muốn biết những sự thu thúc và không thu thúc phát sanh, phải cần biết con đường đi từng bậc của tâm.

Đây xin giải : Con đường đi của tâm trong " nhãn căn ".

Khi sắc trần tiếp xúc mắt thì những hiện tượng biến động tiếp tục phát sanh, trước hết :

1.— (Bhavaṅga) Tâm thường tịnh phát sanh 2 (**khana**) " sát-na " nghĩa là rung động tâm thường tịnh 2 sát-na⁽¹⁾ rồi diệt.

2.— (Kiriyaṃanodhātu) là cái tâm tìm kiếm sắc trần làm cho sự tìm kiếm (**āvajjanakicca**) sắc trần ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

3.— (Cakkhuvīññaṇa) Nhãn thức nghĩa là sự biết sắc trần trong " nhãn căn " làm cho " sự thấy "

(1) (khana) sát-na là = thời gian rất ngắn của tốc lực tâm.

(Dassanakicca) sắc trần ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

4.— **Vipākamanodhātu** : Tâm dung nạp sắc trần làm cho sự dung nạp ấy phát sanh lên 1 sát-na rồi diệt.

5.— **Vipākahetuka manoviññāṇadhātu** : Tâm xem xét châu đáo làm cho sự xem xét châu đáo (santīranakicca) sắc trần ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

6.— **Kiriyāhetukamanoviññāṇadhātu** : Tâm ghi chép sắc trần làm cho sự ghi chép (votthapanakicca) ấy phát sanh một sát-na rồi diệt.

7.— **Javana** " Tâm tốc-lực " ⁽¹⁾ tùy theo trạng thái của cảnh giới, làm cho phát sanh pháp thu thúc hoặc không thu thúc.

Khi tâm thường tịnh (**Bhavaṅga**), mới phát sanh thì chưa được gọi rằng thu thúc hoặc không thu thúc. Chỉ đến khi sát-na (**javana**) phát sanh mới có thể nhưt định được. Bởi tất cả các pháp để phân biện cho biết " có thu thúc cùng không thu thúc " đều chỉ phát sanh trong sát-na cuối cùng là (**javana**) thôi.

(1) Javana là cái sức mau chóng của tâm bắt lấy và hưởng dụng sắc trần.

Chỗ nói : " Phải cẩn thận trí nhớ và rón gìn giữ 6 căn không cho các ác pháp là tham, sân dè nén được " là chỉ rõ rằng : khi " tham sân " không dè nén được thì gọi là " thu thúc ". Nếu để chúng nó dè nén được thì gọi là " không thu thúc ".

Xin thí dụ cả thân thể như nhà, sáu căn như cửa ngoài nhà, đường đi của tâm ví như buồng trong nhà, trí nhớ như người giữ cửa.

Tất cả năm pháp thu-thúc ví như cửa cái ; một trong sáu trần ví như kẻ dắt đường ; tham và sân ví như kẻ cướp ; cả năm pháp " không thu thúc " ví như bọn tùy tùng của kẻ cướp. Khi người gác cửa tức là " trí nhớ ", quên phận sự mình, thì tất nhiên kẻ dắt đường, chính là một trong sáu trần, sẽ thừa dịp ấy dẫn kẻ cướp tức là tham và sân vào nhà. Kẻ cướp ấy, tức là tham-sân, ắt đem theo bọn tùy tùng tức là năm pháp "không thu thúc" xông vào phá buồng trong nhà tức là đường đi của tâm để cướp lấy tài sản tức là thiện pháp (pháp thu thúc).

Vì vậy cho nên cần phải tinh tấn gìn giữ sáu căn cho cẩn thận, chớ nên hờ hững để cho giác quan phóng túng như: mắt hay xem sắc, tai hay nghe tiếng vân vân... Những lời đã giải gọi là: "Lục căn thu thúc giới".

KẾT-LUẬN "LỤC CĂN THU THỨC GIỚI"

Nhờ có trí nhớ mà Tỳ-khuru gìn giữ sáu căn được thanh tịnh, làm cho ác pháp nhưt là tham, sân không thể đè nén cái tâm trong sạch được.

Có lời khen rằng: "Thu-thức lục-căn giới mà được kết quả mỹ mãn rồi, có thể bảo tồn giới bền được lâu dài, ví như cây lúa mà người gìn giữ được tốt tươi, là nhờ có hàng rào kín đáo, ví như Tỳ-khuru không thể bị đạo tặc phá khuấy, tức là các phiền não vào làm hại, hoặc giả ví như một xứ kia được quan quân canh giữ các cửa thành rất cẩn thận làm cho bọn giặc không sao xâm nhập được". Hiệp theo Phật-ngôn rằng: **"Rùpesu saddesu athorasesu gandhesu, phassesu, ca rakkhatindriyam ete hi dvārā pidahitā susamvutā na haranti gāmamva parassa hārino.** Nghĩa là: "Con người phải gìn giữ lục căn, không cho điều nguy hiểm tai hại phát sanh vì sắc, thính, hương, vị, xúc, bởi khi các cửa nhưt là nhãn căn, mà người đã đóng khít khao rồi, thì chẳng bị cái chí làm hại được, ví như trong xứ mà người đã đóng cửa thành chắc-chắn, thì đạo-tặc cũng không sao vào phá hại dân chúng được.

Lại nữa, nếu Tỳ-khuru nào đã thu thức lục căn rồi, thì lòng tham dục không sao phá hại tâm của vị đó được, ví như giọt mưa không thể xoi phủng mái nhà